

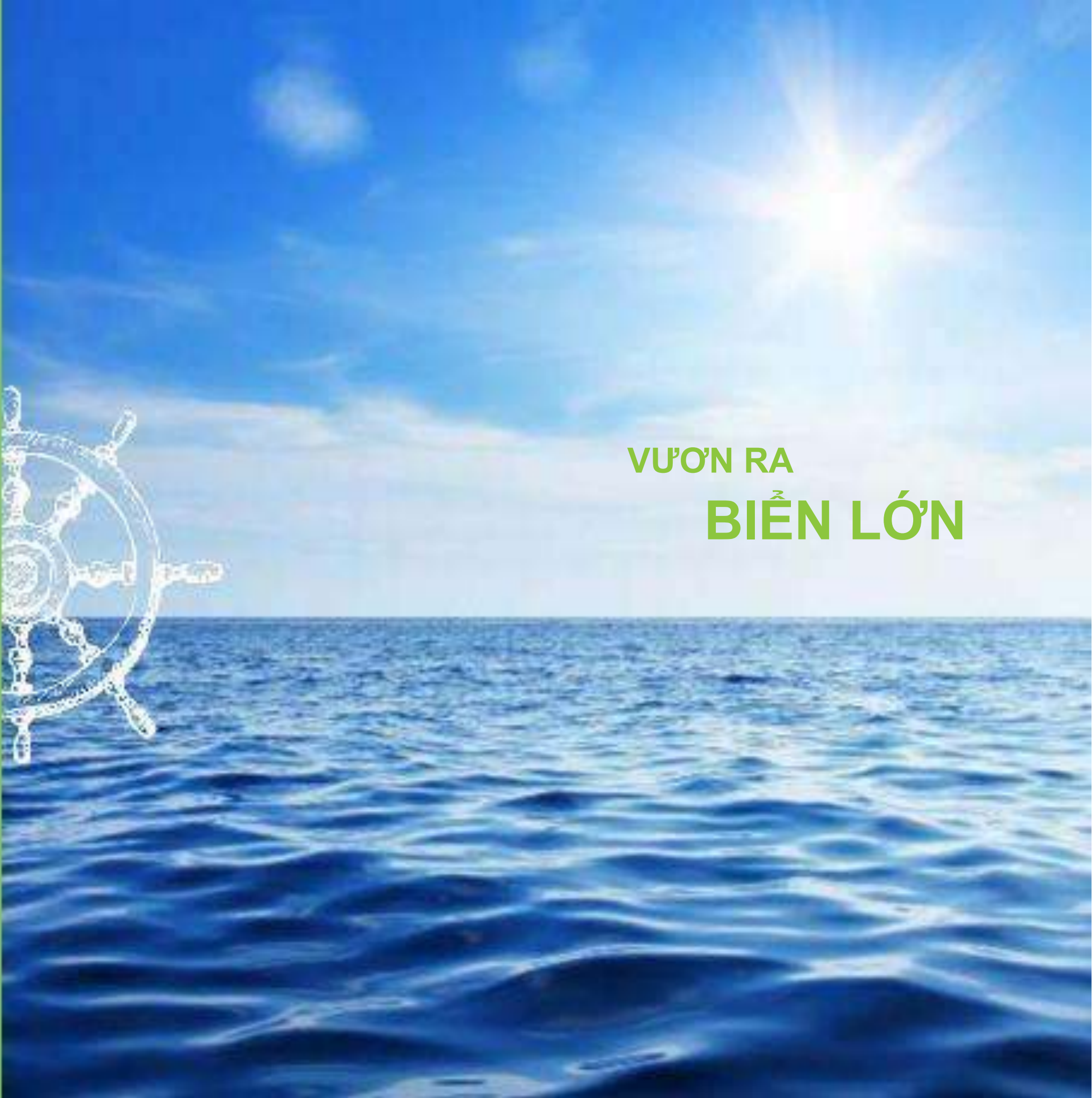
# VƯỢN RA BIỂN LỚN



# NỘI DUNG

<b>GIỚI THIỆU VIETCOMBANK</b>	04
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD	06
Thông tin khái quát	10
Lịch sử hình thành và phát triển	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
10 dấu ấn tiêu biểu Vietcombank	20
Thông tin về mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý	26
Chỉ số tài chính cơ bản 2012 - 2016	28
Định hướng phát triển	32
Danh hiệu và giải thưởng	36
 <b>BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO</b>	44
Tình hình tài chính	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	50
Đánh giá của Ban Điều hành	56
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	78
 <b>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</b>	88
Tổ chức và nhân sự	90
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	92
Giới thiệu Ban Điều hành	94
Giới thiệu Ban Kiểm soát	97
 <b>QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	100
Quản trị Công ty	100
Quản trị rủi ro	108
Mạng lưới hoạt động	110
 <b>CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI</b>	114
Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank 2016	116
 <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	133
Thông tin về Ngân hàng	136
Báo cáo của Ban Điều hành	138
Báo cáo Kiểm toán độc lập	140
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	142
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	144
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	146
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	148

VƯỢN RA  
BIỂN LỚN



01

Trụ  
sở  
chính

02

Văn  
phòng  
đại  
diện

101

Chi  
nhánh

397

Phòng giao dịch

53/63

hoạt động  
thành phố tại 53/63 tỉnh  
trong cả nước

NGÂN HÀNG  
TỐT NHẤT VIỆT NAM  
3 NĂM LIÊN TIẾP  
(2015-2017)

1  
NGÂN HÀNG







TỔNG TÀI SẢN TĂNG TRƯỞNG MẠNH MỀ VÀ ĐÃ VƯỢT QUA MỐC 1 TRIỆU TỶ ĐỒNG, VỀ ĐÍCH TRƯỚC 2 NĂM SO VỚI ĐỀ ÁN, LÀ NĂM CÓ LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG ẮN TƯỢNG VÀ KỶ LỤC NHẤT TRONG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM VỚI MỨC TĂNG GẦN 3.000 TỶ ĐỒNG, TƯƠNG ĐƯƠNG 32,21% SO VỚI NĂM 2016, LÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN CÁN ĐÍCH LỢI NHUẬN TRÊN 10 NGHÌN TỶ ĐỒNG, ĐẠT 11.341 TỶ ĐỒNG.

1.035. TỔNG 293 TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



↑ TĂNG 31,39% SO VỚI NĂM 2016

Năm 2017, tình hình kinh tế thế giới nói chung đã có những dấu hiệu khả quan, tăng trưởng GDP toàn cầu đạt mức cao nhất kể từ năm 2011; kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng mạnh mẽ kỳ vọng đầu năm, các chỉ tiêu kinh tế xã hội đều đạt chỉ tiêu Quốc hội đề ra, GDP tăng trưởng 6,8%; lạm phát tiếp tục được kiểm soát và là năm thứ 4 liên tiếp duy trì ở mức thấp kỷ lục chỉ 1,11%; cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển tích cực theo hướng công nghiệp và giá trị gia tăng cao.

Chính sách tiền tệ thắt chặt được điều hành linh hoạt góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng. Cung tiền tăng, thanh khoản hệ thống dồi dào, mặt bằng lãi suất giảm nhẹ, tỷ giá hối đoái ổn định, dự trữ ngoại hối tăng nhanh tạo nền tảng vững chắc cho hệ thống ngân hàng thương mại tăng trưởng bền vững và cải thiện chất lượng hiệu quả. Khung pháp lý để thực hiện tái cơ cấu hệ thống tài chính tiếp tục được hoàn thiện bao gồm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, thuế, quyết định về xử lý nợ xấu, pháp luật về thanh toán, pháp luật về các TCTD.

Năm 2017, cùng với sự thành công to lớn Ngân hàng về điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động kinh doanh được cải thiện, tạo nên nhiều dấu mốc mới. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh mẽ và

đạt mốc 1 triệu tỷ đồng, về đích trước 2 năm so với Đề án tái cơ cấu ngân hàng ở Việt Nam với mức tăng gần 30%, tương đương 32,21% so với năm 2016, là ngân hàng đầu tiên cán đích, đạt mục tiêu đề ra. Năm 2017, toàn hệ thống Vietcombank đã tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động nội bộ và mức lợi nhuận đạt 11,11%, là mức thấp nhất so với các tổ chức tín dụng lớn tại Việt Nam.

Đề án cơ cấu lại hệ thống Vietcombank đến năm 2020 đã chính thức được Hội đồng NHNN Việt Nam phê duyệt với tầm nhìn và sứ mệnh trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực; một ngân hàng lớn nhất thế giới và an toàn theo các thông lệ quốc tế tốt nhất. Cùng với đó, Vietcombank đã xây dựng 4 tiểu Đề án, 4 Chương trình hành động để hiện thực hóa sứ mệnh to lớn này.

Cùng với việc cải tạo mô hình tổ chức, triển khai nhiều dự án chuyển đổi để phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế, Vietcombank chuyển dịch hoạt động kinh doanh từ hoạt động bán lẻ, kinh doanh vốn, dịch vụ ngân hàng; kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng cường kiểm soát chi phí... và đặc biệt là chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số.



KỶ NIỆM 55 NĂM THÀNH LẬP VIETCOMBANK, KẾ THỪA TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ QUÝ BÁU VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA VIETCOMBANK, TẬP THỂ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO VÀ HƠN 16 NGHÌN CÁN BỘ VIETCOMBANK HÔM NAY SẼ TIẾP TỤC NỖ LỰC, PHẤN ĐẤU “ĐỔI MỚI - KỶ CƯƠNG - TRÁCH NHIỆM”, ĐƯA VIETCOMBANK TIẾP TỤC “CHUYỂN ĐỔI - HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG” ĐỂ HIỆN THỰC HÓA TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2020.

↑ TĂNG 32,21% SO VỚI NĂM 2016

Năm 2017, cổ phiếu Vietcombank đã được xếp hạng cao nhất thị trường chứng khoán Việt Nam, tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về quy mô vốn hóa thị trường trong ngành ngân hàng và top 3 doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường với quy mô vốn hóa đạt 1,2 triệu tỷ đồng.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Vietcombank đã tích cực chung tay cùng các địa phương trong các hoạt động an sinh xã hội, tạo dựng một hình ảnh ngân hàng xanh luôn hướng đến cộng đồng và vì cộng đồng.

Thương hiệu, uy tín và hình ảnh Vietcombank đã trở thành một trong những giá trị cốt lõi của Vietcombank. Vietcombank đã được trao tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng uy tín: Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's đánh giá Vietcombank là ngân hàng có chất lượng tín dụng tốt nhất; The Asian Banker đánh giá Vietcombank có khả năng sinh lời cao nhất; Forbes xếp hạng Vietcombank là ngân hàng có thị giá lớn nhất; Vietcombank cũng là ngân hàng nộp thuế doanh nghiệp lớn nhất; Vietcombank là đơn vị ngân hàng duy nhất có mặt trong Top 10 và giữ vị trí dẫn đầu danh sách trong khối ngân hàng về doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam.

Bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam đang đặt ra thách thức và yêu cầu đổi mới đối với các

ngân hàng. Vietcombank cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý, định hướng chiến lược phát triển từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nỗ lực đổi mới, thách thức, trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để đưa “con tàu Vietcombank” tăng tốc, bứt phá, phát triển và hội nhập, góp phần xứng đáng vào sự phát triển ngành Ngân hàng và công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Vietcombank sẽ tiếp tục kế thừa truyền thống lịch sử quý báu và những giá trị cốt lõi của Vietcombank để cán bộ lãnh đạo và hơn 16 nghìn cán bộ Vietcombank hôm nay sẽ tiếp tục nỗ lực, phấn đấu “Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm”, đưa Vietcombank tiếp tục “Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững” để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược đến năm 2020, trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á, một ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới, quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất, xứng đáng với niềm tin mà Đảng, Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý, đồng đảo đối tác, cổ đông và hàng triệu khách hàng đã gửi gắm vào Vietcombank.

**Chủ tịch HĐQT  
NGHIÊM XUÂN THÀNH**

**Tổng Giám đốc  
PHẠM QUANG DŨNG**



## TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.**

Tên công ty bằng tiếng Anh:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN  
do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008.

## Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103024468 do Sở Kế hoạch và  
Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/6/2008 (đăng ký lần đầu).

Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/12/2016

## Vốn điều lệ: 35.977.685.750.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bảy tỷ sáu trăm tám  
mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.

## Mã cổ phiếu: VCB

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.597.768.575

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ  
Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 84 - 24 - 3934 3137

Fax: 84 - 24 - 3826 9067

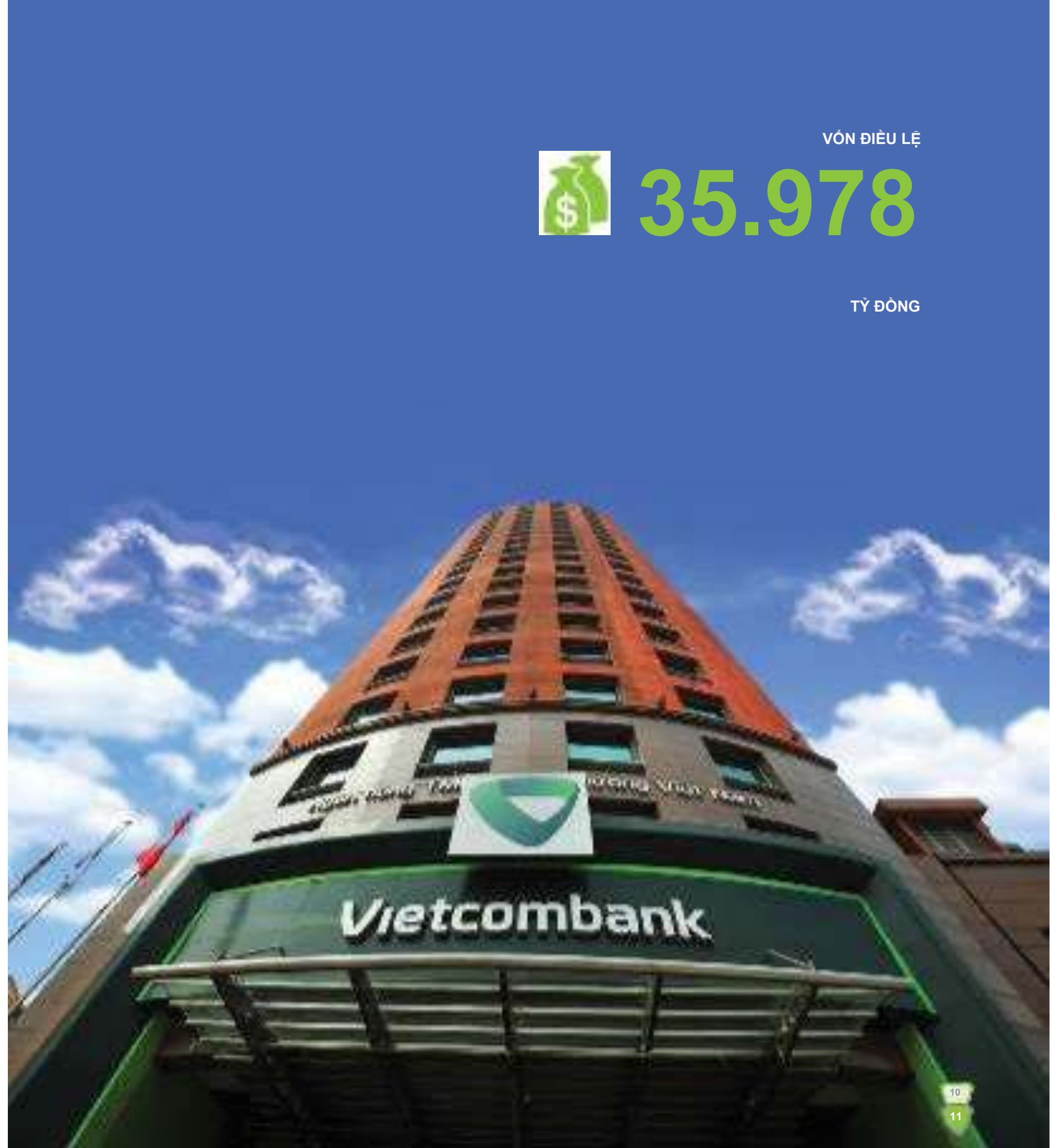
Website: [www.vietcombank.com.vn](http://www.vietcombank.com.vn)

VỐN ĐIỀU LỆ



35.978

TỶ ĐỒNG





#### QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ CÁC TỔ CHỨC TIỀN THÂN

Ngày 30/10/1962 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 171/CP về việc thành lập Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Đây là bước phát triển, tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam hiện nay.

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động ngân hàng đối ngoại, ngày 30/10/1962 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 171/CP về việc thành lập Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với nhiệm vụ: đại diện thanh toán quốc tế, cho vay ngoại thương; Tham gia quản lý ngoại hối, góp phần bảo vệ tiền tệ và tài sản Nhà nước, tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị và giao lưu văn hóa với nước ngoài. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 01/4/1963 Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức đi vào hoạt động, và cũng kể từ đó thương hiệu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức ra đời.

#### NHIỆM VỤ CAO CẢ VỚI TỔ QUỐC VÀ NHỮNG MỐC SON CHÓI LỢI

Thời kỳ đầu từ 1963 - 1977, Vietcombank với quyền về hoạt động ngân hàng đối ngoại đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình, ngành Ngân

hàng giao cho, vừa đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho nền kinh tế, vừa làm tròn nhiệm vụ ngoại tệ cho chiến trường miền Nam, đóng góp to lớn vào công cuộc giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước mà tiêu biểu là hoạt động 29.

Cùng với các giải pháp hết sức táo bạo, tranh nhân dân do Đảng ta mà trực tiếp là Ban Kinh tế Trung ương và chỉ đạo, giải pháp thanh toán đặc biệt do B29 thực hiện đã có ý nghĩa lớn, cung cấp cho chiến trường miền Nam một số vũ khí, đạn dược. Kết quả trong các năm cuối cuộc chiến tranh, B29 đã thực hiện việc thanh toán đặc biệt an toàn cho hàng trăm chuyến hàng trị giá hàng trăm triệu USD. Đây là một chiến công thầm lặng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Kể từ đó, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có vinh dự.

Trong quá trình tiến hành ngoại tệ từ nước ngoài về đến khi đưa ngoại tệ chi viện vào miền Bắc, các nghiệp vụ, chuyển đổi ngoại tệ này sang ngoại tệ, chuyển vốn từ ngân hàng không trả lãi sang ngân hàng trả lãi, ngân hàng trả lãi thấp sang ngân hàng trả lãi cao nhờ lãi gần 21 triệu Đô la Mỹ, tăng thêm nguồn vốn cho chiến trường.

Sau ngày miền Nam giải phóng, bằng nhiều biện pháp sáng tạo, có hiệu quả, Ngân hàng Ngoại thương đã nhanh chóng tiếp quản hệ thống tài chính, thu về cho Quốc gia một khối lượng lớn, vốn lớn đang nằm ở nước ngoài, đấu tranh với các ngân hàng nước ngoài trong việc chuyển các tài khoản đứng tên ngân hàng quốc gia ở nước ngoài để sau khi bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, đã thu về hàng trăm triệu USD, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội đất nước.



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

VIETCOMBANK ĐÃ CHÍNH THỨC THAM GIA VÀO THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ THẾ GIỚI, GIA NHẬP TỔ CHỨC SWIFT; LÀ THÀNH VIÊN CỦA HIỆP HỘI NGÂN HÀNG CHÂU Á, TỔ CHỨC THẺ QUỐC TẾ VÀ LÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM PHÁT HÀNH CÁC LOẠI THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ NHƯ MASTER CARD, VISA.



### KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ NGÂN HÀNG CHỦ ĐẠO TRONG GIAI ĐOẠN ĐỔI MỚI



Bước vào thời kỳ đổi mới, từ những năm đầu những năm 90, cùng với việc ra đời các Pháp lệnh về ngân hàng, Vietcombank đã đi tiên phong trong việc xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu nhằm đổi mới toàn diện tổ chức, hoạt động và quản lý theo hướng hiện đại, phục vụ các thành phần kinh tế, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, góp phần không nhỏ cho tăng trưởng kinh tế đất nước thời bấy giờ.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX là động lực để quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hoạt động, Vietcombank đã từng bước thoát khỏi tư duy bao cấp, ứng dụng cơ chế để tiếp cận thị trường tài chính - tiền tệ thế giới; đi đầu trong việc thực hiện mở cửa thị trường cho các doanh nghiệp trong nước, gương mẫu trong thực hiện các cam kết quốc tế, góp phần ổn định tiền tệ, kiểm soát lạm phát, điều chỉnh ngoại tệ quốc gia. Vietcombank đã chính thức tham gia vào thị trường tiền tệ thế giới thông qua việc gia nhập tổ chức SWIFT; là thành viên của Hiệp hội ngân hàng châu Á, tổ chức thẻ quốc tế và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành các loại thẻ tín dụng quốc tế như Master Card, Visa. Bên cạnh đó, Vietcombank đã tăng cường đầu tư, hiện đại hóa, nâng cao trình độ công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác bằng việc thành lập các công ty trực thuộc. Với sự hỗ trợ về nguồn vốn, đặc biệt là vốn ngoại tệ, Vietcombank đã tham gia tài

trợ cho nhiều dự án thuộc các lĩnh vực then chốt như điện lực, dầu khí, hàng không, viễn thông.

Không chỉ đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, trong những thời điểm khó khăn nhất của ngành ngân hàng Việt Nam, thực hiện chỉ đạo

việc chấn chỉnh, kiểm soát và xử lý một số NHTM cổ phần. Với sự hỗ trợ của Vietcombank về nguồn vốn, nhân lực cũng như các giao dịch nghiệp vụ, ứng dụng thời điểm khó khăn nhất của thị trường để từng bước ổn định và vươn lên.

Trong suốt quá trình hoạt động, Vietcombank luôn xác định rõ và hướng tới việc xây dựng một ngân hàng hoạt động chuẩn mực theo pháp luật, áp dụng với các thông lệ quốc tế, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững. Uy tín, chất lượng hoạt động của Vietcombank đã được khẳng định qua sự đồng lòng của bạn bè và khách hàng trong nước và quốc tế.

, cổ đông, nhà đầu tư là một ngân hàng hiện đại, chuẩn mực, chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng một cách tổng thể các dịch vụ tài chính tốt nhất, là ngân hàng luôn minh bạch thông tin, hoạt động an toàn, hiệu quả và tuân thủ theo các thông lệ quốc tế. Nói đến Vietcombank cũng là nói đến một ngân hàng có hạ tầng công nghệ tiên tiến hiện đại, có đội ngũ cán bộ lành nghề, gần gũi và luôn sẵn sàng sẻ chia.

Bên cạnh đó, Vietcombank còn là doanh nghiệp tiêu biểu trong các hoạt động cộng đồng với nhiều chương trình an sinh xã hội có ý nghĩa lớn, trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo, cộng đồng xã hội đánh giá cao, thương hiệu Vietcombank nhờ đó càng trở nên gần gũi với các doanh nghiệp, dân cư và cộng đồng xã hội.

Nhờ vậy, Vietcombank đã khẳng định nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý, đồng hành cùng phát triển kinh tế xã hội Việt Nam, góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh.



VIETCOMBANK ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC LỰA CHỌN LÀ ĐƠN VỊ ĐI TIỀN PHONG TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG VỀ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỔ PHẦN HÓA DNNN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ. NGÀY 26/12/2007 ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT DẤU MỐC ĐÁNG NHỚ CỦA HỆ THỐNG VIETCOMBANK KHI ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG (IPO) ĐẠT KẾT QUẢ THÀNH CÔNG HƠN MỨC KỶ VỌNG.



### NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Vietcombank đã vinh dự lựa chọn là đơn vị đi tiên phong trong ngành ngân hàng về thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN của Đảng, Nhà nước. Ngày 26/12/2007 đã trở thành một dấu mốc đáng nhớ hệ thống Vietcombank khi đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) đạt kết quả thành công hơn mức kỳ vọng, cổ phiếu VCB đã nhanh chóng trở thành cổ phiếu hàng đầu trong các cổ phiếu ngân hàng kể từ đó đến nay.

Tiến bộ vượt bậc của Vietcombank là một bước ngoặt quan trọng thông qua việc ký kết hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc nhóm ngân hàng hàng đầu tài chính lớn thứ ba tại Nhật Bản và thứ 20 trên thế giới. Việc bán cổ phần chiến lược đã trở thành giao dịch &A lớn nhất khu vực trong năm, là minh chứng cho niềm tin và sự ủng hộ từ nước ngoài vào tiềm năng và tương lai phát triển của Vietcombank nói riêng.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm (1963-2013), Vietcombank đã chính thức công bố hệ thống diện thương hiệu mới với thông điệp “Chung niềm tin vững tương lai”, khẳng định sự đổi mới toàn diện Vietcombank cả về hình ảnh và chất lượng hoạt động để tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng hàng đầu trong nước và từng bước vươn xa trên trường quốc tế, khẳng định cam kết Vietcombank luôn sẵn sàng đồng hành cùng khách hàng trên con đường hướng tới tương lai.

### TRANG SỬ MỚI TỎ ĐƯỢC VIETCOMBANK

Giai đoạn 2016-2017, Vietcombank đã có sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô và hiệu quả kinh doanh. Quy mô, tốc độ tăng trưởng vốn điều lệ, tổng tài sản, nguồn vốn huy động vay và đầu tư tăng trưởng cao. Cùng với đó, Vietcombank đã vững chắc khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, vừa triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhiều dự án nâng cao năng lực quản trị, hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nền tảng vững chắc cho một giai đoạn phát triển mới và hội nhập quốc tế.

Năm 2017, cùng với sự thành công to lớn của Đề án tái cơ cấu lại hệ thống Vietcombank đến năm 2020 đã chính thức được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt với tầm nhìn và sứ mệnh trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực; một ngân hàng lớn nhất thế giới; một ngân hàng có uy tín và năng lực cạnh tranh quốc tế tốt nhất. Cùng với đó, Vietcombank đã xây dựng 4 tiểu đề án, 4 Chương trình hành động để hiện thực hóa sứ mệnh to lớn này.

Cùng với việc cải thiện mô hình tổ chức, triển khai nhiều dự án chuyển đổi để phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế, Vietcombank chuyển dịch hoạt động kinh doanh từ hoạt động bán lẻ, kinh doanh vốn, dịch vụ ngân hàng; kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng dịch vụ; chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn; tăng cường kiểm soát chi phí... và đặc biệt là chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số.

Năm 2018, năm bản lề của quá trình chuyển đổi với dấu mốc lịch sử 55 năm phát triển, Vietcombank đã thực hiện thành công chương trình **Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững** và quan điểm điều hành **Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm**, Ban Lãnh đạo Vietcombank tin tưởng toàn hệ thống Vietcombank sẽ tiếp tục nỗ lực cao nhất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh, tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín, sớm hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh của ngân hàng.

xếp hạng Vietcombank là ngân hàng có thị giá lớn nhất; Vietcombank cũng là ngân hàng nộp thuế doanh nghiệp lớn nhất; Vietcombank là đơn vị ngân hàng duy nhất có mặt trong Top 10 và giữ vị trí dẫn đầu danh sách trong khối ngân hàng về doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam.

### KHẲNG ĐỊNH MỘT NIỀM TIN VƯƠN XA

Đề án cơ cấu lại hệ thống Vietcombank đến năm 2020 đã chính thức được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt với tầm nhìn và sứ mệnh trở thành ngân hàng số 1 Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực; một ngân hàng lớn nhất thế giới; một ngân hàng có uy tín và năng lực cạnh tranh quốc tế tốt nhất. Cùng với đó, Vietcombank đã xây dựng 4 tiểu đề án, 4 Chương trình hành động để hiện thực hóa sứ mệnh to lớn này.

Cùng với việc cải thiện mô hình tổ chức, triển khai nhiều dự án chuyển đổi để phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế, Vietcombank chuyển dịch hoạt động kinh doanh từ hoạt động bán lẻ, kinh doanh vốn, dịch vụ ngân hàng; kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng dịch vụ; chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn; tăng cường kiểm soát chi phí... và đặc biệt là chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số.

Năm 2018, năm bản lề của quá trình chuyển đổi với dấu mốc lịch sử 55 năm phát triển, Vietcombank đã thực hiện thành công chương trình **Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững** và quan điểm điều hành **Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm**, Ban Lãnh đạo Vietcombank tin tưởng toàn hệ thống Vietcombank sẽ tiếp tục nỗ lực cao nhất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh, tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín, sớm hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh của ngân hàng.





## NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ TẠI 131 QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ TRÊN TOÀN THẾ GIỚI.

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ ngân hàng
- Dịch vụ tài trợ vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu)
- Dịch vụ tín dụng, trung, dài hạn)
- Dịch vụ bảo lãnh
- Dịch vụ kết cấu chứng từ
- Dịch vụ thanh toán quốc tế
- Dịch vụ bảo hiểm tiền
- Dịch vụ ngoại hối
- Dịch vụ thu nợ
- Dịch vụ tư vấn tài chính
- Dịch vụ tư vấn đầu tư
- Dịch vụ tư vấn pháp lý
- Dịch vụ tư vấn môi trường
- Các dịch vụ khác
- Các dịch vụ kinh doanh khác

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến hết năm 2017, bên cạnh thị trường nội địa, Vietcombank hiện có 101 Chi nhánh với mạng lưới giao dịch hoạt động tại 53/63 tỉnh thành phố trong cả nước, phân bố đều theo 07 khu vực. Chi nhánh có 19 chi nhánh chi nhánh 18,8%; Hà Nội có 15 chi nhánh, chiếm 14,85%; Chi nhánh có 13 chi nhánh, chiếm 12,87%; Nam Trung bộ và Tây Nguyên có 10 chi nhánh, chiếm 9,9%; Hồ Chí Minh có 17 chi nhánh, chiếm 16,83%; Đông Nam Bộ có 12 chi nhánh, chiếm 11,88%; Tây Nam Bộ có 15 chi nhánh, chiếm 14,85%.

Vietcombank thiết lập và mở rộng mạng lưới 2.105 ngân hàng đại lý tại 131 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.





# 10

DẤU ẤN TIÊU BIỂU  
VIETCOMBANK 2017

01

LỢI NHUẬN LẦN ĐẦU TIÊN VƯỢT NGƯỠNG 10.000 TỶ ĐỒNG. TỔNG TÀI SẢN VƯỢT MỐC

1.000.000 TỶ ĐỒNG

Năm 2017, Vietcombank chính thức đạt bộ triệu đồng về quy mô tổng tài sản, sớm hơn 2 năm so với đề án phát triển. Vietcombank trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đạt mốc 5 con số với mức tăng trưởng lợi nhuận vượt trội. Vietcombank chính thức lấy lại ngôi vị ngân hàng số 1 về lợi nhuận.

# 11.341

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

TỶ ĐỒNG



02

TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG CÓ TỶ LỆ NỢ XẤU (NỢ NỘI BẢNG VÀ NỢ VAMC) THẤP NHẤT TẠI

VIỆT NAM

Chỉ số nợ xấu của Vietcombank luôn duy trì ở mức thấp nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam, chỉ 1,1% trên tổng dư nợ, thấp hơn mức 130% - mức cao nhất trong các NHTM tại Việt Nam.



Hội thảo xử lý nợ xấu tháng 9/2017

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI, CÁC TIÊU ĐỀ ÁN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

03

Vietcombank đã xây dựng và thông qua Đề án cơ cấu lại đến năm 2020, 4 tiêu đề án, 4 Chương trình hành động thực hiện Đề án. Đây là các định hướng chiến lược quan trọng để hệ thống Vietcombank xây dựng các kế hoạch và triển khai thực hiện nhằm phát triển bền vững trong giai đoạn mới.





04

### KIỆN TOÀN BỘ MÁY LÃNH ĐẠO CẤP CAO

Năm 2017, Vietcombank bầu bổ sung 3 thành viên HĐQT; Bổ nhiệm mới 3 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Bán buôn và lần đầu tiên trong lịch sử, Vietcombank thực hiện việc tuyển dụng người nước ngoài làm Giám đốc Khối bán lẻ nhằm hiện thực hóa tầm nhìn trở thành ngân hàng số 1 bán lẻ vào năm 2020.



05

### MỞ RỘNG HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI, SẮP XẾP LẠI BỘ MÁY TRỤ SỞ CHÍNH

Năm 2017, Vietcombank mở mở rộng mạng lưới (PGD) trên toàn quốc và chuyển đổi mô hình quản lý tiền mặt tại Hà Nội. Hoàn tất để chuẩn bị đưa vào hoạt động ngân hàng con tại Lào.

Thực hiện sắp xếp lại bộ máy quản lý và điều hành theo mô hình Ban TSC. Công tác luân chuyển cán bộ được thực hiện một cách đồng bộ.



06

### HÀNG LOẠT CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI ĐƯỢC TRIỂN KHAI ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ VÀ CHẤT LƯỢNG.

2 Chương trình và 12 Dự án chuyển đổi được triển khai cũng là một con số đầy ấn tượng trong năm 2017. Hơn 2/3 số sáng kiến trong lộ trình thực hiện, là ngân hàng đầu tiên đã hoàn thành xây dựng và triển khai (PD) theo yêu cầu; giai đoạn 1 Dự án CTOM, Dự án ALM-FTP-MPA đã kết thúc.



07

### THOÁI VỐN TẠI CÁC TCTD, GHI NHẬN HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CAO.

Vietcombank đã thực hiện thoái vốn thành công tại Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần đồng sau khi thoái vốn. Ngày 29/12, Vietcombank cũng đã bán thành công 2/3 số cổ phần của Công ty Cổ phần (OCB) và thu về 1.000 tỷ đồng.





LÀ NGÂN HÀNG NỘI ĐỊA NĂM TRỌN GIAO DỊCH LỊCH SỬ GẦN 5 TỶ USD THƯƠNG VỤ SABECO

08

Vietcombank là đầu mối tiếp nhận và xử lý các giao dịch liên quan đến việc chuyển đổi tiền tệ giữa Việt Nam và các nước. Trong năm 2017, Vietcombank đã tiếp nhận và xử lý các giao dịch liên quan đến việc chuyển đổi tiền tệ giữa Việt Nam và các nước. Trong năm 2017, Vietcombank đã tiếp nhận và xử lý các giao dịch liên quan đến việc chuyển đổi tiền tệ giữa Việt Nam và các nước.

TIẾP NHẬN GIAO DỊCH LỚN NHẤT LỊCH SỬ NGÀNH NGÂN HÀNG, TRỊ GIÁ GIAO DỊCH LÀ

5 TỶ USD



CỔ PHIẾU VIETCOMBANK (VCB) CÓ MỨC TĂNG KỶ LỤC VÀ CÓ GIÁ GIAO DỊCH CAO NHẤT

09

NGÀNH, NĂM TRONG TOP 3 DOANH NGHIỆP CÓ QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG. Trong năm 2017, cổ phiếu VCB có mức tăng kỷ lục và có giá giao dịch cao nhất trong ngành. Đóng cửa phiên giao dịch cuối năm, cổ phiếu VCB chạm ngưỡng 54.300đ, tăng 53% so với cuối 2016, tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về quy mô vốn hóa thị trường trong ngành và TOP 3 doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường.



TOP 3

DOANH NGHIỆP CÓ QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG

Uy tín và vị thế ngày một cao

10

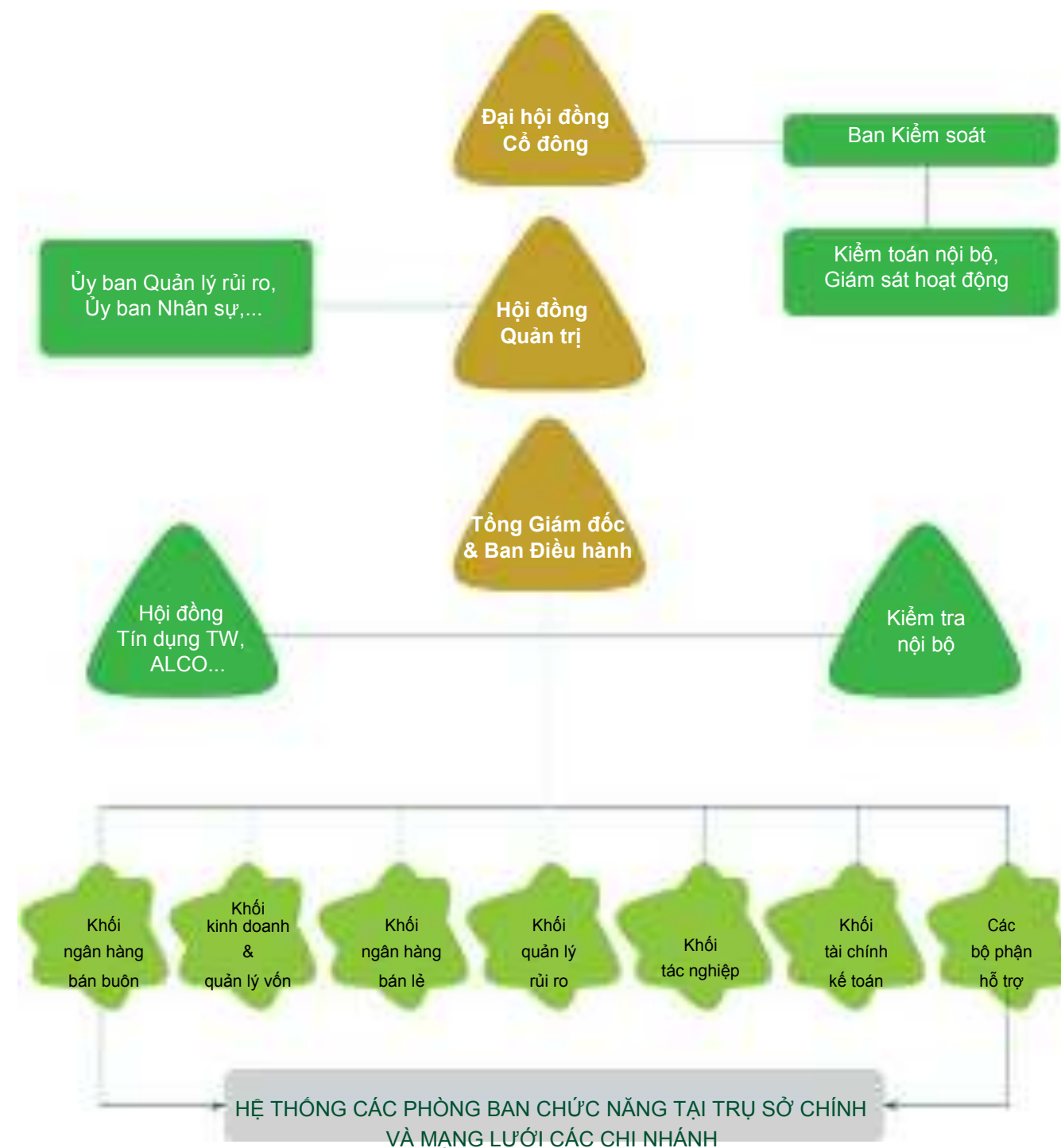
Năm 2017, Vietcombank tiếp tục được trao giải thưởng uy tín và vị thế ngày một cao. Vietcombank được xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam và được xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng châu Á. Vietcombank được xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam và được xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng châu Á.



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





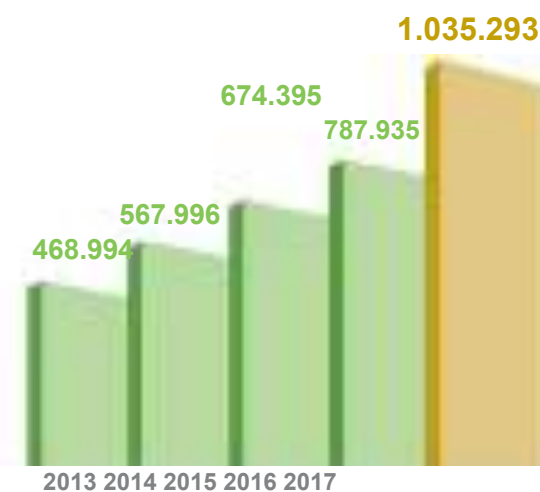
	2013	2014	2015	2016	2017
<b>MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Tổng tài sản	468.994	576.996	674.395	787.935	1.035.293
Vốn ở hữu	42.386	43.473	45.172	48.146	52.558
Tổ /TTS	58,49%	56,04%	57,4%	58,5%	52,5%
ần	4.725	5.295	5.749	6.353	7.469
Tổ ạt động kinh doanh	15.507	17.286	21.202	24.886	29.406
Tổng chi phí hoạt động	-6.244	-6.849	-8.306	-9.939	-11.866
ần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự	9.263	10.436	12.896	14.947	17.540
Chi phí dự	-3.520	-4.591	-6.068	-6.369	-6.198
ớc thuế	5.743	5.844	6.827	8.578	11.341
Thuế TNDN	-1.365	-1.258	-1.495	-1.683	-2.231
ế	4.378	4.586	5.332	6.895	9.111
ần trong kỳ	4.358	4.567	5.314	6.876	9.091
<b>CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ</b>					
NIM	2,55%	2,35%	2,58%	2,63%	2,66%
ROAE	10,33%	10,76%	12,03%	14,78%	18,09%
ROAA	0,99%	0,88%	0,85%	0,94%	1,00%
<b>CHỈ TIÊU AN TOÀN</b>					
lệ /huy động vốn	82,07%	76,18%	76,98%	76,71%	74,78%
ệ ầu	2,73%	2,31%	1,79%	1,45%	1,11%
Hệ số an toàn vốn CAR	13,13%	11,35%	11,04%	11,13%	11,63%
<b>CỔ PHIẾU</b>					
Cổ phiếu phổ thông	2.317	2.665	2.665	3.597	3.597
ệ chi trả cổ tức	12%	10%	10%	8%	8%
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	26.800	31.900	43.900	35.450	54.300
Giá trị vốn hóa thị trường	62.107	85.014	116.994	127.514	195.359
EPS	1.582	1.533	1.626	1.566	2.526
DPS	1.200	1.000	1.000	800	800

## TỔNG TÀI SẢN (TỶ VNĐ)

1.035.293



↑ TĂNG 31,39% SO VỚI NĂM 2016

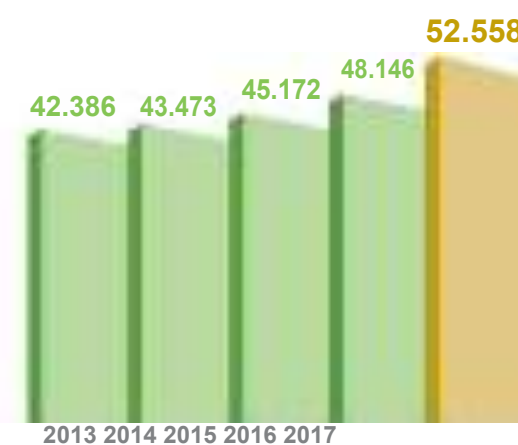


## VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ VNĐ)

52.558

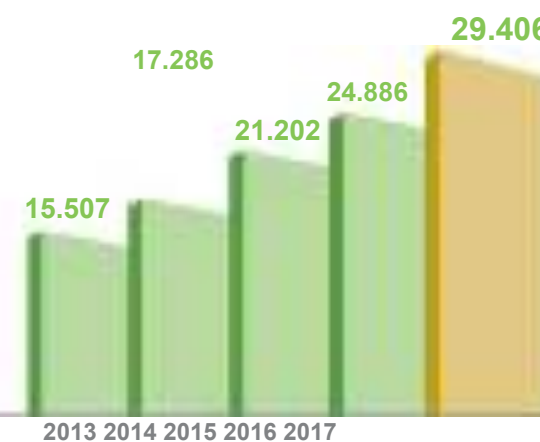


↑ TĂNG 9,16% SO VỚI NĂM 2016



## TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TỶ VNĐ)

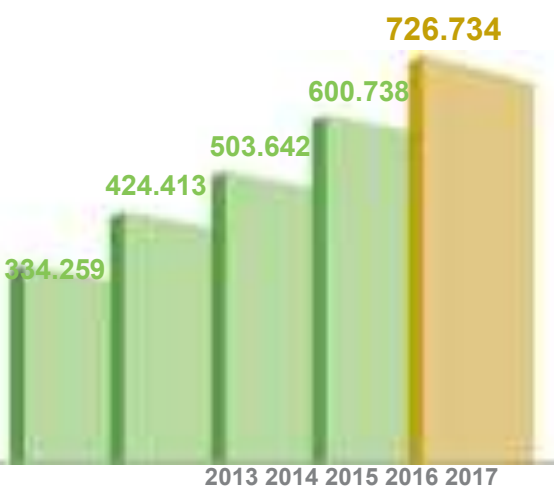
29.406



HUY ĐỘNG VỐN (TỶ VNĐ)

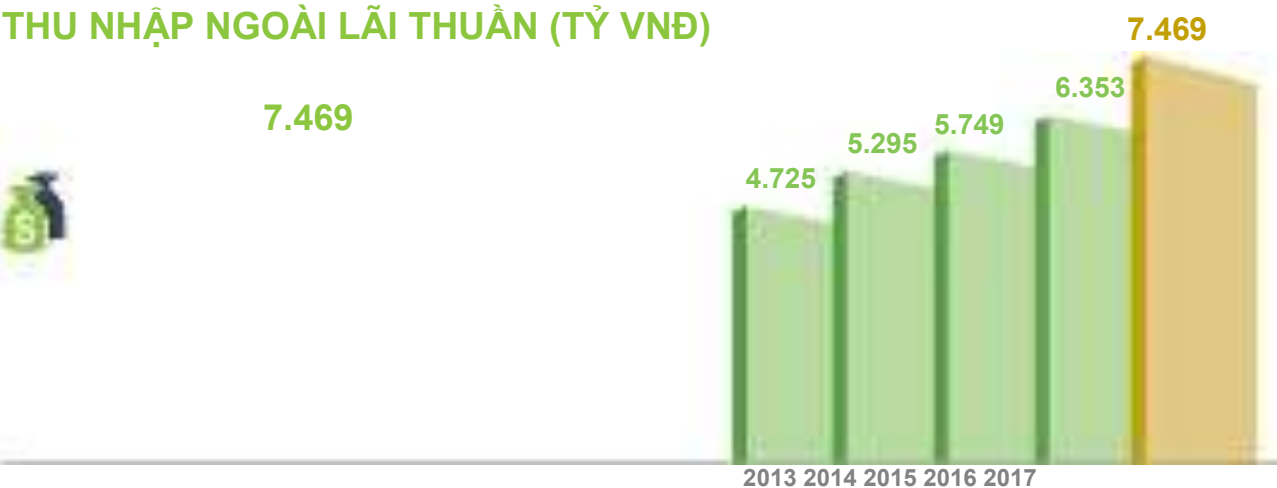
726.734

↑ TĂNG 21,0% SO VỚI NĂM 2016



THU NHẬP NGOÀI LÃI THUẦN (TỶ VNĐ)

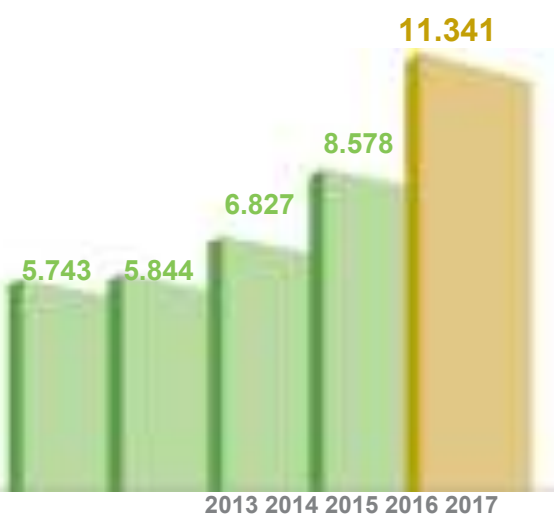
7.469



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

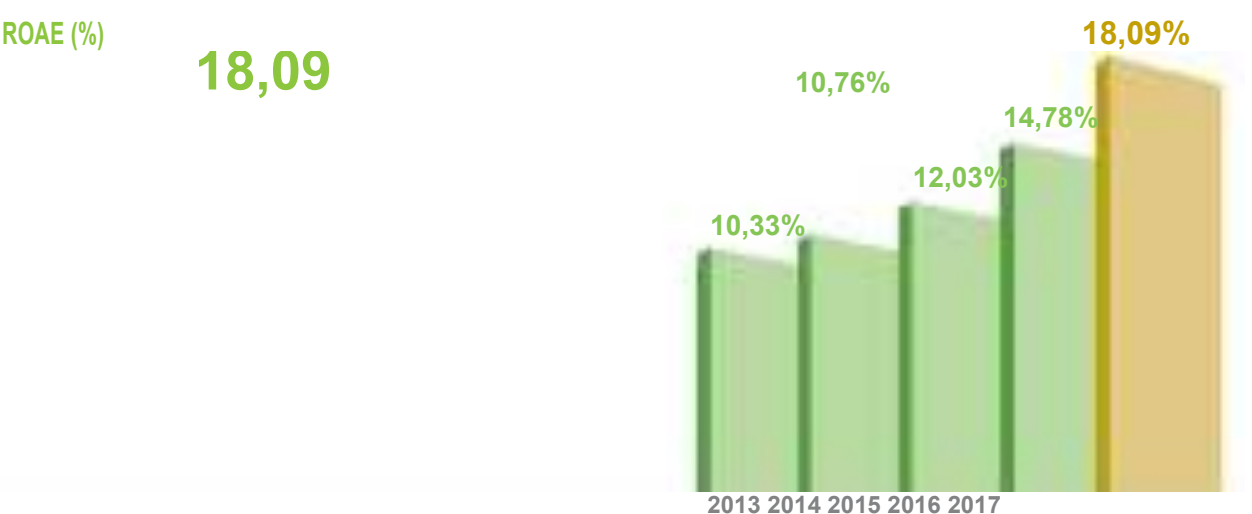
11.341

↑ TĂNG 32,2% SO VỚI NĂM 2016



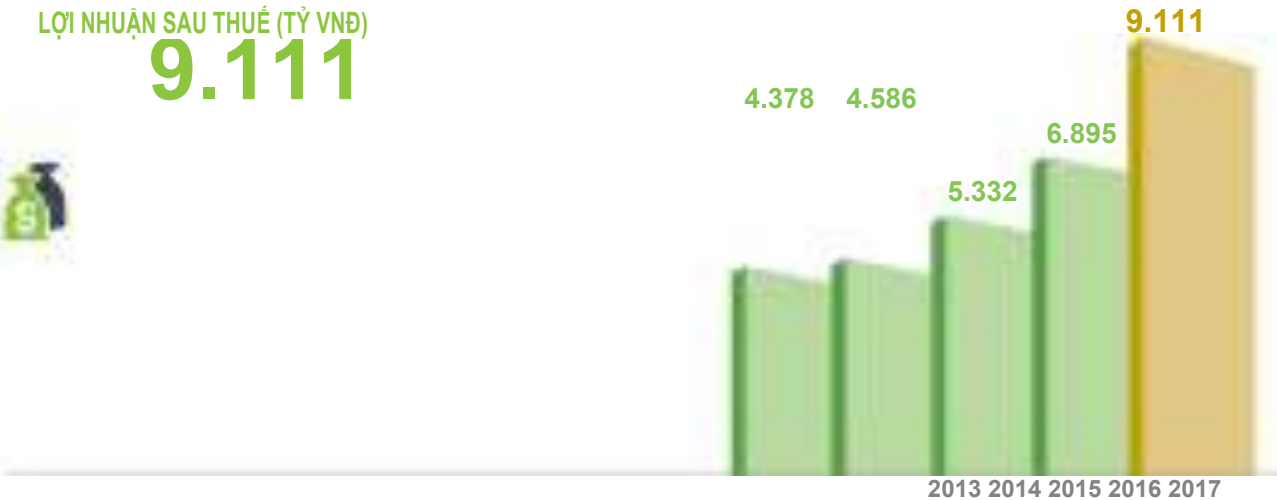
ROAE (%)

18,09



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VNĐ)

9.111



ROAA (%)

1,00





# TẦM NHÌN

Trở thành **Ngân hàng số 1**  
tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng  
lớn nhất khu vực, một  
đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế  
giới dẫn đầu theo các thông lệ  
quốc tế tốt nhất vào năm 2020.



## CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2020

- 1 Ngân hàng đạt Top 1 Bán lẻ và Top 2 Bán buôn  
Ổn định hoạt động bán buôn, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ làm cơ sở phát triển bền vững. Duy trì và mở rộng thị trường trong nước và chọn lọc phát triển thị trường nước ngoài.
- 2 Ngân hàng có quy mô lợi nhuận lớn nhất với hiệu suất sinh lời cao  
Phấn đấu tăng quy mô và chuyển dịch cơ cấu và bền vững, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí hoạt động, cải thiện hiệu quả hoạt động đầu tư và hoạt động.
- 3 Phát triển dịch vụ ngân hàng số để hài lòng của khách hàng  
Phát triển dịch vụ ngân hàng số dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, gia tăng số lượng hàng hóa sản phẩm, tiếp cận khách hàng, đảm bảo sự đồng đều về chất lượng.
- 4 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực  
Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ; tăng cường sự gắn kết và hiệu quả.
- 5 Ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất  
Quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và không ngừng nâng cao văn hóa quản trị rủi ro. Đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định của etcombank.
- 6 Xây dựng kiến trúc hệ thống hiện đại tiên tiến, đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh, nhất là các lĩnh vực dịch vụ và yêu cầu chuyển đổi nâng cao năng lực cạnh tranh.



## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

VIETCOMBANK LUÔN TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO, ĐỒNG BÀO VÙNG SÂU, VÙNG XA, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI, Y TẾ, GIÁO DỤC... NHẪM ĐÓNG GÓP TỐI ĐA CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI.







# Vietcombank 2017

## Năm của

## những giải thưởng tự hào

NĂM 2017, BÊN CẠNH NHỮNG MỐC SON THÀNH CÔNG MỚI, VIETCOMBANK TIẾP TỤC ĐƯỢC CÁC TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ UY TÍN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VINH DANH BẰNG NHỮNG GIẢI THƯỞNG LỚ

## Giải thưởng quốc tế

### NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM

Đây là năm thứ 2 liên tiếp Vietcombank được tạp chí The Asian Banker (TAB) trao giải thưởng “Ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam”. Giải thưởng trao cho 1 ngân hàng tốt nhất mỗi quốc gia dựa trên các tiêu chí đánh giá ở 6 khía cạnh: quy mô phát triển, tăng trưởng, năng lực cân đối kế toán, quản trị rủi ro, chất lượng và tính thanh khoản.



Đại diện Vietcombank, ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc (giữa) nhận giải thưởng “Ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam” do TAB trao tặng

### 5 NĂM LIÊN TIẾP THUỘC TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

Vietcombank vinh dự được tạp chí The Asian Banker xếp vào nhóm 19 công ty sau 5 năm vẫn giữ vị trí trong danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam. Tạp chí Forbes Việt Nam đánh

giá Vietcombank sau thuế tăng 32,13% nhờ hoạt động huy động vốn và cho vay đều tăng trưởng tốt.

Đại diện Vietcombank, Ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc (giữa) nhận giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng



Đại diện Vietcombank, ông Phạm Mạnh Thắng - Phó Tổng Giám đốc (giữa) nhận giải thưởng “Thương hiệu ngân hàng tốt nhất Việt Nam”

### GIẢI THƯỞNG TỶ LỆ ĐIỆN ĐẠT CHUẨN STP

#### CỦA NGÂN HÀNG DEUTSCHE BANK AG

Ngân hàng Deutsche Bank AG - Ngân hàng đứng đầu nước Đức xét về Tổng tích sản đã trao tặng giải thưởng tỷ lệ điện đạt chuẩn STP (Straight-Through Processing Excellence Award) năm 2016 cho Vietcombank nhằm ghi nhận và khuyến khích Vietcombank đã đạt được thành tựu này. Vietcombank đã vinh dự được trao giải thưởng danh giá này từ Deutsche Bank AG trong nhiều năm liên tiếp và cũng là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được trao tặng giải thưởng đối với mảng thanh toán bằng cả đồng USD và EUR năm 2016.

Đại diện Vietcombank, Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Phó Tổng Giám đốc nhận giải thưởng



Đại diện Vietcombank, Bà Vũ Thị Bích Thu - Trưởng Văn phòng đại diện tại Singapore nhận giải thưởng của The Asian Banker.

### GIẢI THƯỞNG THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM

Vietcombank đã vinh dự được tạp chí Asiamoney trao giải thưởng “Thương hiệu ngân hàng tốt nhất Việt Nam” (Best Banking Brand in Vietnam) thuộc gói giải thưởng

“Best Banking Brand”. Giải thưởng dựa trên nghiên cứu và bình chọn của chuyên gia đầu tư tài chính trong cộng đồng tài chính ngân hàng. Đây là năm đầu tiên Asiamoney tổ chức xét giải “Best Brands in Finance” và Vietcombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được trao giải thưởng “Best Banking Brand”.

### 3 GIẢI THƯỞNG QUAN TRỌNG CỦA THE ASIAN BANKER

Vietcombank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được tạp chí The Asian Banker trao tặng 3 giải thưởng quan trọng trong gói giải thưởng Transaction Banking Awards, gồm: “Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam”; “Ngân hàng quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng ngoại hối tốt nhất Việt Nam”. Gói giải thưởng Transaction Banking Awards nhằm vinh danh các đơn vị dẫn đầu trong thị phần, mức độ đa dạng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh.

TOP 500 NGÂN HÀNG TOÀN CẦU

Vietcombank xếp ở vị trí thứ 461 là thương hiệu có giá trị 201 triệu USD. Bảng xếp hạng 500 thương hiệu ngân hàng trị giá nhất thế giới được thực hiện qua định giá hàng nghìn giao dịch thương hiệu, tài sản vô hình trị giá, công bố thường niên trong ấn bản tạp chí uy tín hàng đầu thế giới The Banker.



Đại diện Vietcombank, Bà Vũ Thị Bích Thu - Trưởng Văn phòng đại diện tại Singapore nhận giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” năm 2017 của Tạp chí Alpha SEA

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2017

Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia (Alpha SEA) bình chọn và trao cho các định chế tài chính xuất sắc khu vực để thúc đẩy kỷ hăng năm gồm giải thưởng dành cho đơn vị tiêu biểu nhất trong khu vực và giải thưởng dành cho các đơn vị dẫn đầu thuộc các lĩnh vực khác nhau tại mỗi quốc gia. Vietcombank vinh dự giành giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” năm 2017. Đây cũng là hệ thống giải thưởng đầu tiên và duy nhất trong khu vực Đông Nam Á.



DẪN ĐẦU CÁC NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM TRONG

DANH SÁCH TOP 500 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT CHÂU Á

Trong danh sách Top 500 Ngân hàng mạnh nhất - Strongest Bank 2016 do Tạp chí tài chính ngân hàng hàng đầu khu vực châu Á - The Asian Banker bình chọn có 17 NHTM đến từ Việt Nam. The Asian Banker xếp hạng 1 quốc gia, đứng thứ 62 trong bảng xếp hạng Top 500 với khoảng cách so với ngân hàng xếp hạng thứ 2 tới gần.

NGÂN HÀNG QUẢN LÝ TIỀN MẶT VÀ KINH DOANH VỐN TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM

Theo bảng xếp hạng thường niên các ngân hàng tốt nhất về quản lý tiền mặt và kinh doanh vốn trên toàn cầu do Global Finance - tạp chí uy tín hàng đầu thế giới trong lĩnh vực tài chính công bố, Vietcombank đã xuất sắc để có mặt trong danh sách 55 quốc gia trên thế giới vinh danh. Kết quả bình chọn dựa trên đánh giá khách quan từ các chuyên gia, các lãnh đạo cấp cao, doanh nghiệp, các chuyên gia công nghệ và từ kết quả nghiên cứu độ



NGÂN HÀNG DUY NHẤT LỘT TOP 10 TRONG DANH

SÁCH 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Theo khảo sát thường niên Nielsen công bố về Top 100 công ty có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam 2016, trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng hấp dẫn nhất với thứ hạng không ngừng cải thiện, tăng mạnh với năm 2015 để trở thành đơn vị ngân hàng duy nhất có mặt trong Top 10 và tiếp tục dẫn đầu danh sách trong khối ngân hàng.



Danh sách bình chọn 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2016 do Anphabe và Nielsen công bố ngày 22/03/2017. Nguồn ảnh: www.anphabe.com

THƯƠNG HIỆU DUY NHẤT NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM LỘT TOP 1.000 THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU CHÂU Á NĂM 2017

Theo Hãng nghiên cứu thị trường Mỹ Nielsen có hoạt động tại Việt Nam, kết quả Top 1.000 thương hiệu hàng đầu châu Á 2017 do Tạp chí Campaign Asia Pacific (Singapore) công bố cho thấy, Việt Nam vẫn có 11 thương hiệu lọt nhóm 1.000 thương hiệu hàng đầu châu Á. Trong số 11 doanh nghiệp Việt Nam lọt vào danh sách này thì Vietcombank là ngân hàng duy nhất lọt vào top 10.

1	Vinamilk	1.714,8
2	Viettel	849,6
3	Vingroup	299,3
4	Bia Sài Gòn (Sabeco)	254,5
5	Masan Consumer	217,9
6	FPT	176,2
7	Vietcombank	137
8	Vietinbank	134,5
9	Oto Trường Hải	130
10	BIDV	124,32

THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2017

Tong danh sách 40 thương hiệu công ty giá trị nhất năm 2017 do tạp chí Forbes công bố, Vietcombank đã xuất sắc đứng đầu mà nhà nước giữ cổ phần chi phối để trở thành đại diện xếp thứ hạng cao nhất trong số các ngân hàng. Trên thị trường nội địa, Forbes đánh giá Vietcombank là “Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” trong 5 năm qua với xét tích cực về hiệu suất, tính minh bạch và mức giá cao nhất ngành.

Đại diện Vietcombank nhận giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2017” do Tạp chí Euromoney trao tặng

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 3 NĂM LIÊN TIẾP

Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2017” do Tạp chí Euromoney trao tặng cho Vietcombank. Đây là giải thưởng thuộc hệ thống giải thưởng hàng đầu thế giới trong ngành tài chính - ngân hàng, bao gồm trên 20 giải thưởng quốc tế và các giải thưởng Best Bank trao cho các ngân hàng dẫn đầu tại gần 100 quốc gia. Giải thưởng thể hiện sự khẳng định vị thế độc tôn trên thị trường.



## GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN TỐT NHẤT TRONG CÁC NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Theo Báo cáo xếp hạng tín nhiệm của Moody's, Vietcombank được xếp hạng AAA, là ngân hàng có chất lượng tài sản tốt nhất trong các ngân hàng tại Việt Nam, khả năng sinh lời cao nhất và xu hướng đa dạng ... Moody's hiện giữ nguyên kết quả xếp hạng tín nhiệm tại kỳ đánh giá tháng 7/2016, trên các khía cạnh chính: Định hạng nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ dài hạn (B1); Định hạng tiền gửi nội tệ dài hạn (B1); Định hạng tiền gửi ngoại tệ dài hạn (B1); Định hạng trái phiếu (b2); triển vọng ổn định.



## NGÂN HÀNG CÓ KHẢ NĂNG SINH LỜI CAO NHẤT TRONG NHÓM CÁC NGÂN HÀNG TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Trong bảng xếp hạng 500 ngân hàng thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương do tạp chí tài chính The Asian Banker, về quy mô tài sản, Vietcombank đứng ở vị trí thứ 3 tại thị trường Việt Nam (thứ hạng 188 trong bảng AB500 Rank) nhưng lại đứng đầu về khả năng sinh lời khi xếp thứ 48 trong danh sách về Strength Rank, cao nhất trong số các NHTM Việt Nam, cách ngân hàng nội địa xếp hạng tiếp theo là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

## THƯƠNG HIỆU XUẤT SẮC TRONG

### NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Giải thưởng Thương hiệu xuất sắc thế giới - BrandLaureate Special Edition World 2017 do tổ chức Thương hiệu châu Á Thái Bình Dương (APBF) thực hiện. Nhiều lĩnh vực được trao giải gồm: CNTT và Viễn thông; FMCG - Dinh dưỡng - Sữa; Tài chính - Ngân hàng; Bất động sản; Ô tô cao cấp; Golf; Nhà hàng - Khách sạn... Vietcombank là ngân hàng nội địa duy nhất tại Việt Nam được bình chọn là Thương hiệu xuất sắc nhất trong ngành Tài chính - Ngân hàng (Brand Excellence in Banking and Financial Services).



Đại diện Vietcombank, Ông Huỳnh Song Hào - Trưởng VPĐD Vietcombank Khu vực phía Nam (thứ 2 từ phải sang) nhận giải thưởng

## TOP 2.000 CÔNG TY LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Danh sách Global 2.000 do Tạp chí Forbes công bố gồm các công ty đa quốc gia và quyền lực nhất thế giới. Các tiêu chí để đánh giá là doanh thu, tài sản và giá trị thị trường. Trong bảng xếp hạng, Vietcombank đứng ở vị trí 1.656 với tổng tài sản và có tổng vốn điều lệ 1.656 tỷ đồng.



## GIẢI THƯỞNG TỶ LỆ ĐIỆN ĐẠT CHUẨN STP CỦA NGÂN HÀNG JP MORGAN CHASE

Ngân hàng JP Morgan Chase đã trao tặng Vietcombank giải thưởng tỷ lệ điện đạt chuẩn STP cho năm 2016 với tỷ lệ điện chuẩn đạt gần như tuyệt đối: 98,64% đối với điện chuyển tiền thương mại MT103 và 99,86% đối với điện điều vốn MT202.

## GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG THANH TOÁN XUẤT SẮC

Ngân hàng Wells Fargo Bank, N.A. đã trao tặng Vietcombank Giải thưởng Chất lượng Thanh toán Xuất sắc năm 2016 với tỷ lệ điện đạt chuẩn xử lý tự động 100% và tỷ lệ phát sinh tra soát thấp nhất.



Giải thưởng này trong nhiều năm liên tiếp. Wells Fargo Bank, N.A. là một trong các ngân hàng thương mại đứng đầu nước Mỹ xét về Tổng tích sản và là một trong những ngân hàng đại lý cung cấp dịch vụ tài chính USD lớn nhất thế giới.





## Giải thưởng TRONG NƯỚC



Đại diện Vietcombank, Ông Thomas William Tobin - Giám đốc Khối Bán lẻ (bên trái) nhận giải thưởng “Ngân hàng vì cộng đồng 2017”

### NGÂN HÀNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Đánh giá về giải thưởng “Ngân hàng vì cộng đồng 2017”, đại diện Ban tổ chức cho biết, Vietcombank đã thể hiện vai trò xã hội, hỗ trợ khám chữa bệnh đầu tư cơ sở hạ tầng, giảm bớt gánh nặng cho người dân, đặc biệt là người nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu xã hội hóa, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Giải thưởng do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp với các tổ chức tài chính quốc tế IDG bình chọn.

### DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG 4 NĂM LIÊN TIẾP

Bảng xếp hạng “Doanh nghiệp vì Người lao động” dựa trên bộ tiêu chí chặt chẽ do các chuyên gia về lao động và công đoàn xây dựng. Bộ Tiêu chí đảm bảo phản ánh sâu sát tình hình thực tế sử dụng và chăm sóc người lao động trong doanh nghiệp trên mọi khía cạnh. Với số lượng gần 15 nghìn lao động, bên cạnh việc khuyến khích, động viên để người lao động không ngừng sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Vietcombank luôn tổ chức nhiều chương trình ý nghĩa để nâng cao thể chất, tinh thần đối với người lao động.



Ông Trần Phúc Cường - Phó Chủ tịch thường trực Công đoàn Vietcombank nhận giải thưởng “Doanh nghiệp vì Người lao động”

### TOP 20 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2016

Bảng xếp hạng “50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” (Top 50) do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư công bố thể hiện kết quả kinh doanh và phản ánh năng lực quản trị của các doanh nghiệp trong năm 2016. Vietcombank nằm trong Top 20 và là ngân hàng dẫn đầu trong danh sách các ngân hàng có tên trong bảng xếp hạng này. Đây là lần thứ 6 liên tiếp Vietcombank có tên trong bảng xếp hạng.



Đại diện Vietcombank (hàng đầu, thứ 2 từ phải sang) nhận chứng nhận 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam



Đại diện Vietcombank (thứ 2 từ phải sang) nhận giải thưởng Ngân hàng uy tín nhất năm 2017

### NGÂN HÀNG UY TÍN NHẤT NĂM 2017

Vietcombank vinh dự được trao giải thưởng “Ngân hàng uy tín nhất năm 2017” và cũng là ngân hàng đứng đầu trong Top 10 NHTM Việt Nam uy tín nhất do Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietnamNet công bố. Theo Vietnam Report, kết quả bình chọn dựa trên sự tin tưởng của người dân vào các phương tiện truyền thông có ảnh hưởng (tính đến ngày 31/5/2017), từ đó thể hiện vai trò chuyên gia tài chính.

### NGÂN HÀNG NỘP THUẾ DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT

ngân hàng nộp thuế lớn nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đây là lần thứ

này. Hai tiêu chí để Tổ chức đưa vào danh sách các doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất gồm: Doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định; Mức nộp thuế đã nộp trong năm 2016.



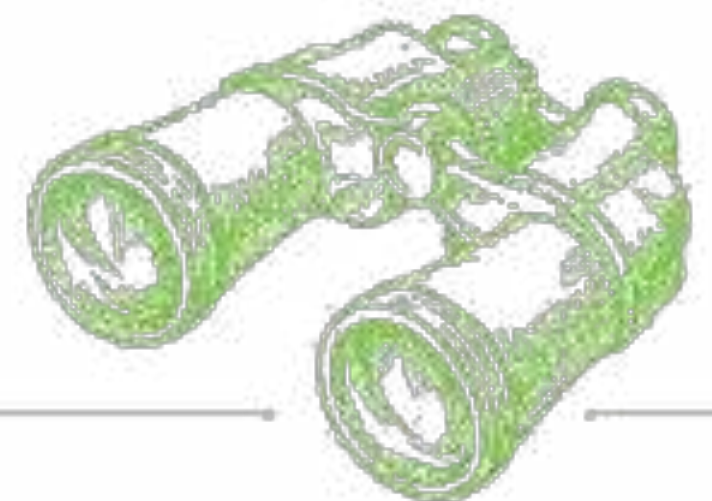
Ngân hàng số **1** Việt Nam

**1**  
trong 100 ngân hàng  
lớn nhất khu vực

**1**  
trong 300 tập đoàn  
ngân hàng lớn nhất  
thế giới và được  
quản trị theo các  
thông lệ quốc tế tốt  
nhất vào năm 2020

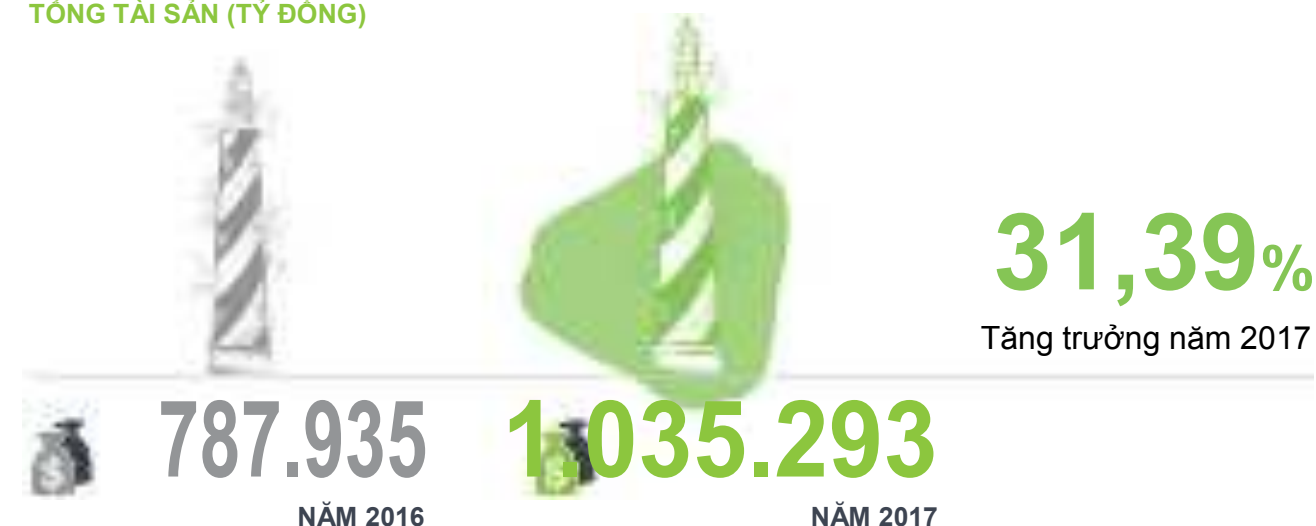
**NGÂN HÀNG  
CÓ CHẤT LƯỢNG  
TÀI SẢN TỐT NHẤT  
MOODY'S**

**1**  
**MỤC TIÊU**

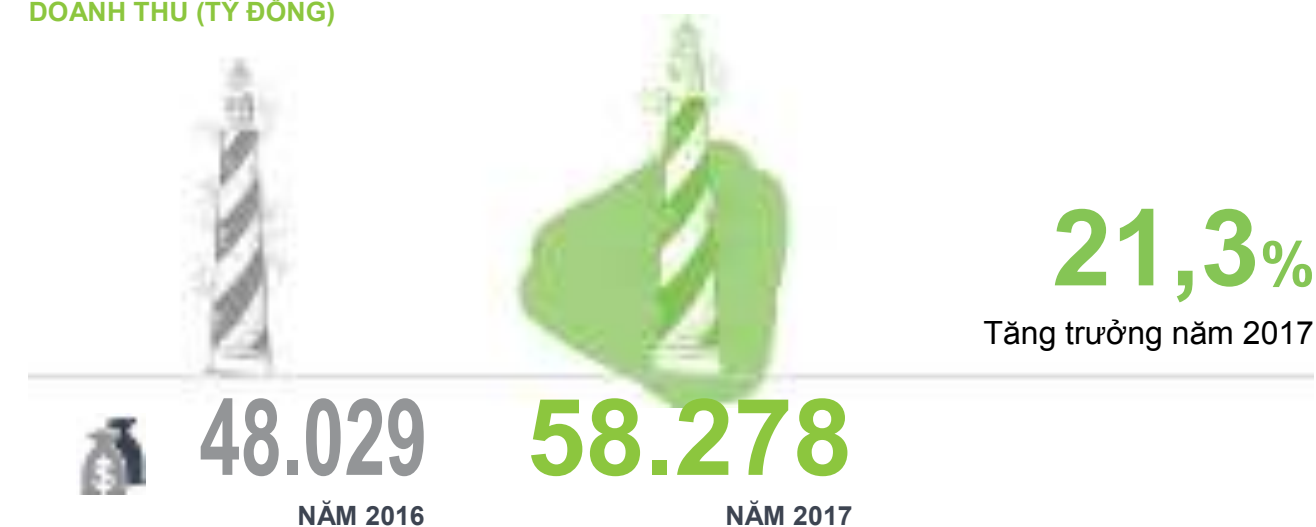


Tình hình tài chính	2016	2017
<b>A Tình hình tài chính</b>		
1 Tổng giá trị tài sản	787.935	1.035.293
2 Doanh thu	48.029	58.278
3 Thuế và các khoản phải nộp (Số đã nộp trong kỳ)	2.597	3.262
4 ớc thuế	8.578	11.341
5 ế	6.895	9.111
<b>B Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>		
<b>1 Quy mô vốn</b>		
1.1 Vốn điều lệ	35.978	35.978
1.2 Tổng tài sản có	787.935	1.035.293
1.3 ệ an toàn vốn	11,13%	11,63%
<b>2 Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
2.1 Doanh số huy động tiền gửi	9.561.306	12.653.763
2.2 Doanh số cho vay	1.216.539	1.458.668
2.3 Doanh số	1.143.574	1.376.305
2.4 ầu	6.922	6.209
2.5 ệ /tổng vốn huy động (quy VNĐ)	76,71%	74,78%
2.6 ệ ạo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	1,13%	0,66%
2.7 ệ ạn/Tổ	1,03%	2,02%
2.8 ệ ầu/Tổ	1,45%	1,11%
<b>3 Khả năng thanh toán</b>		
3.1 ệ dự trữ thanh khoản	30,5%	35,9%
3.2 ệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- VNĐ	299,4%	155,6%
- USD và Ngoại tệ khác quy USD	79,1%	89,4%

## TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



## DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



## LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)





CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
3.597.768.575	Cổ phần phổ thông	283.678.357	3.314.090.218

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỞ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	2.774.353.387	Theo quy định tại khoản 1 Điều TCTD số 47/2010/QH12: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) ở chức chuyển không cổ phần thời gian đảm nhiệm chức.”
2	Cổ đông nội bộ	68.329	68.329	
	Hội đồng Quản trị	54.693	54.693	
	Ban Kiểm soát	13.636	13.636	
3	Cổ đông chiế nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	539.668.502	539.668.502	
Tổng		3.314.090.218	3.314.090.218	

\* Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN ngày 05/12/2014 của NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank, Ông Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, Ông Phạm Quang Dũng - Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	77,11%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	539.668.502	15,00%	1
III	Cổ đông khác	283.746.686	7.89%	24.024
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	56.885.930	1.58%	23.018
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	20.453.273	0.57%	165
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	8.154.414	0.23%	677
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	198.253.069	5.51%	164
Tổng		3.597.768.575	100,00%	24.026

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.774.353.387	77,11%
2	Mizuho Bank. Ltd	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	539.668.502	15,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 29/12/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - VSD cung cấp)



## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, VCB đã thực hiện đầu tư/thoái vốn :

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Tên đơn vị	Vốn đầu tư 31/12/2017	Vốn đầu tư 31/12/2016	Đầu tư thêm/ (thoái vốn)
1	Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank	30,00	-	30,00
2	Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	70,00	197,65	(127,65)
3		-	123,45	(123,45)

## CÔNG TY CON, LIÊN DOANH - LIÊN KẾT

Thông tin chung công ty con

### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHO THUÊ TÀI CHÍNH VIETCOMBANK (VCBL)

Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động số 66/ GP-NHNN - 2017/ĐC.

Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê tài chính

Vốn (31/12/2017) 100,00 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK (VCBS)

Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động số 09/ GPBKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 09/ GPBKD - 2017/ĐC.

Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán

Vốn (31/12/2017) 100,00 tỷ đồng

Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

85,9



↑ TĂNG 25,2% SO VỚI KẾ HOẠCH

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)

177,6



↑ TĂNG 48% SO VỚI KẾ HOẠCH

**VCBL** là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2017, hoạt động cho thuê tài chính ổn định và tăng trưởng trước thuế năm 2017 đạt 85,9 tỷ đồng, tăng 25,2% kế hoạch. Đây cũng là kết quả tốt nhất trong quá trình hoạt động. Đến 31/12/2017 đạt 100,00 tỷ đồng, tăng 21,5% so với năm 2016.

**VCBS** là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Hoạt động chứng khoán năm 2017 do thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến tích cực trước thuế năm 2017 đạt 177,6 tỷ đồng, tăng 48% kế hoạch.



CÔNG TY CON, LIÊN DOANH - LIÊN KẾT

Thông tin chung Công ty con

CÔNG TY TÀI CHÍNH VIỆT NAM  
TẠI HỒNG KÔNG (VFC)

Giấy phép hoạt động: Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ Tài chính

Vốn (31/12/2017) 100%

Tỷ lệ 100% sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH  
VIÊN KIỀU HỎI VIETCOMBANK  
(VCBR)

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận kinh doanh số 0314633162 ngày 20/09/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp

Lĩnh vực kinh doanh: Chi trả kiều hối

Vốn (31/12/2017) 100%

Tỷ lệ 100% sở hữu trực tiếp của VCB: 100%

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN  
VIETCOMBANK (VCBM)

Giấy phép hoạt động: Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009\_6 do chính quyền bang Nevada cấp ngày 15/06/2009.

Lĩnh vực kinh doanh: Chuyển tiền kiều hối

Vốn (31/12/2017) 100%

Tỷ lệ 87,5% sở hữu trực tiếp của VCB: 87,5%

CÔNG TY TNHH CAO ỐC  
VIETCOMBANK 198 (VCBT)

Giấy phép hoạt động: Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần cuối ngày 11/09/2017 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

Lĩnh vực kinh doanh:

Vốn (31/12/2017) 100%

Tỷ lệ 70% sở hữu trực tiếp của VCB: 70%



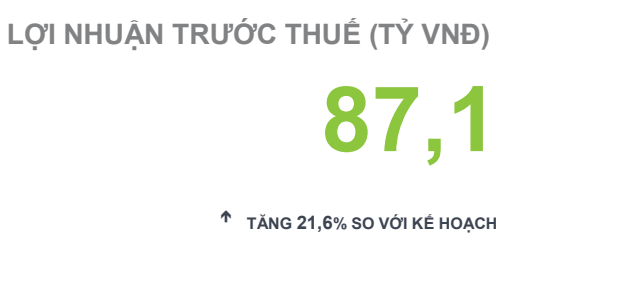
VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Một số mảng hoạt động chính của công ty là chuyển tiền kiều hối, dịch vụ tài chính, cho vay và các hoạt động khác. Lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 12,17 tỷ VNĐ, tăng 44% kế hoạch.



VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người hưởng tại Việt Nam. Kế hoạch năm 2018 Công ty sẽ phát triển mạng lưới nhân viên chi trả kiều hối ở nước ngoài với doanh số chi trả là 193 triệu USD.



VCBM là công ty cổ phần do Vietcombank sở hữu 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền từ Mỹ về Việt Nam. Công ty đang trong giai đoạn phát triển kinh doanh nên chưa có lãi. Trong năm 2017, VCBM tiếp tục mở rộng mạng lưới thông qua xin giấy phép hoạt động tại các bang và phát triển hệ thống đại lý. Tính đến cuối năm 2017, Công ty đã triển khai và 119 đại lý và có giấy phép hoạt động tại 10 bang. Doanh số VCBM năm 2017 đạt 103,9 triệu USD, tăng 35% so với năm 2016 và dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2018.



VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và các đối tác nước ngoài. Công ty có 198 nhân viên, lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và khách sạn. Năm 2017 Công ty tiếp tục hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 87,1 tỷ VNĐ, tăng 21,6% kế hoạch.

CÔNG TY CON, LIÊN DOANH - LIÊN KẾT

Thông tin chung Công ty liên doanh - liên kết

CÔNG TY TNHH VIETCOMBANK - BONDAY- BẾN THÀNH (VBB)

Giấy phép hoạt động: Số 2458/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.

Lĩnh vực kinh doanh:

Vốn (31/12/2017) đồng  
Tỷ lệ vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 52%

CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK (VCBF)

Giấy phép hoạt động: Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 06/08/2015.

Lĩnh vực kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư

Vốn (31/12/2017) đồng  
Tỷ lệ vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 51%

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETCOMBANK-CARDIF (VCLI)

Giấy phép hoạt động: Số 55/GP do BTC cấp ngày 23/10/2008.

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ

Vốn (31/12/2017) đồng  
Tỷ lệ vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 45%

CÔNG TY LIÊN DOANH VIETCOMBANK BONDAY (VCBB)

Giấy phép hoạt động: Số 283/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 05/12/1991; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 02/10/2000..

Lĩnh vực kinh doanh

Vốn (31/12/2017) đồng  
Tỷ lệ vốn sở hữu trực tiếp của VCB: 16%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



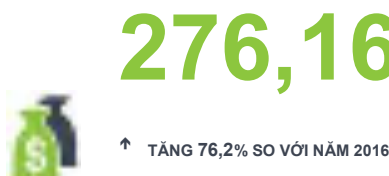
VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn là 52%; 18% và 30%, hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm (hạng A), đồng thời đáp ứng nhu cầu về dịch vụ làm việc chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Tính đến hết năm 2017, 100% diện tích có thể khai thác đã được lấp đầy, đạt 81% kế hoạch.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý đầu tư chứng khoán. Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 10,5 tỷ VNĐ, tăng 100% so với kế hoạch đề ra do các nguồn thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán tăng mạnh. Bên cạnh đó, hai quỹ mở đầu tư chứng khoán (NAV)/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng chiế và NAV)/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF tăng 37,4% trong năm 2017.

TỔNG DOANH THU (TỶ VNĐ)



VCLI là công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, với các đối tác là BNP Paribas Cardif và SeAbank với tỷ lệ góp vốn là 45%; 43% và 12%, chuyên về phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng (bancassurance). Hiện tại, Công ty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như: Bảo hiểm nhân thọ đơn thuần; Bảo hiểm nhân thọ có kèm theo quyền lợi đồng vay, Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm hưu trí, .... Năm 2017, Công ty tiếp tục mở rộng khai thác thị trường, theo đó, trong năm 2017, Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng, mở rộng mạng lưới tư vấn viên tài chính bán bảo hiểm (FC) tại hệ thống VCB. Nhờ đó, Công ty đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng, tăng 76,2% so với năm 2016. Do tăng cường đầu tư vào mô hình tư vấn tài chính nên chi phí hoạt động lớn dẫn tới Công ty bị lỗ trước thuế năm 2017. Dự kiến tới năm 2020 sẽ thoát lỗ và bắt đầu có lãi trở lại với mức lợi nhuận ổn định.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Việt Nam, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty điều hành nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động trên lĩnh vực cho thuê văn phòng. Năm 2017, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 39,4 tỷ VNĐ, tăng 33,8% kế hoạch năm 2017.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)

1.035.293

↑ TĂNG 31,39% SO VỚI NĂM 2016

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)

52.558

↑ TĂNG 9,16% SO VỚI NĂM 2016

HUY ĐỘNG VỐN (TỶ ĐỒNG)

726.734

↑ TĂNG 20,97% SO VỚI NĂM 2016

**HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH  
KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC ĐỀ RA TRONG NĂM 2017**

**Tổng tài sản tăng mạnh và Vốn chủ sở hữu tăng  
tốt hơn kế hoạch 2017**

- ☐ Tổng tài sản đạt 1.035.293 tỷ đồng, tăng 31,39% so với năm 2016.
- ☐ Vốn chủ sở hữu đạt 52.558 tỷ đồng, tăng 9,16% so với năm 2016.

**Huy động vốn tăng trưởng đúng định hướng:  
Rút giảm giảm huy động vốn lãi suất cạnh tranh;  
Gia tăng tỷ trọng nguồn vốn không kỳ hạn và  
nguồn vốn ngoại tệ.**

- ☐ Huy động vốn từ nền kinh tế bao gồm cả phát hành GTCG đạt 726.734 tỷ đồng, tăng 20,97% so với năm 2016.

Với kế hoạch đã đặt ra trong năm 2017. Trong đó, huy động vốn tăng đều ở cả TCKT (20,12%) và cá nhân (19,9%).

- ☐ Cơ cấu nguồn vốn huy động đúng định hướng, tỷ trọng huy động vốn từ TCKT/cá nhân tương ứng là 44,67%/55,33%.
- ☐ Huy động vốn không kỳ hạn tăng 27,8% so với cuối 2016 (chiếm 29,92% tổng nguồn vốn).
- ☐ Huy động vốn ngoại tệ đạt 18,98% so với năm 2016, chiếm 18,65% tổng huy động vốn từ nền kinh tế (có bao gồm giấy tờ có giá).

## DANH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



HOẠT ĐỘNG THẺ TIẾP TỤC GIỮ VỮNG VỊ TRÍ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG. CÁC HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ CỦA VIETCOMBANK ĐỀU TĂNG TRƯỞNG MẠNH SO VỚI NĂM 2016. NHIỀU CHỈ TIÊU CÓ MỨC TĂNG TRƯỞNG MẠNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH NĂM 2017.

DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG

**543.434**

↑ TĂNG 17,93% SO VỚI NĂM 2016

**Tín dụng tăng trưởng tốt ngay từ các tháng đầu năm; Cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo đúng định hướng: giảm dư nợ bán buôn hiệu quả thấp, mở rộng tín dụng bán lẻ, tăng tín dụng bán lẻ tại PGD**

□ **Chất lượng tín dụng** tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ; **Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng**

□ **Hiệu suất sinh lời** tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, lợi nhuận trước thuế vượt mức 10.000 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2016

□ **Chỉ tiêu có mức tăng trưởng mạnh và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2017.**

**Chất lượng tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ; Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng**

□ **Chất lượng tín dụng** tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ; **Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng**

□ **Hiệu suất sinh lời** tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, lợi nhuận trước thuế vượt mức 10.000 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2016

□ **Chỉ tiêu có mức tăng trưởng mạnh và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2017.**

□ **Hoạt động dịch vụ tăng trưởng khả quan trên các mảng kinh doanh ngoại tệ, tài trợ thương mại, dịch vụ thẻ, và dịch vụ ngân hàng hiện đại**

**Hoạt động dịch vụ tăng trưởng khả quan trên các mảng kinh doanh ngoại tệ, tài trợ thương mại, dịch vụ thẻ, và dịch vụ ngân hàng hiện đại**

□ **Doanh số thanh toán quốc tế** tăng 28,4% so với năm 2016; thị phần cải thiện lên mức 16,34% từ mức năm 2016. Dịch vụ tiền kiều hối đạt USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ 2016.

□ **Vị thế dẫn đầu thị trường kinh doanh và dịch vụ ngoại tệ** tiếp tục vững. Doanh số mua bán ngoại tệ (không bao gồm giao dịch liên ngân hàng) đạt 120,3% so với cùng kỳ, đạt 120,3% kế hoạch 2017.

□ **Hoạt động thẻ** tiếp tục vững vị trí dẫn đầu thị trường: (i) Doanh số thanh toán thẻ tăng 31,67% so với cùng kỳ; (ii) Số thẻ quốc tế tăng 1,35% so với cùng kỳ; (iii) Doanh số sử dụng thẻ tăng 24,18% so với cùng kỳ; (iv) Mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ tăng thêm 11.773 đơn vị.

□ **Dịch vụ ngoại tệ** tiếp tục có mức tăng trưởng khá, thực hiện kế hoạch tương ứng ở mức 123,8% và 135,5%.

□ **Hoạt động vốn** tiếp tục tăng trưởng khá, thực hiện kế hoạch tương ứng ở mức 123,8% và 135,5%.

**Tỷ suất sinh lời tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, lợi nhuận trước thuế vượt mức 10.000 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2016**

□ **Hiệu suất sinh lời** tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, lợi nhuận trước thuế vượt mức 10.000 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2016

□ **Chỉ tiêu có mức tăng trưởng mạnh và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2017.**

□ **Hoạt động dịch vụ tăng trưởng khả quan trên các mảng kinh doanh ngoại tệ, tài trợ thương mại, dịch vụ thẻ, và dịch vụ ngân hàng hiện đại**

□ **Doanh số thanh toán quốc tế** tăng 28,4% so với năm 2016; thị phần cải thiện lên mức 16,34% từ mức năm 2016. Dịch vụ tiền kiều hối đạt USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ 2016.

□ **Vị thế dẫn đầu thị trường kinh doanh và dịch vụ ngoại tệ** tiếp tục vững. Doanh số mua bán ngoại tệ (không bao gồm giao dịch liên ngân hàng) đạt 120,3% so với cùng kỳ, đạt 120,3% kế hoạch 2017.

**VCB tiếp tục là TCTD có mức vốn hóa lớn nhất thị trường, hệ số an toàn vốn trong giới hạn an toàn**

□ **Cổ phiếu VCB** tiếp tục có mức giá cao nhất trong top 3 doanh nghiệp có mức vốn hóa lớn nhất thị trường. Giai đoạn 2016 – 2017, giá chứng khoán sau điều chỉnh tăng 56,49% trong khi chỉ số VNI tăng 48,03%.

□ **Hệ số an toàn vốn (CAR)** ở mức 11,63%, đáp ứng qui định.

LỢI NHUẬN THUẦN

**17.540**

↑ TĂNG 17,35% SO VỚI NĂM 2016







TỔNG TÀI SẢN

1.035.293

TỶ ĐỒNG

1

Ngân hàng trở thành Ngân hàng số một tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới.

## KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2017

VỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG SỐ MỘT TẠI VIỆT NAM, MỘT TRONG 100 NGÂN HÀNG LỚN NHẤT KHU VỰC, MỘT TRONG 300 TẬP ĐOÀN NGÂN HÀNG TÀI CHÍNH LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ ĐƯỢC QUẢN TRỊ THEO CÁC THÔNG LỆ QUỐC TẾ TỐT NHẤT VÀO NĂM 2020; TRONG NĂM 2017, VIETCOMBANK ĐÃ VÀ ĐANG TIẾP TỤC TẠO RA NHỮNG BƯỚC ĐI ĐỘT PHÁ





**Tích cực triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN**

- ☐ Động và đi đầu thị trường để chia sẻ, hỗ trợ hàng vay vốn thông qua việc giảm lãi suất cho vay và triển khai các chương trình lãi suất cạnh tranh.
- ☐ Tích cực triển khai các chương trình cho vay đối với 05 lĩnh vực ưu tiên, các chính sách hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng, thiệt hại tại các tỉnh Miền Bắc, và sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ....

**Điều hành công tác huy động vốn linh hoạt, hài hòa với với mục tiêu tăng trưởng tín dụng đồng thời tiết giảm chi phí vốn**

- ☐ Đảm bảo các chương trình khuyến mại/ưu đãi lãi suất huy động vốn; giảm dần phạm vi huy động các khoản tiền gửi có lãi suất cạnh tranh cao so với mặt bằng thị trường.
- ☐ Tăng cường phát triển, mở rộng tài khoản chuyên thu cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, bảo hiểm, kho bạc. Tính đến cuối 2017, đã có 246 đơn vị KBNN mở tài khoản chuyên thu, tài khoản thanh toán VND tại Vietcombank.

**Củng cố danh mục tín dụng theo đúng định hướng chiến lược; Kiểm soát chặt chất lượng tín dụng**

- ☐ Tiếp tục ở đầu mối với doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, các khoản an bảo đảm và có tính thanh khoản tốt; thay đổi cơ cấu trả nợ, giảm chi phí.
- ☐ Giảm thiểu rủi ro đối với doanh nghiệp có tình hình tài chính suy giảm, các doanh nghiệp suất thấp và hiệu quả tổng thể không cao, các khách hàng là công ty cổ phần, công ty TNHH có tính chất sở hữu tư nhân, gia đình sở hữu tài sản bảo đảm thấp.
- ☐ Hạn chế cho vay trung dài hạn cho các nhóm khách hàng không sử dụng tín dụng.
- ☐ Tiếp tục nâng cao công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại Chi nhánh; đẩy mạnh công tác phân tích dự báo, từ đó có định hướng; quản trị rủi ro, từ đó có định hướng; quản trị rủi ro, từ đó có định hướng.



**Kịp thời ghi nhận và xử lý các khó khăn vướng mắc phát sinh của các Đơn vị thành viên; Tích cực thu hồi nợ ngoại bảng**

- ☐ Ban lãnh đạo Vietcombank thường xuyên tổ chức đoàn công tác tại 7 vùng kinh tế để đón đầu thực hiện kế hoạch, đồng thời xử lý kịp thời khó khăn vướng mắc, đẩy kinh doanh.
- ☐ Phân công thành viên Ban lãnh đạo để tăng cường đón đầu chỉ đạo công tác xử lý thu hồi nợ đối với các Chi nhánh.

**Thoái vốn tại một số TCTD và đẩy nhanh kế hoạch tăng vốn nhằm nâng cao năng lực tài chính**

- ☐ Thực hiện thành công phương án tăng vốn cấp II để đảm bảo an toàn vốn tối thiểu theo quy định, cải thiện khả năng đáp ứng tiêu chuẩn.
- ☐ Triển khai phương án tăng vốn cấp I với quy mô tương đương 10% vốn điều lệ và khẩn trương triển khai công tác tăng vốn trong năm 2018.
- ☐ Thoái vốn theo lộ trình tại một số định chế tài chính CFC, SGB và OCB với kết quả khả quan.

**Kiểm toàn quy trình, quy chế nội bộ, nâng cao chất lượng dịch vụ**

- ☐ Ban hành mới, quy chế nội bộ như: Quy định cho vay đối với khách hàng; Quy định về thẩm quyền phê duyệt ... Kiểm toàn các quy trình, quy chế nội bộ như: Chính sách bảo đảm hàng bán buôn, khách hàng SMEs...
- ☐ Ban hành và áp dụng đồng bộ một loạt các cơ chế quản trị quan trọng như: Quy chế tiếp nhận lao động trong hệ thống, Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền quản lý Trưởng PGD và số lượng PGD; Triển khai xây dựng/sửa đổi các Quy trình/Quy chế: Quy chế luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ trong hệ thống Vietcombank...
- ☐ Thực hiện dự án, chương trình quản lý chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng: Dự án Xây dựng và đo lường Cam kết chất lượng dịch vụ, đội bộ SLA, dự án khảo sát chuyên sâu ý kiến khách hàng CSI, rà soát ban hành Bộ tiêu chuẩn Chất lượng dịch vụ ...



Hoàn thành các kế hoạch kiểm tra, kiểm toán năm 2017 đồng thời thực hiện một số cuộc kiểm toán đột xuất tại các Chi nhánh và kiểm toán theo chuyên đề \_\_\_\_\_ và quy trình hoạt động tiềm ẩn \_\_\_\_\_; kiểm toán các công ty con, kiểm toán \_\_\_\_\_/Ban tại TSC đặc biệt \_\_\_\_\_ khối quản trị \_\_\_\_\_.

**Mô hình tổ chức và nhân sự được cơ cấu lại phù hợp với chiến lược trung và dài hạn, đẩy mạnh phát triển mạng lưới Chi nhánh và Phòng giao dịch**

- ☐ Chuẩn hóa mô hình tổ chức, bổ sung chức năng  
nhiệm vụ, Ban, Trung tâm tạ ở  
để lại theo hướng tinh gọn  
các Bộ phận quản lý bán vùng tại khu vực miền  
Trung và miền Nam; chuẩn hóa chức

quản trị .

- ☐ ếp lại và tinh giản lao động; thực hiện công tác luân chuyển cán bộ từ ở chính về Chi nhánh; đề bạt, bổ nhiệm và điều động nhân sự để đáp ứng sự thay đổi ở chức, môi trường kinh doanh và cải thiện năng suất lao động.

- ☐ Tiế ở rộng mạng lưới trong và ngoài nước:  
mở rộng mạng lướ  
ử lý tiền mặ  
ty Kiều hối; chuẩn bị  
Lào và Chi nhánh tạ  
xếp lại mạng lưới PGD tại khu  
vực Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh.

Đề án, tiểu đề án, chương trình  
hành động Khổ ụng và  
triển khai mạnh mẽ

- Trong năm 2017, trên cơ sở Đề án phát triển đến năm 2020, căn cứ Nghị quyết 42, Đề án cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch hành động hàng, VCB đã xây dựng NHNN phê duyệt Phương án

cơ cấu lại VCB để  
với các giả ể nhà ớ xử ầu  
năng lực hoạt động, năng lực tài chính và năng  
lực quản trị, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh  
và phát triển bền vững.

- ☐ Quán triệt và triển khai đồng bộ các tiểu Đề án (gồm Đề án CNTT, Dự án, Đầu tư, Nguồn nhân lực) và các Chương trình hành động (Bán buôn, Bán lẻ, Vốn và Tài chính).

- ☐ Các tiêu đề án, chương trình hành động  
khó ể ến  
độ, đặc biệt những kết quả quan trọng ban đầu và  
đóng góp vào kết quả kinh doanh năm 2017, tạo  
nền tảng cho sự phát triển bền vững  
Vietcombank thời gian tới.

### Đề án phát triển Chi nhánh

- ☐ Ban hành và triển khai Đề án phát triển Chi nhánh đến 2020 cho 49 Chi nhánh có quy mô nhỏ, thị phần tại địa bàn chưa tương xứng với tiềm năng.

- ☐ Năm 2017, các Chi nhánh thuộc diện thực hiện Đề án phát triển Chi nhánh đã đạt đủ 100% đầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Thị phần huy động vốn tăng 1,5%, việc phát triển khách hàng đạt 100%, có bước phát triển đáng kể.

☐ Trong năm 2017, các dự án nâng cao năng lực quản trị  
thực hiện khai thác tích cực, từng bước



A group of nine men in suits standing in a row in a traditional Chinese room. The men are of various ages and are all wearing dark suits with light-colored shirts and ties. They are standing in front of a large, ornate wooden structure, possibly a screen or a piece of furniture. The room has a high ceiling with a decorative wooden lattice and a large, round, traditional Chinese lantern hanging from the ceiling. The floor is made of dark wood. The overall atmosphere is formal and traditional.

hoạt động kinh doanh: (i) Chương trình Basel II: Triển khai 24/37 sáng kiến vớ ảm bảo là ngân hàng tiên phong trong việc định và mốc thời gian theo yêu cầu. Đến nay, phần lớn sáng kiến triển khai đã có kết quả ứ trong hoạt động quản trị - kinh doanh; (ii) Chương trình CTOM: Triển khai 22/24 sáng kiến, trong đó đang triển khai giai đoạn 1 tại một số Chi nhánh cho 6 sáng kiến cốt lõi (về chuyển đổi mô hình tổ chức, mô hình bán, mô hình phê duyệt). Dự án CLOS đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và chính thức khởi động vào tháng 9/2017; (iii) Dự án đầu tư đổi mới hệ thống Corebanking: Tiế ết liệt triển khai các cấu phầ ự án, đồng thời huy động một lự ể nhân lực cho triển khai dự án....

☐ Vietcombank và Mizuho khẳng định cam kết tiếp tục hợp tác và duy trì mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai ngân hàng thông qua việc tiếp tục mở rộng các gói tín dụng.

sửa đồ                      ông Mua cổ phà  
    ông Hồ                      ỹ                      ời (thay thế bản đã ký).

- Các hoạt động hỗ trợ  
 chiều sâu, bám sát thực tiễn hoạt động và đề án  
 phát triển. Năm 2017, Vietcombank  
 phối hợp Mizuho thực hiện 16 phiên hỗ trợ  
 trong các mảng sau: Mô hình chi nhánh hiện đại  
 thông minh; Ứng dụng công nghệ tài chính; Quản lý  
 rủi ro; Chuyển đổi mô hình kiểm toán khi tham gia Basel II; Quản lý  
 vốn; Chức năng nghiên cứu thị trường cho công ty  
 chứng khoán;...

- ☐ Ngoài tổ chức các phiên hồ ý  
Mizuho đã chia sẻ các tài liệu nghiên cứu chuyên  
sâu, quy trình nội bộ ở /  
Ban/ Trung tâm liên quan tại Vietcombank bao  
gồm: Tài liệu về quản trị chấ ữ liệu; Phân  
bổ chi phí; Quy trình phê duyệt ; Tài liệu  
liên quan đến phân cấp thẩm quyền phê duyệt  
đối với nhóm khách hàng (DoA)...



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

VIỆT NAM LÀ MỘT TRONG NHỮNG QUỐC GIA CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ NHẤT CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA TOÀN XÃ HỘI. NHẬN THỨC RÕ ĐIỀU ĐÓ, NĂM 2015, VCB ĐÃ NGHIÊM TÚC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 03/CT-NHNN NGÀY 24/03/2015 CỦA THỐNG ĐỐC NHNN VỀ THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG XANH VÀ QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI, QUYẾT ĐỊNH SỐ 403/QĐ-TTG NGÀY 20/03/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2014 - 2020 CŨNG NHƯ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC CÓ LIÊN QUAN CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất đến đời sống và bảo vệ môi trường là trách nhiệm của xã hội. Vietcombank luôn thực hiện Chỉ thị số 03/CT-NHNN về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 cũng như các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Khi thẩm định các dự án, Vietcombank thực hiện đánh giá tác động môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Vietcombank đưa ra yêu cầu các dự án đầu tư phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội, đồng thời thường xuyên, định kỳ kiểm tra giám sát việc thực hiện các cam kết đối với các khoản tín dụng cấp cho khách hàng. Đối với một số dự án đầu tư có nguy cơ tác động đến môi trường, hoặc một số dự án trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, dầu khí, Vietcombank phải cung cấp các báo cáo đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT...

Không dừng lại ở đó, Vietcombank còn tuyên truyền thông tin về trách nhiệm của khách hàng trong việc bảo vệ môi trường và xã hội để tạo sự đồng thuận và hợp tác giữa Vietcombank và khách hàng.

### Chính sách liên quan đến người lao động

Trong những năm qua, Ban lãnh đạo Vietcombank luôn quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực. Với định hướng chính sách đãi ngộ tối ưu cho người lao động, Vietcombank từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, góp phần nâng cao sự gắn bó, niềm tin và lòng trung thành của người lao động đối với Vietcombank. Đồng thời, luôn tạo điều kiện để người lao động được phát huy tài năng, mở rộng cơ hội thăng tiến trong công việc, đảm bảo quy chế pháp, chính đáng cho người lao động.

như sau:

### Người lao động được đảm bảo việc làm ổn định:

☐ Năm 2017, lao động ổn định tăng so với cuối năm 2016. Tổng số lao động đến 31/12/2017 là 16.151 người (đã bao gồm số lao động 02 Công ty VCBS và VCBL), tăng ~ 3,43% so với năm 2016.

☐ Toàn thể người lao động tại Vietcombank đều ổn định lao động.

☐ Thời gian làm việc cho người lao động 8h/ngày, 5 ngày trong một tuần. Vietcombank bảo đảm chế độ nghỉ phép năm, nghỉ các ngày lễ, Tết, nghỉ việc theo yêu cầu của người lao động, nghỉ thai sản, ốm đau, nghỉ hưu...

☐ Việc tuyển dụng được thực hiện rõ ràng, minh bạch, tuyển chọn do Hội đồng thi tuyển thực hiện theo quy chế đảm bảo trung thực, khách quan nên cán bộ nhân sự được tuyển chọn đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công việc. Người lao động mới tuyển dụng được hưởng chế độ đãi ngộ và chế độ trả lương trong thời gian thử việc.

☐ Việc tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện đúng quy định pháp luật và nội quy Vietcombank. Người lao động có nguyện vọng xin nghỉ hưu trước tuổi được hưởng chế độ hưu trí theo quy định.

### Xây dựng cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ đảm bảo quyền lợi của người lao động:

Trong thời gian qua, cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao động được Vietcombank từng bước tiếp cận thị trường trong khu vực và trên thế giới như sau:

### Về cơ chế tiền lương

Về cơ bản, cơ chế tiền lương của Vietcombank được xây dựng dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch, phân biệt các chức danh/vị trí công việc tương xứng với giá trị đóng góp trong ngân hàng, mang tính công bằng và cạnh tranh với thị trường, giảm bớt và tiến tới loại bỏ yếu tố thâm niên trong việc xếp lương. Theo đó, tiền lương được chia thành hai phần:



□ **Ổ định:** c định theo ngạ  
 ời vị trí công việc chuyên môn đã  
 Người lao động sẽ ả lương theo vị trí công  
 việc, theo mức độ cống hiế ộc vào  
 thâm niên công tác.

□ **ệu quả:** ịnh theo kết quả đánh  
 giá hoàn thành công việ ờng bằng các  
 chỉ tiêu KPIs, xóa bỏ tình trạng cào bằng, khuyến  
 khích người lao động phấn đấu đạt kết quả công  
 việc tốt. Vietcombank đã hoàn thành việc thiết kế,  
 xây dựng Bộ chỉ tiêu KPIs cho cấp đơn vị /  
 Ban, Chi nhánh) và cấp cá nhân. Hiện nay, Bộ chỉ  
 tiêu KPIs đã phát huy tố ờng mức độ  
 hoàn thành công việ ời lao động một cách  
 khách quan, là căn cứ chính xác để phân phố  
 ời lao động.

Vietcombank đã xây dựng cơ chế lương chuyên gia,  
 với mức lương rất cạnh tranh đối người lao động có  
 trình độ cao nhằm tuyể ộng cần thiết  
 cho một số lĩnh vực đặc thù, các dự án chuyển đổi  
 nâng cao năng lực quản trị và hoạt động.

ế linh hoạt và giao quyền  
 động cho Trưởng các Đơn vị trong việ ế  
 ời lao động theo năng lực, số , chấ  
 ệ. Việc nâng lương

ực hiện dựa trên mức độ đánh giá hoàn  
 thành công việ ời lao động. Đối với các cán  
 bộ có thành tích đặc biệt xuấ , có sáng kiế  
 ại hiệu quả  
 lãnh đạo Vietcombank khen thưởng sẽ  
 lương vị trí công việc trước hạn.

#### Về chế độ đãi ngộ

Vietcombank thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội,  
 bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệ  
 đị ớc. Hiện nay, Vietcombank đã thực  
 hiện việc đóng Bảo hiểm xã hội cho 100% người lao  
 độ ồng lao động từ 01 năm trở lên, giải  
 quyết nhanh chóng, kịp thời các chế độ Bảo hiểm xã  
 hội như thai sản, ốm đau,... cho người lao động. Đối  
 với các trườ ỉ chế độ hưu trí, thai sả  
 , bệnh hiểm nghèo hoặc phẫ , ngoài  
 các chế độ ờng từ Bảo hiểm xã hội,  
 Vietcombank cũng thực hiện chi trả bổ sung nhằm  
 hỗ ề tài chính cho người lao động.

Ngoài ra, Vietcombank đã thực hiện mua bảo hiểm  
 chăm sóc sức khỏe cũng như tổ chức kiểm tra  
 khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao  
 động. Đặc biệt, từ năm 2017, Vietcombank đã k  
 ới các cơ sở y tế có uy tín thực hiện khám tầm  
 soát phát hiện sớm ung thư cho người lao động.



TỔNG TÀI TRỢ AN SINH XÃ HỘI NĂM 2017

132,5

TỶ ĐỒNG

Đồng thời, Vietcombank cũng tích cực xây dựng các chương trình đào  
 tạo trong và ngoài nước cho người lao động để nâng cao năng lực  
 chuy ổi cá nhân, qua đó, tạo sự ết giữa người lao  
 động với Vietcombank.

, cơ chế tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao độ  
 Vietcombank thực hiệ , góp phần tạo nguồn lao động có  
 chấ , làm nên giá trị thương hiệu bền vữ .

#### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Vietcombank luôn tích cực trong công tác an sinh - xã hội vì cộng đồng;  
 đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hộ  
 các chương trình an sinh xã hội với giá trị thực hiệ ồng, bao  
 gồm các chương trình xây dựng trường học, trạm y tế, nhà cho người  
 nghèo, người ả thiên tai...



## ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

KINH TẾ THẾ GIỚI 2018 DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN VÀ ĐẠT MỨC 3,9% (IMF); LẠM PHÁT VẪN TRONG TẦM KIỂM SOÁT. TUY NHIÊN, RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ NGUY CƠ CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI CÓ CHIỀU HƯỚNG GIA TĂNG. BÊN CẠNH ĐÓ, THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH THẾ GIỚI CÓ THỂ CHỊU TÁC ĐỘNG BỜ XU HƯỚNG ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH BÌNH THƯỜNG HÓA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ Ở CÁC NỀN KINH TẾ CHỦ CHÓT (MỸ, ANH, EU...).

Kinh tế Việt Nam trong đà tăng trưởng tích cực, khả năng đạt GDP 6,7% trong khi lạm phát trong tầm kiểm soát dưới 4%. Hoạt động xuất khẩu vẫn khả quan, đà tăng trưởng tiếp tục. Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Chính sách tiền tệ vẫn tiếp tục điều hành linh hoạt; định hướng tiếp tục duy trì khu vực sản xuất hạn chế vào các lĩnh vực tiêu dùng. Tiếp tục thực hiện lộ trình giảm lãi suất, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Ngân hàng đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ tài chính và xu hướng phát triển tài chính hiện đại.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững và quan điểm điều hành Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm, toàn hệ thống Vietcombank nỗ lực đẩy mạnh các mảng hoạt động, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018
1	Tổng tài sản	Tăng ~14%
2	Huy động vốn từ nền kinh tế	Tăng ~15%
3	Tổng tín dụng	Tăng ~15%
4	Tỷ lệ lãi suất	< 1,5%
5	Chi phí hoạt động	Ổn định

**13.000** TỶ ĐỒNG

TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2018



**<1,5%**

TỈ LỆ NỢ XẤU 2018



## NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

**Tập trung triển khai Ba trụ cột trọng tâm trong hoạt động kinh doanh năm 2018: Dịch vụ, Bán lẻ, Kinh doanh vốn và đầu tư**

### Đối với hoạt động dịch vụ

Đẩy mạnh sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng nguồn thu phí, nâng tỷ trọng thu dịch vụ (bao gồm phí và kinh doanh ngoại tệ) trong tổng doanh thu hoạt động.

☐ Khối Bán buôn: (i) Xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới với nhiều tiềm năng như dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ bảo vệ tài sản, dịch vụ bảo vệ sức khỏe; (ii) Xây dựng hệ thống kiểm soát việc thu phí, cơ chế thẩm quyền phê duyệt và cài đặt việc miễn/giảm phí.

☐ Khối Bán lẻ: (i) Đưa ra các sản phẩm trọn gói bán lẻ kèm theo dịch vụ; (ii) Triển khai các giải pháp thu phí tự động, quản lý thu phí, thu phí theo gói dịch vụ.

Mở rộng thị trường dịch vụ ngân hàng điện tử

☐ Phát triển các kênh bán hàng theo hướng chuyển đổi số, từ kênh truyền thống sang kênh điện tử.

☐ Phát triển các dịch vụ mới với đối tác thứ ba; đề xuất mở rộng thị trường tiềm năng.

☐ Mở rộng mạng lưới đối tác chấp nhận thẻ.

☐ Xây dựng và triển khai dự án chuyển đổi ngân hàng số, nghiên cứu ứng dụng công nghệ 4.0 để phát triển dịch vụ.

Cải tiến chất lượng dịch vụ TTQT – TTTM

☐ Hỗ trợ khách hàng theo dõi, hỗ trợ, tạo điều kiện, kịp thời có giải pháp cho các khu vực trọng điểm về TTQT-TTTM; hình thành lực lượng bán hàng sản phẩm TTQT-TTTM (Trade Sales) từ sở chính đến Chi nhánh.

☐ Đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng; đặt trọng tâm vào nhóm khách hàng FDI; sử dụng các gói phí cạnh tranh để tiếp cận khách hàng có hoạt động thanh toán quốc tế từ các đối tác.

khách hàng FDI; sử dụng các gói phí cạnh tranh để tiếp cận khách hàng có hoạt động thanh toán quốc tế từ các đối tác.

☐ Tối ưu hóa quy trình, cải thiện chất lượng dịch vụ; xây dựng cảm nhận bán hàng từ khách hàng, từ bán buôn đến phối kết hợp cho đối tác.

Mở rộng nguồn thu từ hoạt động khác

☐ Cung cấp các sản phẩm chuỗi trọn gói.

☐ Khai thác nguồn thu từ hoạt động ngân quỹ, chuyển tiền và Bancassurance.

### Đối với hoạt động bán lẻ

Mở rộng nguồn thu từ hoạt động bán lẻ (RTOM)

☐ Phân đoạn khách hàng và xây dựng chính sách cho từng phân đoạn khách hàng về sản phẩm, marketing, cách thức bán hàng...

☐ Phát triển các kênh bán mới gồm kênh bán trực tiếp, kênh điện tử, kênh bán hàng qua đối tác thứ ba; nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động marketing.

☐ Cải tiến quy trình tín dụng và tối đa việc số hóa các sản phẩm dịch vụ bán lẻ, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục, giảm chi phí nhân, thẻ.

Chính sách, sản phẩm, chất lượng dịch vụ

☐ Xây dựng các sản phẩm đặc thù cho các vùng/khu vực, các sản phẩm mới.

☐ Nâng cao chất lượng dịch vụ; đào tạo, đo lường và giám sát thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; thí điểm các giải pháp mới.

☐ Trang bị các phương tiện và chương trình hỗ trợ cho cán bộ bán hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nâng cao hiệu quả bán hàng và marketing chuyên nghiệp.



KIỂM SOÁT TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DƯ NỢ TRUNG DÀI HẠN, ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CHỈ VAY TRUNG DÀI HẠN; PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG THEO CHUỖI, TĂNG CƯỜNG BÁN CHÉO; TĂNG CƯỜNG BÁN TÍN DỤNG GẮN VỚI SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI NHÓM KHÁCH HÀNG HIỆU QUẢ.



Đối với hoạt động kinh doanh vốn và đầu tư

□ Nâng cao hiệu quả sinh lời hoạt động đầu tư. Giữ vững và cải thiện thị phần lực giao dịch trái phiếu, kinh doanh ngoại tệ...

□ Gia tăng tỉ trọng hoạt động đầu tư trong tổ

□ Phát triển các sản phẩm kinh doanh ngoại tệ mới, sản phẩm cá , đáp ứng nhu cầu

**Đẩy mạnh tín dụng bán lẻ và huy động vốn giá rẻ; Đa dạng hóa danh mục và rút giảm dư nợ đối với doanh nghiệp hiệu quả thấp; Tăng cường bán tín dụng gắn với sử dụng các dịch vụ ngân hàng**

□ Rà soát các khách hàng mục tiêu, các khách hàng Vietcombank có thị phần thấp để có giải pháp nâng cao thị phần và hiệu quả kinh doanh từ khách hàng.



□ Cơ cấu lại danh mục tín dụng theo hướng: giảm ệp có tình hình tài chính suy giảm, khách hàng có lãi suất thấp và hiệu quả tổng thể không cao, các nhóm khách hàng có tính chất tư nhân, gia đình với ệ tài sản bảo đảm thấp.

□ ốc độ tăng trưởng dư nợ trung dài hạn, đặc biệt đối với khách hàng chỉ vay trung dài hạn; phát triển khách hàng theo chuỗi, tăng cường bán chéo; tăng cường ới sử các dị ối với nhóm khách hàng hiệu quả.

□ Hoàn thiện các dòng sản phẩm tín dụng phục vụ ời sống; phát triển ản phẩm kinh doanh; xây dựng ản phẩm chuỗi ửa Bán buôn – Bán lẻ; triể ọn lọc với các dự án bất động sản, hăng sản xuất kinh doanh chuỗi nhằm đẩy mạnh cho vay bán lẻ.

□ Chú trọng nguồn vốn huy động giá rẻ: Huy động

vốn không kỳ hạn ản lý vố , cung cấp các dị ; hạn chế tối đa huy động vốn doanh nghiệp giá cao. Huy động vốn ngoại tệ thông qua chương trình Đồng hành cùng doanh nghiệp xuất khẩu (các doanh nghiệp có nguồn USD lớn).

Triển khai chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn

□ Tại Trụ sở chính: triển khai mô hình bán và quy trình bán cho từ ; đầu tư hệ thống CRM hỗ sóc khách hàng; đánh giá kết quả triển khai giai đoạ ể hoạ ền đồ ại trong hệ thống; chuyển đổi mô hình CRC để giảm tải cho RM.

□ Tại Chi nhánh: truyền thông chương trình dự án chuyển đổi tới tất cả các bộ ại Chi nhánh; tích cực ứ ết quả dự án để thay đổi về chất hoạt động kinh doanh.







**Quyết liệt triển khai các Đề án phát triển/Chương trình hành động/Tiêu dự án/Dự án chuyển đổi theo tiến độ**

- ☐ Đẩy nhanh tiến độ triển khai các Chương trình/dự án: Basel II, Dự án chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ nhằm đáp ứng các yêu cầu quản trị theo chuẩn mực quốc tế 1 về bán lẻ.
- ☐ Ưu tiên đầu tư và triển khai các dự án thuộc Đề án phát triển CNTT đến năm 2020.
- ☐ ể ến độ các dự án Corebanking, dự án TF, dự án CLOS, dự án ALM/FTP, dự án MPA...
- ☐ Nâng cao chất ản lý dự án, hoàn thiện và ban hành các quy định hướng dẫn quản lý dự án, tăng cường công tác truyền thông và quản lý thay đổ ự án.

**Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR**

- ☐ Tiế ực hiện chuyển đổi hoạt động kiểm tra toán nội bộ theo định hướ Ban Điều ệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu Basel II. Khẩn trương triển khai dự án đầu tư hệ thống phần mềm quản lý hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ.
- ☐ Tăng cường kiểm tra, giám sát các đơn vị và quy trình hoạt độ Vietcombank, đặc biệt là các đơn vị và quy trình có độ có tính hệ thống, để kịp thời cảnh báo, phát hiện và hạn chế rò; tăng cường giám sát, theo dõi từ xa đối với các hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kiến nghị kiểm tra, kiểm toán.
- ☐ Xây dựng phương án xử lý thu hò ối với từng khoản ể trách nhiệm thu hò ối với từng thành viên Ban Giám đốc Chi nhánh, lãnh đạ ộ.

**Các công tác khác**

- ☐ Tiế ờng và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín thương hiệu Vietcombank.
- ☐ ộng xây dựng văn hóa họ , tự đào tạo nâng cao trình độ; sử ết quả đào tạo, khảo thí, thi tay nghề trong công tác nhân sự.
- ☐ Triể mừ ệ nh tích chào .
- ☐ Tích cực triển khai công tác an sinh xã hội, ưu tiên các lĩnh vực , y tế, hồ ảm nhẹ thiên tai...





Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động

Quản trịet phương châm Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững và quan điểm chỉ đạo điều hành Đổi mới - Trách nhiệm ra cho năm 2017, Hội đồng Quản trị đã quyết liệt chỉ đạo ngay từ đầu năm, linh hoạt và kịp thời định hướng hoạt độ Vietcombank trong cả năm.

Với nỗ lực và quyết tâm hệ thống, kể 2017, Vietcombank đã đạt toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ giao, vươn lên mạnh mẽ để dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô, chất lượng.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đề ra như sau:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2017, Vietcombank tiếp tục tăng trưởng đạt những kết quả ấn tượng ở hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động; đạt 100% chỉ tiêu ĐHCĐ giao.

Tổng tài sản đến 31/12/2017 đạt 557.688 tỷ đồng, tăng 31,4% so với cùng kỳ năm trước, tăng 17,2% so với kế hoạch 2% và nằm trong định hướng tăng trưởng 5-7% của NHNN giao. Huy động vốn đạt 726.734 tỷ đồng, tăng 21,0% so với kế hoạch 6%.

Cơ cấu tài sản có sự chuyển biến rõ nét về chất: cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng tín dụng và giảm dần tỷ trọng đầu tư; cơ cấu nguồn vốn huy động dịch chuyển theo sát với định hướng phát triển từ bán buôn sang bán lẻ và định hướng ổn định vốn huy động chi phí thấp hơn mức kế hoạch. Hệ số an toàn vốn (CAR) đáp ứng tỷ lệ quy định.

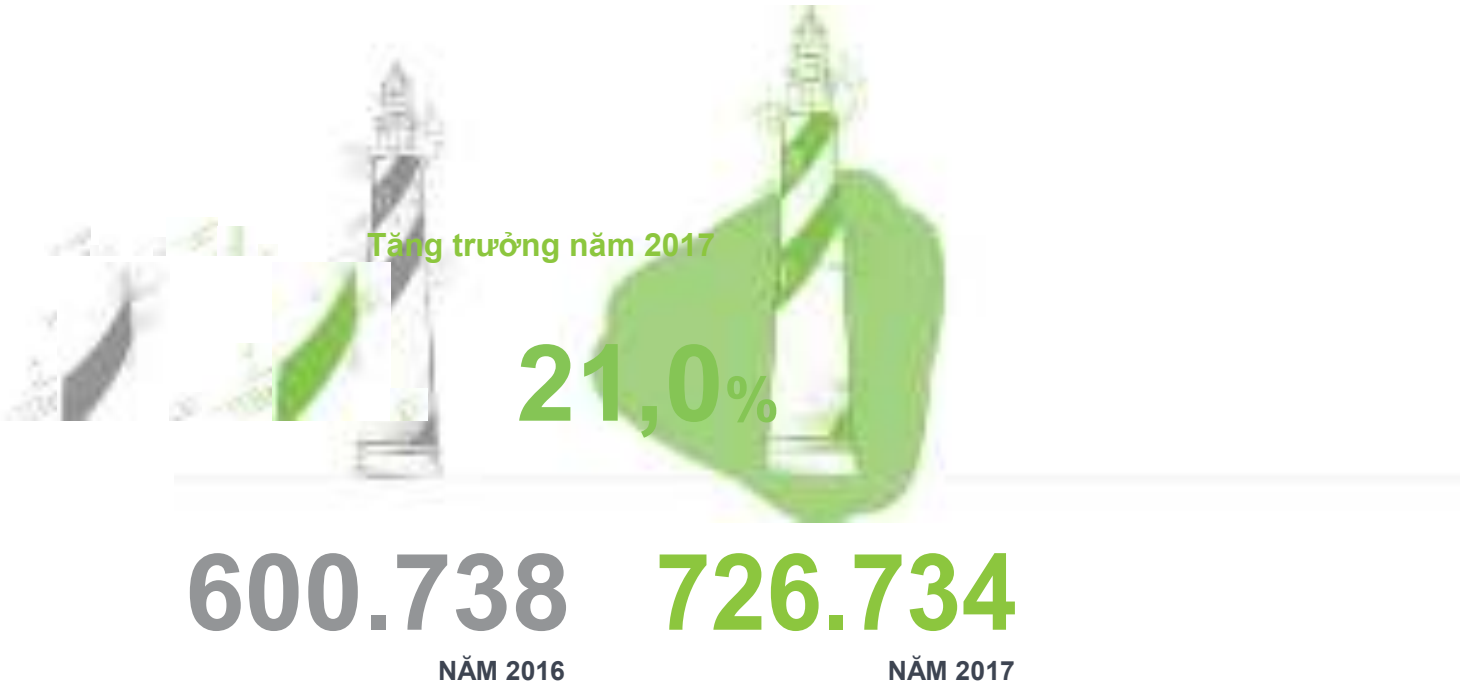
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2017 do ĐHCĐ giao

STT	Chỉ tiêu	TH2016	KH2017	TH2017	TH2017/TH 2016	TH2017/KH2017
1	Tổng tài sản	787.935	874.577	1.035.293	31,4%	118%
2		475.887	547.133	557.688	17,2%	102%
3	Huy động vốn	600.738	684.841	726.734	21,0%	106%
4	Đoạn thuế	8.578	9.200	11.341	32,2%	123%
5	Lao động cuối kỳ (người)	15.615	tăng không quá 5%	16.227	3,9%	Trong kế hoạch
6	Chi phí lương trên LNTT chưa bao gồm lương	37%	37%	37%		Trong kế hoạch
7	Số Chi nhánh tăng thêm	5	5	5		Trong kế hoạch
8	Đoạn lãi	1,48%	<2%	1,11%	Kiểm xấu tốt hơn	Kiểm xấu tốt hơn

DƯ NỢ TÍN DỤNG (TỶ ĐỒNG)



HUY ĐỘNG VỐN (TỶ ĐỒNG)







## CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Công tác quản trị trọng với các hoạt động nổi bật năm 2017, bao gồm:

### Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng; Tích cực thu hồi nợ ngoại bảng

Đẩy mạnh công tác phân tích dự báo rủi ro tín dụng cho công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại Chi nhánh; HĐQT đã giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành, thành viên Ban Điều hành để thực hiện công tác này nhằm tăng cường chất lượng quản lý và thu hồi nợ.

Đẩy mạnh công tác phân tích dự báo rủi ro tín dụng cho công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại Chi nhánh; HĐQT đã giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành, thành viên Ban Điều hành để thực hiện công tác này nhằm tăng cường chất lượng quản lý và thu hồi nợ.

Quản trị rủi ro tín dụng và chất lượng tín dụng.

### Xây dựng và triển khai đồng bộ các Đề án, tiểu đề án, chương trình hành động khối một cách mạnh mẽ nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra tại Đề án phát triển Vietcombank đến năm 2020

Kịp thời quán triệt và triển khai đồng bộ các tiểu Đề án (gồm Đề án CNTT, Dịch vụ khách hàng, Đầu tư, Nguồn nhân lực) và các Chương trình hành động khác (Bán

buôn, Bán lẻ, Vốn và Tài chính) thống nhất với chung tại Phương án cơ cấu lại Vietcombank để thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực hoạt động, năng lực tài chính và năng lực quản trị.

Kể từ năm 2017, các tiểu đề án, chương trình hành động đã được triển khai thực hiện theo tiến độ. Các định hướng lớn, giải pháp trọng tâm và các tiểu đề án, chương trình hành động đã được triển khai và đạt được kết quả quan trọng ban đầu đóng góp vào kết quả kinh doanh năm 2017, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững Vietcombank thời gian tới.

### Cơ cấu lại mô hình tổ chức và nhân sự phù hợp với chiến lược trung và dài hạn

Chuẩn hóa mô hình tổ chức tại các Chi nhánh, Ban có tính chất công việc tương đồng; chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng, ban.

quản trị rủi ro tín dụng và chất lượng tín dụng.

Triển khai hiệu quả các giải pháp và tinh giản lao động; công tác luân chuyển cán bộ; công tác bổ nhiệm và điều động nhân sự để đáp ứng sự thay đổi tổ chức, cải thiện năng suất lao động và chất lượng dịch vụ.

Chỉ đạo hoàn thành công tác mở rộng mạng lưới trong và ngoài nước, bao gồm: mở rộng mạng lưới tại Lào và Campuchia; chuẩn bị điều kiện để mở rộng mạng lưới tại Úc.

### Triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tài chính thông qua kế hoạch bổ sung vốn và thoái vốn tại một số các TCTD

Thực hiện thành công phương án tăng vốn cấp II để đảm bảo an toàn vốn tối thiểu theo quy định NHNN và cải thiện khả năng đáp ứng tiêu chuẩn Basel II.

Quyết liệt triển khai thực hiện phương án tăng vốn cấp I với quy mô tương đương 10% vốn điều lệ của NHNN.

Thoái vốn đạt kết quả khả quan tại CFC, SGB và OCB theo kế hoạch. Tiếp tục thực hiện kế hoạch thoái vốn tại EIB, MBB.

### Tiếp tục kiện toàn quy trình, quy chế nội bộ

Đẩy mạnh công tác kiện toàn quy trình, quy chế quản trị quan trọng như: Quy chế xếp loại lao động, Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền quản lý Trưởng PGD và số lượng PGD.

Ban hành mới nhiều quy trình, quy chế nội bộ; kiện toàn các quy trình, quy chế hiện có như: Quy định cho vay đối với khách hàng; Quy định về thẩm quyền phê duyệt; Chính sách bảo đảm

buôn, khách hàng SME;...

### Quyết liệt triển khai các Dự án chuyển đổi nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành hướng tới chuẩn mực quốc tế

Các dự án nâng cao năng lực quản trị đã được triển khai tích cực, kết quả đạt được một số dự án bước đầu đạt động kinh doanh:

Chương trình Basel II: Triển khai 24/37 sáng kiến với đảm bảo là ngân hàng tiên phong trong việc áp dụng và mốc thời gian theo yêu cầu.

Chương trình CTOM: Triển khai 22/24 sáng kiến, trong đó đang triển khai giai đoạn 1 tại một số Chi nhánh cho 6 sáng kiến cốt lõi (về chuyển đổi mô hình tổ chức, mô hình bán, mô hình phê duyệt).

Dự án ALM/FTP/MPA, Dự án TF: đang triển khai.

## Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành

Định kỳ hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành và Ban điều hành HĐQT. Trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết chỉ đạo hoạt động kinh doanh, giao nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và thực hiện giám sát Ban Điều hành tổ chức thực hiện tại các chi nhánh, phòng ban, đơn vị trực thuộc và thực hiện giám sát Ban Điều hành tổ chức thực hiện tại các chi nhánh, phòng ban, đơn vị trực thuộc và thực hiện giám sát Ban Điều hành tổ chức thực hiện tại các chi nhánh, phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Trong năm 2017, Ban Điều hành đã điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở các định hướng chiến lược, dài hạn và ngắn hạn của Vietcombank, đảm bảo Vietcombank và HĐQT giao.

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành, hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

## Định hướng hoạt động năm 2018

### CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

Việc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Vietcombank được thực hiện trên cơ sở triển khai các giải pháp tại Đề án cơ cấu lại Vietcombank đến năm 2020 với quy mô tổng tài sản đạt 1.000.000 tỷ đồng, quy mô vốn ở hữu khoản 1.000.000 tỷ đồng, ROE khoảng 15-17%, xấu không chế dưới 2%.

Các chỉ báo vĩ mô 2018 và dự kiến mức tăng trưởng: GDP tăng trưởng 7-8%, lạm phát 3-4%, tăng trưởng ở mức 6,7%, chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng trưởng ở mức 17-18%; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước dự kiến tăng trưởng tốt ở mức ~10%.

### ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tiến hành chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững và quan điểm điều hành Đổi mới - Trách nhiệm, toàn hệ thống Vietcombank nỗ lực đẩy mạnh các mảng hoạt động, thực hiện các định hướng.



Định hướng chính trên một số lĩnh vực cụ thể như sau:

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đẩy mạnh tín dụng bán lẻ và huy động vốn giá rẻ; Đa dạng hóa danh mục và rút giảm dư nợ đối với doanh nghiệp hiệu quả thấp; Tăng cường bán tín dụng gắn với sử dụng các dịch vụ ngân hàng

Cơ cấu lại nâng cao hiệu quả thông qua một số giải pháp có tính hình tài chính suy giảm, khách hàng có lãi suất thấp và hiệu quả tổng thể không cao...

Kiểm soát tốc độ tăng trưởng dài hạn; phát triển khách hàng theo chuỗi, tăng cường bán chéo;...

Quản lý nguồn vốn huy động giá rẻ và huy động vốn ngoại tệ.

Tập trung triển khai Ba trọng tâm, trụ cột trong hoạt động kinh doanh năm 2018: Dịch vụ, Bán lẻ, Kinh doanh vốn và đầu tư

Đối với phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng, mở rộng nguồn thu phí, quản lý thu phí (bao gồm phí và kinh doanh ngoại tệ) trong tổ chức hoạt động;

Tích cực triển khai chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ, quản lý xây dựng các sản phẩm đặc thù cho các vùng, nâng cao chất lượng hiệu quả bán sản phẩm, dịch vụ;

Nâng cao hiệu quả sinh lời hoạt động đầu tư trong tổ chức hoạt động; phát triển các sản phẩm kinh doanh ngoại tệ mới, sản phẩm cá nhân, đáp ứng nhu cầu.

Đẩy mạnh hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR

Xây dựng tiến độ thu hồi đến từng khoản án đề và có kế hoạch hành động thể, đồng thời với trách nhiệm quản lý thành viên trong Ban xử lý thời gian thu hồi.

Rà soát từng khoản, đánh giá khó khăn vướng mắc, quản lý tổng hợp

với các đơn vị, cơ quan chính quyền địa phương để đẩy quá trình thu hồi.

Đổi mới mạnh mẽ hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại

Duy trì vị trí Top 1 trên thị trường trái phiếu. Giữ vững vị trí dẫn đầu trên thị trường ngoại hối trong nước và đẩy mạnh tăng trưởng doanh số mua bán ngoại tệ với khách hàng.

Trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng.

Phát triển mở rộng thanh toán bằng đồng bản tệ đối với các nước là đối tác thương mại lớn ở Việt Nam, rà soát cải tiến dịch vụ lý thanh toán cho các ngân hàng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Nỗ lực mở rộng thị phần TTQT-TTTM, hiệu quả các ngành hàng có kim ngạch XNK lớn, các ngành thế mạnh địa phương, các khách hàng FDI và doanh nghiệp.

Tiếp tục củng cố hoạt động của các công ty con, nâng cao hiệu quả đầu tư

Giám sát chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi sự liên kết/phối hợp giữa các Chi nhánh/Khoá kinh doanh với các công ty con nhằm cải thiện hiệu năng hoạt động.

Hoàn thiện các đề án chuyển đổi hình thức sở hữu các công ty con: VCBL, VCBS, tiếp tục thoái vốn tại một số các tổ chức tín dụng.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Quyết liệt triển khai các Dự án chuyển đổi theo tiến độ

Đẩy nhanh tiến độ triển khai các Chương trình/dự án: Basel II, Dự án chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ nhằm đáp ứng các yêu cầu quản trị theo chuẩn mực quốc tế ở 1 về bán lẻ.

Ưu tiên đầu tư và triển khai các dự án thuộc Đề án phát triển CNTT đến năm 2020.

Đẩy mạnh triển khai các dự án Corebanking, dự án TF, dự án CLOS, dự án ALM/FTP, dự án MPA...

Triển khai chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn

Triển khai mô hình bán và quy trình bán cho từ khách hàng; đầu tư hệ thống CRM hỗ trợ khách hàng;

Đánh giá kết quả triển khai giai đoạn kế hoạch, phân bổ nguồn lực, chuyển đổi mô hình CRC để giảm tải cho RM.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ, phân bổ nguồn lực, đáp ứng yêu cầu Basel II.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các đơn vị và quy trình hoạt động, đặc biệt là các đơn vị/quy trình có độ rủi ro cao, thống kê, để hạn chế và kịp thời cảnh báo, phát hiện sai phạm.

hiệu quả; tăng cường giám sát, theo dõi từ xa đối với các hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kiến nghị kiểm tra, kiểm toán.

Các công tác khác

Quản lý xây dựng văn hóa học tập, đào tạo nâng cao trình độ; sử dụng kết quả đào tạo, khảo thí, thi tay nghề trong công tác nhân sự; tăng số lượng, số lượng thí/thi tay nghề bình quân nhà ở chất lượng nhân lực.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng ở Chi nhánh; triển khai thay đổi hệ thống thương hiệu Vietcombank.

Tích cực triển khai công tác an sinh xã hội, ưu tiên các lĩnh vực y tế, hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai...

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2018

Với những thành quả đã đạt được năm vừa qua, Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng nền tảng vững chắc và bứt phá mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

Với nỗ lực quyết tâm, Ban Điều hành cùng hơn 16 ngàn cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống sẽ nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHCĐ giao, đưa Vietcombank phát triển hơn nữa và tiến gần hơn tới mục tiêu trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng hàng đầu khu vực, một trong 30 ngân hàng an toàn nhất thế giới và an trị theo các thông lệ tốt nhất.

Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018 trình ĐHCĐ

TT	CHỈ TIÊU	TH 2017	KH 2018
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.035.293	tăng ~14,0%
2	Tổng vốn (tỷ đồng)	557.688	tăng ~15,0%
3	Huy động vốn (tỷ đồng)	726.734	tăng ~15,0%
4	Thu nhập trước thuế (tỷ đồng)	11.341	~ 13.000
5	Lao động cuối kỳ (người)	16.227	tăng không quá 6%
6	Chi phí lương trên LNTT chưa bao gồm lương	37,00%	37,00%
7	Số chi nhánh tăng thêm	5	6
8	Hiệu suất	1,11%	< 1,5%
9	Chi phí chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	8%	8%





Ngân hàng có quy mô lợi nhuận  
lớn nhất với hiệu suất sinh lời cao



Ngân hàng đứng đầu về mức  
độ hài lòng của khách hàng



Ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất



Ngân hàng vì cộng đồng

**NGÂN HÀNG  
CÓ KHẢ NĂNG  
SINH LỜI  
CAO NHẤT**

**1**  
**CAM KẾT**





## NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lao động đến 31/12/2017 là 16.227 người (số bao gồm cả các công ty thành viên). Với quy mô lao động lớn và không ngừng tăng lên, Ban lãnh đạo ạo việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả :

☐ Nguồn nhân lực ản trị theo thông lệ tốt nhất nhằm xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ thực hiện VCB là Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nhân lực.

☐ ội ạo, sáng tạo, quyết liệt, đổi mới trong công tác tổ chức, nhân sự. Một mặt thực hiện ếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả ới thông lệ quốc tế, mặt khác không ngừng đổi mới các chính sách quản lý cán bộ trong tất cả các khâu từ tuyển ới quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm, luân chuyển, đánh giá, đào tạo cán bộ; đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ.

☐ Chấ ểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển ội ngũ chuyên nghiệp; cán bộ c tuyển ới vị trí công việc.

☐ Công tác quy hoạch cán bộ ực hiện đầ và chuẩn mực, xây dựng ội ngũ lãnh đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.

☐ Công tác đào tạo c đẩy mạnh nhằm nâng cao số ấ ạo cho cán bộ, nhân viên.

☐ Cơ chế ựng mới ể độ đăi ngộ với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, tạo động lực cho cán bộ cống hiến.

Vietcombank đang tích cực triển khai Chiến lược quản trị và phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020, coi đây là tiền đề để thực hiện thành công Đề án cơ cấu lại ngân hàng theo định hướng Ngân hàng Nhà nước.

## THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI

### ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thành phần Ban lãnh đạo có thay đổi như sau:

#### Giảm:

- ☐ Ông Nguyễn Danh Lương - Phó Tổng Giám đốc, nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2017.
- ☐ Bà Lê Thị Hoa - Ủy viên Hội đồng Quản trị, nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/07/2017.
- ☐ Ông Yutaka Abe thôi giữ chức Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 28/04/2017.
- ☐ Bà Phùng Nguyễn Hải Yến thôi giữ chức ể toán trưởng kể từ ngày 15/12/2017.

#### Tăng:

- ☐ Ông Eiji Sasaki - Ủy viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/04/2017, kiêm chức ồng Giám đốc từ ngày 15/12/2017.
- ☐ Ông Nguyễn Mỹ Hào giữ chức Ủy viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/04/2017.
- ☐ Ông Phạm Anh Tuấn giữ chức Ủy viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/04/2017.
- ☐ Bà Phùng Nguyễn Hải Yến giữ chức ồng Giám đốc kể từ ngày 15/12/2017.
- ☐ Ông Lê Quang Vinh giữ chức ồng Giám đốc kể từ ngày 15/12/2017.
- ☐ Ông Lê Hoàng Tùng giữ chức ể toán trưởng kể từ ngày 15/12/2017.
- ☐ Ông Thomas William Tobin giữ chức ốc Khối Bán lẻ từ ngày 16/10/2017.
- ☐ Ông Nguyễn Thanh Tùng giữ chức Giám đốc Khối Bán buôn từ ngày 15/12/2017.

## MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC CỦA VIETCOMBANK

Tính đến 31/12/2017, mạng lưới hoạt động Vietcombank bao gồm:

- ☐ ở chính.
- ☐ 101 Chi nhánh.
- ☐ ịch.
- ☐ 04 Công ty con tại Việt Nam.
- ☐ g đại diện tạ đại diện tại khu vực phía Nam và 02 Công ty con tại nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong và Công ty chuyển tiền Vietcombank).
- ☐ 02 Đơn vị sự nghiệp (Trung tâm đào tạo, Trung tâm xử lý tiền mặt).
- ☐ 04 công ty liên doanh, liên kết khác.

# 16.227

TỔNG NHÂN SỰ - TÍNH ĐẾN 31/12/2017









Ông **NGHIÊM XUÂN THÀNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng

Ông **PHẠM QUANG DŨNG**

Ủy viên Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học Tở  
(Anh Quốc)

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **PHẠM ANH TUẤN**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh -  
Đại học Nam Columbia

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Ông **NGUYỄN MỸ HÀO**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng

Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Cao học Việt Nam - Hà Lan Cử  
nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội



Ông **EIJI SASAKI**

Ủy viên Hội đồng Quản trị  
Kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế - Đại họ (Nhật Bản)



Bà **NGUYỄN THỊ DŨNG**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Tiến sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân Cử nhân

Kinh tế - Đại học tài chính Moscow (Liên Xô)



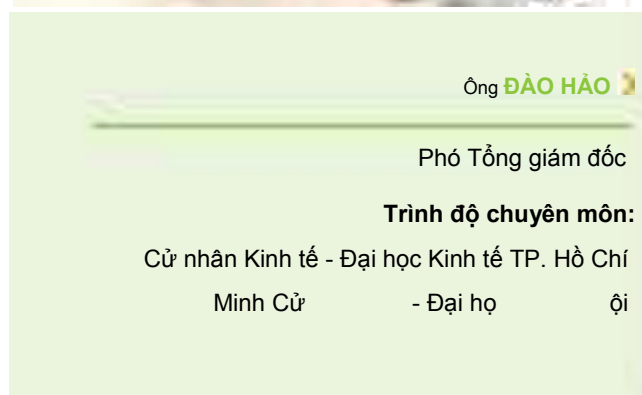


Ông **PHẠM QUANG DŨNG**

Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học Tổ  
Birmingham (Anh Quốc)  
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông **ĐÀO HẢO**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí  
Minh Cử - Đại học ội



Ông **EIJI SASAKI**

Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế - Đại học ản)

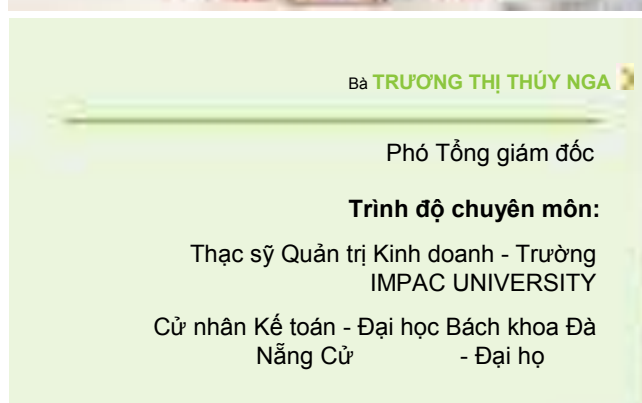


Ông **PHẠM MẠNH THẮNG**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Tiến sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng  
Thạc sỹ Kinh tế - Học viện ngân hàng;  
Cử nhân Kinh tế - Trường Cao cấp Nghiệp  
Ngân hàng.



Bà **TRƯƠNG THỊ THÚY NGÀ**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường  
IMPAC UNIVERSITY  
Cử nhân Kế toán - Đại học Bách khoa Hà  
Nội Cử - Đại học

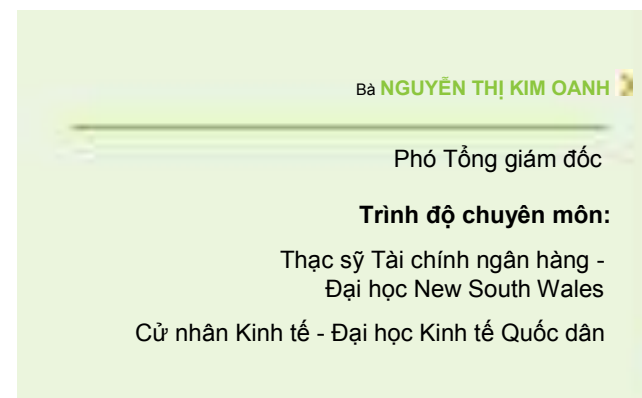


Ông **ĐÀO MINH TUẤN**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng;  
Kỹ sư Toán ử - Đại học Bách khoa Hà Nội;  
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Bà **NGUYỄN THỊ KIM OANH**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng -  
Đại học New South Wales  
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Bà **ĐINH THỊ THÁI**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân;  
Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương.





Ông **LÊ QUANG VINH**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học New South Wales, Australia

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



Bà **PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**

Phó Tổng giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng - CPA Australia

Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Ông **LÊ HOÀNG TÙNG**

Kế toán trưởng

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính

Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính



Ông **THOMAS WILLIAM TOBIN**

Giám đốc Khối Bán lẻ

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học McMaster (Canada);

Cử nhân Kinh tế - Đại học Toronto (Canada).

Ông **NGUYỄN THANH TÙNG**

Giám đốc Khối Bán buôn

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổ

Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương

Bà **TRƯƠNG LỆ HIỀN**

Trưởng Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế phát triển - Cao học Việt Nam - Hà Lan

Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Bà **LA THỊ HỒNG MINH**

Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà

Nội; Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng



Bà **ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngoại thương;

Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương



Bà **VŨ THỊ BÍCH VÂN**

Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà

Nội; Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng





**1**  
**TIẾP CẬN**





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Nghiêm Xuân Thành	ịch HĐQT	39.025	0,00108%	ầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.  ầu giữ chức ịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014.  Thành viên không điều hành
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	3.281	0,00009%	ầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.  bổ nhiệm giữ chức Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	Eiji Sasaki	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,00000%	ầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017.
4	Nguyễn Thị Dũng	Ủy viên HĐQT	3.105	0,00008%	ầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.  Thành viên độ
5	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	0	0,00000%	ầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017.  Thành viên không điều hành
6	Nguyễn Mỹ Hào	Ủy viên HĐQT	7.012	0,00019%	ầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017.  Thành viên không điều hành
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	2.270	0,00006%	ất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014.  Thành viên không điều hành

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) đã tổ chức họp 70 phiên họp (22 phiên toàn thể và 48 phiên theo cơ chế thường trực) để định hướng, chỉ đạo hoạt động ừng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử , cũng như trao đổi về một số chuyên đề ể khác.

ệ tham dự họp 2017 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Nghiêm Xuân Thành	ịch HĐQT	70/70	100%	
2.	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT, TGD	70/70	100%	
3.	Yutaka Abe	TV HĐQT <sub>1</sub> , Phó TGD	6/22	27%	(3)
4.	Eiji Sasaki	TV HĐQT	16/22	73%	(3)
5.	Nguyễn Danh Lương	TV HĐQT <sub>1</sub> , Phó TGD	17/22	77%	(4)
6.	Lê Thị Hoa	TV HĐQT	40/70	57%	(4)
7.	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	70/70	100%	
8.	Nguyễn Mỹ Hào	TV HĐQT	45/70	64%	(3)
9.	Nguyễn Thị Dũng	Thành viên độ HĐQT <sub>2</sub>	22/22	100%	
10.	Phạm Anh Tuấn	TV HĐQT	45/70	64%	(3)

Ghi chú:

- (1)Các ông Nguyễn Danh Lương và Yutaka Abe là các TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ ệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể; Ngoài ra, căn cứ tính chất từ ệ ể, thành viên HĐQT Nguyễn Danh Lương có thể ời tham dự các phiên họp thường trực nhưng không thống kê tại bảng nêu trên;
- (2) Bà Nguyễn Thị Dũng là TV HĐQT độ , chỉ tham gia các phiên họp toàn thể;
- (3) Ông Yutaka Abe miễn nhiệm chứ ừ ngày 28/04/2017 nên chỉ ệ tham gia họp từ T1/2017 đến hết 28/04/2017. Ông Eiji Sasaki, Phạm Anh Tuấn và Nguyễn Mỹ ầu làm TV HĐQT từ ngày 28/04/2017 nên chỉ ệ tham gia từ ngày 28/04/2017 đến ngày 30/12/2017.
- (4) Bà Lê Thị Hoa nghỉ hưu từ ngày 01/07/2017 nên chỉ ệ tham gia họp từ T1/2017 đến hết 30/06/2017. Ông Nguyễn Danh Lương nghỉ hưu từ ngày 01/11/2017 nên chỉ ệ tham gia họp từ T1/2017 đến hết 31/10/2017.



## CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Cơ cấu các Ủy ban

#### Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro có nhiệm vụ phân tích, đánh giá, giám sát và báo cáo về các rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đồng thời đề xuất các biện pháp để giảm thiểu rủi ro. Ủy ban cũng có trách nhiệm phê duyệt các chính sách và định hướng quản lý rủi ro, bao gồm cả việc xác định mức độ chấp nhận rủi ro, giới hạn/hạn chế và mức độ chấp nhận rủi ro.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro gồm có:

- |  |              |
|--|--------------|
| 1. Ông <b>Nguyễn Mạnh Hùng</b> , thành viên HĐQT     | - Trưởng ban |
| 1. Bà <b>Nguyễn Thị Dũng</b> , thành viên HĐQT       | - Thành viên |
| 1. Ông <b>Phạm Anh Tuấn</b> , thành viên HĐQT        | - Thành viên |
| 1. Ông <b>Eiji Sasaki</b> , thành viên HĐQT          | - Thành viên |
| 1. Bà <b>Đinh Thị Thái</b> , Phó Tổng Giám đốc       | - Thành viên |
| 1. Ông <b>Đào Hào</b> , Phó Tổng Giám đốc            | - Thành viên |
| 1. Bà <b>Nguyễn Thị Kim Oanh</b> , Phó Tổng Giám đốc | - Thành viên |

Năm 2017, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ, phổ biến, cập nhật và hoàn thiện các quy chế, tham mưu đề xuất cho HĐQT về các chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp để giảm thiểu rủi ro hoạt động. Ủy ban cũng có trách nhiệm triển khai các sáng kiến nhằm từng bước nâng cao năng lực quản lý rủi ro.

#### Ủy ban nhân sự

Ủy ban nhân sự có nhiệm vụ tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ.

Thành viên Ủy ban Nhân sự gồm có:

- |   |               |
|---|---------------|
| 1. Ông <b>Nghiêm Xuân Thành</b> , Chủ tịch HĐQT             | - Trưởng ban  |
| 1. Ông <b>Phạm Quang Dũng</b> , Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc | - Thành viên  |
| 1. Ông <b>Nguyễn Mỹ Hào</b> , Ủy viên HĐQT                  | - Thành viên  |
| 1. Ông <b>Nguyễn Mạnh Hùng</b> , Ủy viên HĐQT               | - Thành viên  |
| 1. Ông <b>Hồng Quang</b> , Trưởng Ban Tổ chức cán bộ        | - Thành viên. |

Sau khi các văn bản quy chế về quản lý cán bộ, công chức, UBNS đã tích cực tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc tham mưu đánh giá, đề xuất quy hoạch bổ nhiệm quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền. Trong thời gian qua, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức vụ, tạo thuận lợi cho chính và các đơn vị kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng công tác quản lý cán bộ.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỀU ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.**







BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

Tại thời điểm 01/01/2017, Ban Kiểm soát gồm có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm, trong năm 2017 cơ cấu BKS không thay đổi so với thời điểm đầu năm. Dưới đây là các thành viên Ban Kiểm soát và số cổ phần sở hữu Vietcombank tại thời điểm 31/12/2017:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1.	Trương Lệ Hiền	Trưởng BKS	5.051	0,00014%
2.	Vũ Thị Bích Vân	Thành viên BKS	0	0,00000%
3.	La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	3.281	0,00009%
4.	Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	5.304	0,00015%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BDH trong việc thực hiện các định hướng

giám sát việc điều hành Ngân hàng trong năm 2017, HĐQT và BDH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh đạt kết quả tốt so với kế hoạch đề ra. Ngân hàng trong quản trị, điều hành.

Thực hiện theo quy định, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông lớn và người

định kỳ. Trong năm 2017, tại VCB phát sinh 01 giao dịch nội bộ mua cổ phiếu VCB, giao dịch thực hiện bình về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ VCB, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ HĐQT/thường trực HĐQT, các cuộc họp

áp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động

kiểm các khóa học, hội thảo nghiệp nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành ngân hàng.

Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giám thiề, đảm bảo i, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động ốt nhiệ

Hoạt động khác của BKS

Trong năm 2017, BKS đã hoàn thành việc cáo đánh giá hệ thống KSNB năm 2016, thực hiện công tác thẩm định BCTC năm 2016 và 06 tháng đầu năm 2017, tổ chức thực hiện 23 cuộc kiểm toán theo kế hoạch và 02 cuộc kiểm toán đột xuất (các đơn vị kiểm toán bao gồm /ban/trung tâm TSC và 08 chuyên đề với phạm vi toàn hàng), thực hiện giám sát với các mảng hoạt động, theo dõi việc ệ đảm bảo an toàn...

Năm 2017, BKS tiế ầu mỗi triển khai giai đoạn 2 dự án Nâng cao năng lực Kiểm tra/Kiểm toán nội bộ và chuyển đổi chức năng kiểm toán nội bộ (thuộ), hoàn thành dự án kiểm toán công nghệ ầu triển khai Dự án đầu tư phần mềm quản lý hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ VCB; thực hiện đào tạo cán bộ thuộc BKS...

Danh sách và nội dung các phiên họp thường kỳ của Ban Kiểm soát:

Ngày	Số lượng TV BKS dự họp	Nội dung cuộc họp
19/01/2017	4/4	Tổng kết hoạt động năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ
07/04/2017	4/4	Báo cáo kết quả thẩm định Thông qua dự thảo nghị quyết Đại Hội Cổ đông thường niên 2017
21/07/2017	4/4	Sơ kết hoạt động 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2017
13/10/2017	4/4	Việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các khuyến nghị Phương hướng hoạt động 03 tháng cuối năm 2017 và kế hoạch toán nội bộ.

THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Tại Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ mười tám, ngày 28/04/2017, Đại Hội đồng cổ đông đã phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017 bằng 0 đồng.

Trên thực tế, Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát không nhận thù lao theo Quy chế tiền lương và các quy định hiện hành của Công ty Cổ phần Vietcombank. Tổng mức chi cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát bằng 0 đồng.

GAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2017 có phát sinh giao dịch mua cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	29.025	0,00081%	39.025	0,00108%	Mua
2	Đinh Thị Thái	Phó tổng giám đốc	1.798	0,00005%	98	0,0000002%	Bán
3	Lê Đức Thành		5.051	0,00014%	51	0,00000002%	Bán



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2017 tiếp tục được Vietcombank thực hiện mạnh mẽ và có nhiều đổi mới. Một mặt Vietcombank thực hiện công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới cộng đồng các nhà đầu tư. Mặt khác, Vietcombank tiếp tục chú trọng công tác tiếp xúc với cổ đông, nhà đầu tư thông qua các cuộc trao đổi trực tiếp tại các phòng giao dịch, tham dự các hội nghị đầu tư trong và ngoài nước, thông qua các kênh truyền thông và đăng tải rộng rãi tài liệu giới thiệu về Vietcombank và kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý.

Tiếp xúc nhà đầu tư

□ Tổ chức 70 cuộc tiếp xúc tại Vietcombank với hàng trăm nhà đầu tư cá nhân/tổ chức, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong, ngoài nước.

□ Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tìm hiểu về Vietcombank đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó nhiều nhất là các quỹ đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tiếp sau đó là các nhà đầu tư đến từ Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Singapore, Châu Âu...

Qua tiếp xúc, các nhà đầu tư cập nhật về những diễn biến kinh tế vĩ mô và ngành ngân hàng, về tình hình hoạt động cũng như triển vọng phát triển của Vietcombank. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt cùng hiệu quả công tác quan hệ nhà đầu tư tiếp tục nâng cao vị thế cổ phiếu Vietcombank trên thị trường chứng khoán, đặc biệt trong tương quan so sánh với các ngân hàng niêm yết.

Tham dự các Hội nghị đầu tư quốc tế

Là công ty đa quốc gia, có tầm ảnh hưởng, đồng thời với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, hàng năm Vietcombank thường xuyên tham gia nhiều sự kiện đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2017, Vietcombank đã lựa chọn tham gia một số sự kiện tiêu biểu sau:

□ Chuỗi sự kiện đầu tư (Vietcombank Investor Days) tổ chức tại các trung tâm tài chính lớn trên thế giới: New York (05/2017), Singapore (08/2017), Hong Kong (11/2017).

□ Các sự kiện đầu tư do các tổ chức tài chính uy tín khác tổ chức tại nước ngoài: Credit Suisse tổ chức tại London và New York (02/2017), UBS tổ chức tại Bangkok (05/2017), KIS tổ chức tại Seoul (06/2017).

□ Các sự kiện đầu tư trong nước do các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam tổ chức

(10/2017).

Vietcombank luôn mời tham dự tất cả các sự kiện đầu tư quan trọng nhất tổ chức trong nước và một số sự kiện quốc tế. Thông qua các sự kiện này, Vietcombank đã cung cấp thông tin đầy đủ, thường xuyên đến nhà đầu tư, tăng cường kết nối với hàng trăm tổ chức tài chính, quỹ đầu tư uy tín trong và ngoài nước, góp phần tạo điều kiện triển khai các phương án tăng vốn trong thời gian tới.



NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO, VIETCOMBANK ĐÃ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO MỘT CÁCH TOÀN DIỆN, KHOA HỌC VÀ CÓ HỆ THỐNG NHẪM NHẬN DẠNG, KIỂM SOÁT, PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU NHỮNG TỒN THẤT CÓ THỂ PHÁT SINH.



RỦI RO TÍN DỤNG

Việc nghiên cứu các phương pháp quản trị rủi ro tín dụng theo các tiêu chí thông lệ quốc tế tốt nhất để:

Vietscombank, 1 trong 10 ngân hàng được chọn tham gia thực hiện Hiệp ước vốn Basel II tại Việt Nam. Bám sát lộ trình thực hiện, cùng với sự phổ biến, hỗ trợ từ tư vấn quốc tế có uy tín và kinh nghiệm, Vietcombank đã đạt được kết quả căn bản, nền tảng cho việc triển khai thành công Chương trình Basel II như: (i) thiết lập cấu trúc; (ii) rà soát và kiện toàn bộ máy quản trị theo các tiêu chí thông lệ quốc tế; (iii) phân tách rõ chức năng 3 tầng bảo vệ trong quản trị rủi ro; (iv) hình thành cơ cấu tổ chức, khung chính sách về quản trị dữ liệu; (v) xây dựng và/hoặc định kỳ rà soát hệ thống các văn bản, chính sách quản trị, mô hình định giá (như mô hình xác suất vỡ - PD; mô hình tổn thất sau vỡ - LGD,...).



Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm Ngân hàng kịp thời phát hiện rủi ro có thể phát sinh, từ đó có kế hoạch hành động kịp thời trong quản lý khách hàng để hạn chế tổn thất, đồng thời tăng hiệu quả kiểm tra, giám sát.

Để phát huy hiệu quả 3 tầng bảo vệ, Vietcombank đã thực hiện nâng cấp, nâng cao năng lực bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ, hóa chức năng kiểm tra nội bộ tại các chi nhánh, đồng thời triển khai dự án nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng các yêu cầu của chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

RỦI RO THANH KHOẢN

Công tác quản trị thanh khoản được đặt các quy định nhằm đảm bảo khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Vietcombank quản lý sát sao biến động cung cầu vốn hàng ngày, đảm bảo cân đối giữa an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh.

Vietscombank luôn hướng tới đáp ứng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về quản trị thanh khoản, đồng thời hoàn thiện khung quản trị thanh khoản, triển khai và cải tiến quản trị khe hở thanh khoản, duy trì cảnh báo sớm và thử nghiệm căng thẳng thanh khoản theo các kịch bản và xây dựng kế hoạch dự phòng.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đối với công tác quản trị rủi ro thị trường, Vietcombank đã thiết lập trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình nhằm đo lường, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro thị trường. Vietcombank đã tiến hành đo lường, quản lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nhạy cảm lãi suất, độ nhạy cảm lãi suất và độ nhạy giá trị kinh tế ở hữu, sử dụng các công cụ để giảm thiểu tác động tiêu cực đến động lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro giao dịch, Vietcombank thiết lập hệ thống chính sách quản trị trung trạng thái giấy tờ có giá, ngoại tệ, tiền và các biện pháp để hạn chế các tác động của biến động lãi suất.

Năm 2017, Vietcombank tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro theo yêu cầu của Basel II, triển khai và hoàn thiện các mô hình về quản trị rủi ro thị trường, đồng thời nâng mức độ quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Công tác quản trị rủi ro hoạt động được đặt độ ưu tiên cao và tăng cường, hướng đến chuẩn mực quản trị rủi ro hoạt động trên thế giới. Mô hình, cơ cấu tổ chức, và các chính sách, quy trình QLRRHĐ theo tiêu chuẩn ISO 31000 và triển khai. Mọi chính sách, quy định, sản phẩm, và hoạt động mới, bao gồm cả hoạt động thuê ngoài, đều phải được đánh giá để bảo đảm ngăn ngừa, phát hiện và giảm thiểu tác động trước khi ban hành và trong quá trình triển khai. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro hoạt động được thực hiện và giám sát chặt chẽ. Cảnh báo về rủi ro hoạt động tiềm ẩn để biến kịp thời trên toàn hệ thống dựa trên các sự cố rủi ro hoạt động nội bộ và bên ngoài.

Vietscombank tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị rủi ro hoạt động, với việc xây dựng và triển khai khung Quản trị Rủi ro Hoạt động (QLRRGL), ban hành chính sách, quy trình QLRRGL và các quy định liên quan về quản lý nhân sự, tài sản và phát hiện rủi ro. Cơ chế tổ chức và triển khai Vietcombank triển khai.

Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, và giảm thiểu tác động, Vietcombank cũng tiến hành chuyển đổi hoạt động thông qua mua các gói bảo hiểm rủi ro hoạt động đối với tài sản.

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
An Giang	30-32 Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.898999-02963.841075-02963.841816
Ba Đình	521 Kim Mã, phường Ngọ, thành phố Hà Nội	024.37665318
Bắc Bình Dương	Lô D1-4-TT, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0274.3697979
Bắc Giang	Số 278 đườ, phường Dĩnh Kế, thành phố, tỉ	0204.3855.576
Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trà, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.6262555
Bạc Liêu	Số 14-15 lô B đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.	0291.3955055
Bắc Ninh	Ngã 6, phường Đạ, thành phố, tỉ	0222.3811.880
Bắc Sài Gòn	Khu hành chính, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc,phườ Bình Tân, thành phố HCM	028.37654666
Bến Tre	Số 55B3, đại lộ Đồng Khởi, phườ, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	0275.6255888
Biên Hoà	Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp 2, thành phố, tỉnh Đồng Nai	0251.3991944
Bình Định	66C đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3526666- 0256.3526526
Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, phườ, thành phố ầu Một, tỉnh Bình Dương	0274.3831227
Bình Phước	Số 744 đườ ềng Đỏ, phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	0271.3558888
Bình Tây	- , phườ 6, thành phố HCM	028.39600477 - 028.39600478
Bình Thuận	Số 50 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, tỉ	0252.3739064 - 0252.3739065
Cà Mau	Số 07 đường An Dương Vương, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0290.3575857-0290.3835207
Cần Thơ	- - , phườ ều, thành phố Cần Thơ	0292 3820445
Châu Đốc	Số , phườ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0296.3565603 - 0296.3561702
Chương Dương	562 Nguyễn Văn Cừ, phườ, thành phố Hà Nội	024.3652.3333
Đà Nẵng	- , phường Hả ải Châu, thành phố Đà Nẵng	0236.3822110
Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, phườ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉ	02623.818444-0262.2240777-0262.3857899
Đông Anh	Thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	(024).38835999
Đồng Nai	Số 53-55, đường Võ Thị Sáu, phường Quyế, thành phố, tỉnh Đồng Nai	0251.3823666
Đông Sài Gòn	22F-24 Phan Đăng Lưu, Phườ ạnh, Tp. Hồ Chí Minh	028.38407924
Đồng Tháp	Số 66, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0277.3872110 - 0277.3872114
Dung Quất	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, xã, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3632333- 0255.3632212-0255.3632797
Gia Định	Số 423-425 đường Lê Văn Việt, phườ 9, thành phố Hồ Chí Minh	028.37307799
Gia Lai	33 Quang trung, phường Hội Thươngthành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	0269.3875566
Gò Vấp	Số 366A33 đường Phan Văn Trị, phườ ắp, thành phố Hồ Chí Minh	028. 3985 6868
Hạ Long	166 Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203.3811808 - 0203.3811911
Hà Nam	TTTM DV Hải Hà, đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố, tỉnh Hà Nam	0226 361 6666

Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử ồng Đa, thành phố Hà Nội.	024.39746666
Hà Tây	Lô HH-03, Điểm tiể ệp làng nghề Vạ, thành phố Hà Nội	024.33554545
Hà Thành	Số 344 Bà Triệu, phường Lê Đạ, thành phố Hà Nội	024.36503333
Hà Tĩnh	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Trà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.3857003 - 0239.3777886
Hải Dương	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0220.3896545
Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, phường Đầ ền, thành phố Hả	0225.3842658
Hồ Chí Minh	, số 5 công trường Mê Linh, phường Bế 1, thành phố HCM	028.38297245 - 028.39141777
Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, phườ ếm, thành phố Hà Nội	024 39335566
Hoàng Mai	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Trung, thành phố Hà Nội	024.38383383
Huế	78 Hùng Vương, phườ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3811900
Hùng Vương	664 Sư Vạn Hạnh, phườ 10, thành phố HCM	028.38663983 - 028.38663984 028.38624810
Hưng Yên	Thị trấn Bần Yên Nhân,huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	0221.3941886
Khánh Hòa	17 Quang Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉ	0221.3589368
Kiên Giang	Số 89, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	02973862749
Kon Tum	348 Trần Hưng Đạo,thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0260.3703337
Kỳ Đồng	13-13 Bis Kỳ Đồng, phườ 3, thành phố HCM	028.39318968
Lâm Đồng	Số 33 Nguyễn Văn Cừ, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263.3511811
Lạng Sơn	Tầng 1, trung tâm thương mạ ộc, khu dự ộc IV, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	0205.3859859
Lào Cai	Số 79 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	0214.3828396 - 0214.3828265
Long An	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0272.3633683
Long Khánh	Số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	02513.646151
Móng Cái	Số 05, đường Hùng Vương, phường Trà, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	0203.3757575
Nam Bình Dương	Số 121 đường ĐT 743B, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0274.7307777
Nam Đà Nẵng	Số 137 đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ, thành phố Đà Nẵng	0236.3932999
Nam Định	Số 629 Trần Hưng Đạo, phường Lộ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	0228.3558666
Nam Hà Nội	Tà “Nhà ở cao tầng và dị ầu Tiên”, 1277 Giải Phóng, phường Thịnh Liệ, thành phố Hà Nội	024.38699696
Nam Hải Phòng	Số 11 Hoàng Diệu, phườ ồng Bàng, thành phố Hả	0225 3552299- 0225 3841080



Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
Nam Sài Gòn	Tà 6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, phườ 7, thành phố HCM	028.37701634
Nghệ An	Số 21 Đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.3842033 02388685678
Nhà Rông	Nguyễn Lâm Tower, số 133 đường Dương Bá Trạc, Phườ 8, thành phố Hồ Chí Minh	028.38516688
Nha Trang	21 Lê Thành Phương, phường Vạn ỉ, thành phố Nha Trang,	0258.3826279- 0258.829689
Nhơn Trạch	Đường Nguyễn Hữu Cánh, ấp Xóm Hổ ội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0251.3521888-0251.3561628
Ninh Bình	Số 872 Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	0229.3894444
Ninh Thuận	số 47 đường 16/4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉ	0259.3922.755
Phổ Hiến	Số 186 đường Chu Mạnh Trinh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	0221.3596666
Phú Quốc	Số 1A, đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyệ ốc, tỉnh Kiên Giang	0297.3626264
Quy Nhơn	433 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3541377
Phú Thọ	1606A Đại Lộ Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉ ọ	0210.3766666
Phú Yên	Số 192-194-196 Hùng Vương, phường 7, thành phố ỉ, tỉ .	0257.3811709
Quảng Bình	Số 03 Lý Thường Kiệt, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	0232.3840380
Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0235.3813062
Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, phường Trà ỉ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3828578
Quảng Ninh	Đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203.3629215
Quảng Trị	51 TRẦN HƯNG ĐẠO, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	0233.3555727
Sài Gòn	69 Bùi Thị Xuân, phường Phạ 1, thành phố Hồ Chí Minh	028.38359323/ 028.38359262
Sài Thành	2D-2E Lý Thường Kiệ 5, thành phố HCM	028.39573378
Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, phườ ếm, thành phố Hà Nội	024.39368547
Sóc Sơn	Số nhà 51, đường Quốc Lộ 3, tổ 12, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	024.35950000
Sóc Trăng	Số 3 Trần Hưng Đạo, khóm 6, phường 3,thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	02993 883888 - 02993 883889
Sóng Thần	Số 79/8 Khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0274.37241627 -0274.37245248-0274.3792158
Tân Bình	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạ ỉ, thành phố HCM	028.38157777
Tân Định	72 Phạm Ngọc Thạch, phườ 3, thành phố HCM	(028) 38 208 762
Tây Cần Thơ	Lô 30A7A, Khu công nghiệ ỉ, thành phố Cần Thơ	0292.3844 272
Tây Hồ	Số 565 Lạc Long Quân, phườ ồ, thành phố Hà Nội	024.37581111
Tây Ninh	Số 313, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	0276.3818996-0276.3818997
Tây Sài Gòn	Số 321-323-325 đường Phạm Hùng, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	028 3758 9297

Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại/Fax
Thái Bình	- ở 1 Công an tỉnh Thái Bình- đường Lê Quý Đôn, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	02273.839.724
Thái Nguyên	Số 10 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0208.3658200
Thăng Long	ọ, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, ầu Giấy, thành phố Hà Nội	024.3755.7194
Thành Công	Lô 3 Ô 4.1cc Hoàng Đạ ỉ, phường Nh ỉ, thành phố Hà Nội	024.62578686
Thanh Hóa	05 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0237.3728286
Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, phườ ỉ, thành phố Hà Nội	024.35578589
Thủ Đức	Khu chế xuất Linh Trung I, phườ ỉ, thành phố Hồ Chí Minh	028.38966806
Thủ Thiêm	Số 55-56 đường Song Hành, phườ 2, thành phố Hồ Chí Minh	028.73079668
Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	0273.3976999
Trà Vinh	Số 05 Lê Thánh Tôn, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	0294.3868780
Vinh	Số 9, đường Nguyễn Sỹ Sách, phườ ỉ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.8699567
Vĩnh Long	Số 5C, Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	0270.3888288
Vĩnh Phúc	Số 392A, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉ	0211.3720920
Vũng Tàu	Số 27 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3852309-0254.3859874-0254.3859168

VCB LEASING

Tà 25T1 N05, đường Hoàng Đạ ỉ, ầu Giấy, TP. Hà Nội  
[T] : (84.24) 9 289 289  
[F] : (84.24) 39 289 150

VCBS

Tầng 12 - Tầng 17 VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội  
[T] : (84.24) 3936 6990  
[F] : (84.24) 3936 0262

VCB TOWER

1406, Tầng 14, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội  
[T] : (84.24) 3934 0919  
[F] : (84.24) 3934 0920

VINAFICO

Tầng 1 Star, 20 Lockhart Road, Hongkong  
[T] : (852) 2865 3905 7  
[F] : (852) 2865 3908

VCB MONEY

12112 Brookhurst St., Suite 11 Garden Grove, CA 92840, United States  
[T] : 1-714-979-1055  
[F] : 1-714-979-1278

VPĐD TP.HCM

Tà - 5 Công Trường Mê Linh P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM  
[T] : (84.28) 3982 6468  
[F] : (84.28) 3939 3948

VPĐD SINGAPORE

1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore 048616  
[T] : +65 6323 7558  
[F] : +65 6323 7559

VCBF

Tầng 15, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội  
[T] : (84.24) 3936 4540  
[F] : (84.44) 3936 4542

VCB BONDAY

35 Nguyễn Huệ, 1, TP. HCM  
[T] : (84.24) 3936 4540  
[F] : (84.44) 3936 4542

VCB BONDAY BẾN THÀNH

Số 5 Công trường Mê Linh ỉ, P. Bến Nghé, 1, Tp.HCM  
[T] : (84.28) 3915 6789  
[F] : (84.28) 3915 3354

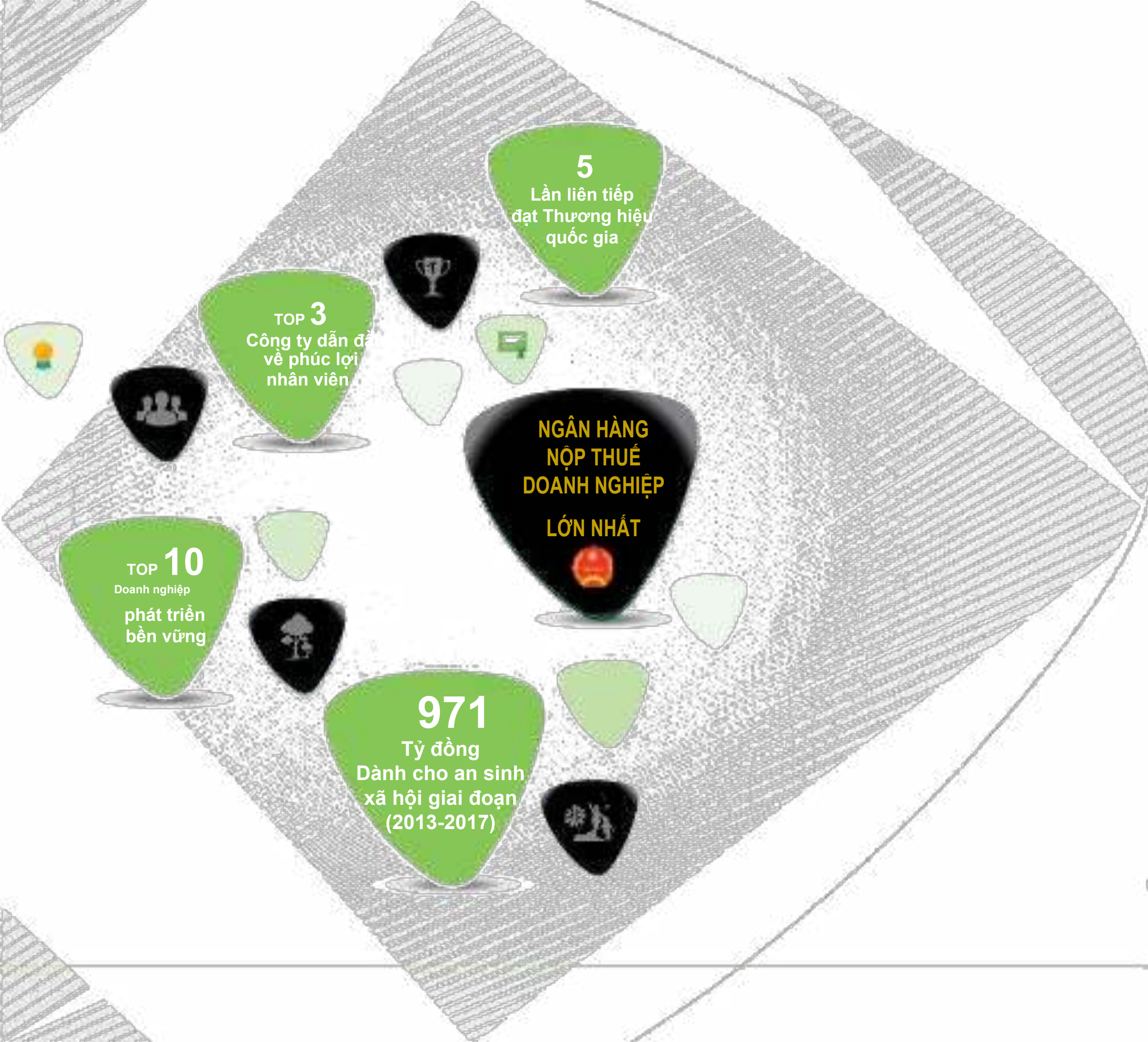
VCLI

Tầng 11 Tháp Capital, 109 Trần Hưng Đạo, TP. Hà Nội  
[T] : (84.24) 3936 8507

CÔNG TY KIỀU HỐI VCB

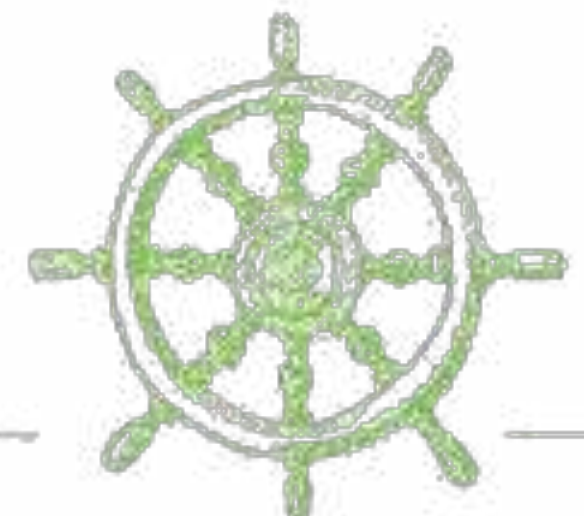
13 - 13 Bis đường Kỳ Đồng, 3, Tp.HCM  
[T] : (84.28) 3526 0888  
[F] : (84.28) 3526 0808





# 1

## TRÁCH NHIỆM







## HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK

Với triết lý là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội từ đây ngày càng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, xã hội.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ các đơn vị, tổ chức và cá nhân, từ chính đến các chi nhánh trên toàn quốc. Các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương có điều kiện khó khăn trên cả nước.

Năm 2017, Vietcombank đã dành ngân sách cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2013-2017, số tiền cho hoạt động an sinh xã hội là 971 tỷ đồng.



# 971

TỶ ĐỒNG

LÀ SỐ TIỀN VIETCOMBANK ĐÃ DÀNH CHO  
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2013-2017



HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



THÔNG điệp XANH TỪ LÒNG ĐẤT

Đây là chương trình hành động quốc gia nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe con người, đảm bảo đời sống xã hội. Vietcombank vinh dự đồng hành cùng chương trình.



ĐỒNG HÀNH CÙNG GIẢI THƯỞNG  
NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT

NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT

Giải thưởng Nhân tài Đất Việt do Hội Khuyến học Việt Nam cùng Báo Dân trí tổ chức thường niên, khởi đầu là khuyến khích và tôn vinh tài năng trong lĩnh vực CNTT - truyền thông. Qua các năm, Giải thưởng Nhân tài Đất Việt không ngừng mở rộng ra các lĩnh vực Khoa học công nghệ, Môi trường và Khuyến tài.

Vietcombank đã đồng hành cùng Giải thưởng Nhân tài Đất Việt trong suốt 5 năm qua (2013-2017) với mong muốn hỗ trợ, khuyến khích và tôn vinh tài năng, đặc biệt là những sáng kiến, nghiên cứu, sáng tạo từ cộng đồng, đặc biệt là những sáng kiến, nghiên cứu để đem lại những giải pháp thiết thực cho cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.



HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



THẮP SÁNG ƯỚC MƠ THIẾU NHI VIỆT NAM

Chương trình “Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam” là hoạt động thường niên (từ năm 2008 do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Hội đồng Đội Trung ương thực hiện, dành cho trẻ em nghèo hiếu học và trẻ em lang thang đường phố, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. Qua 10 năm thực hiện, chương trình đã tổ chức tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng. Chương trình đã nhận được sự ủng hộ và tài trợ từ các doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng, chia sẻ với các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em vươn lên trong cuộc sống. Vietcombank đã đồng hành trong 10 năm qua với vị đồng tổ chức chương trình.

MÀU XANH CHO CUỘC SỐNG

“Green for life - Màu xanh cho cuộc sống” là dự án hướng tới việc nâng cao ý thức cho học sinh tiểu học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống. Dự án đã được khai mạc tại một số trường tiểu học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017. Mong muốn lớn nhất của người làm dự án là phát triển ý thức trách nhiệm cộng đồng cho học sinh thông qua các hoạt động ý nghĩa.

Với nội dung gần gũi, đội ngũ tình nguyện viên chương trình “Green for life” khéo léo truyền cảm hứng bảo vệ môi trường cho các bạn nhỏ Hà Nội thông qua những bài học thực tế. Tham gia vào chương trình, các học sinh tiểu học không chỉ được học tập về kiến thức môi trường mà còn được hướng dẫn cách để phân loại rác thải nào là rác vô cơ và loại rác thải nào là rác hữu cơ.

cơ, bỏ vào các thùng đựng rác xanh nhạt.

Qua từng hoạt động thực tế, các em học sinh đã dần hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc phân loại rác, những loại rác có thể tái chế và những loại rác không thể tái chế. Các em đã được hướng dẫn cách để có thể tái chế trước khi thải ra ngoài môi trường. Đây đều là những kiến thức thực tế rất bổ ích mà các bạn nhỏ cần phải ghi nhớ để áp dụng trong cuộc sống.

quan đến bảo vệ môi trường rất ý nghĩa.

Những trải nghiệm này đã mang đến cho các em học sinh những bài học thực tế và ý nghĩa. Thông qua chương trình, Vietcombank lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp. Đây cũng là nỗ lực của Vietcombank trong việc không ngừng xây dựng hình ảnh một Ngân hàng Xanh phát triển bền vững vì cộng đồng.





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)



TẶNG BÒ GIÚP ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CÁC HUYỆN

GIÁP TÂY NGUYÊN THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG



CON BÒ GIỐNG CHO CÁC HỘ NGHÈO

Năm 2015, 2016 Vietcombank đã triển khai chương trình tặng bò giống cho đồng bào miền núi các huyện giáp Tây Nguyên và các huyện giáp Tây Nguyên. Chương trình này đã được Ban chỉ đạo Tây Nguyên đánh giá rất cao về tính thiết thực, hiệu quả trong việc cải thiện đời sống kinh tế đồng bào miền núi giáp Tây Nguyên, giúp họ phát triển kinh tế và thoát nghèo bền vững.

-05-



TỶ ĐỒNG  
VÌ TRƯỜNG SA THÂN YÊU

HƯỚNG VỀ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

Việt Nam quan trọng chiến lược gìn giữ chủ quyền biển đảo quốc, trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ hành cùng lịch sử đấu tranh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế - xã hội đất nước, với tầm nhìn chiến lược về biển đảo Tổ quốc, Vietcombank đã có nhiều hoạt động thiết thực như: Phát động cuộc vận động “Vì Trường Sa thân yêu” với việc quyên góp từ CBNV số tiền hàng triệu đồng trong tổng số 100 tỷ đồng ngân hàng để góp phần cải thiện đời sống người dân cũng như cán bộ, chiến sỹ đảo Trường Sa, tiếp thêm sức mạnh và ý chí cho quân, dân huyện đảo trong việc quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo quê hương. Một số các chương trình “Tắm lược nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa”; “Góp đá xây Trường Sa” và dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô; Trao tặng xuồng Hải Quân CQ – 01 trị giá hàng tỷ đồng cho các cán bộ chiến sỹ Trường Sa; Tặng hệ thống loa tuyên truyền đặc biệt trị giá hàng triệu đồng cho lực lượng tuần tra, kiểm soát biển Việt Nam...



## HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)

BÊN CẠNH ĐÓ, CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG NHƯ TÂY BẮC, TÂY NGUYÊN, TÂY NAM BỘ, PHÁT TRIỂN VỰC Y TẾ; GIÁO DỤC; HỖ TRỢ ; HỖ TRỢ QUỸ PHÒNG CHỐNG THI TUNG VÀ NHIỄ VỰC KHÁC NHƯ: CHĂM LO CHO CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH; HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO, MẬT, TRẺ EM NGHÈO VÀ NGƯỜI GIÀ CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT LUÔN ĐƯỢC VIETCOMBANK QUAN TÂM TRIỂN KIỆN VỚI NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THIẾT THỰC .

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.



## ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn đầu tư trong việc trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạ tầng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường vùng khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường là một mối quan tâm thông qua việc tặng hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học...

Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc có nỗ lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc... Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn tiếp tục truyền cảm hứng và niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện lựa chọn những đam mê và truyền thống hiếu học để hệ trẻ Việt Nam.





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)

ĐỐI VỚI

ỢC Y TẾ

Không chỉ ựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệ  
luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ ấ , thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Nhữ  
ộ suất ăn cho bệ  
các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phổ ới các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank cũng luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.



VIETCOMBANK

LUÔN QUAN TÂM,

CHIA SẺ KHÓ KHĂN

VỚI CÁC BỆNH NHÂN





HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (TIẾP THEO)

LUÔN XÁC ĐỊNH AN TOÀN, HIỆU QUẢ TRONG KINH DOANH LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU, VIETCOMBANK CŨNG LUÔN ĐỀ CAO TÍNH “NHÂN VĂN” BỜÌ ĐÓ LÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA VĂN HOÁ VIETCOMBANK, QUAN TÂM VÀ DÀNH MỘT NGUỒN LỰC KHÔNG NHỎ CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU QUAN TRỌNG ĐƯỢC VIETCOMBANK ĐỀ RA HÀNG NĂM. BỜÌ VẬY NẾU TRONG KINH DOANH, VIETCOMBANK LUÔN COI CHỮ “TÍN” LÀ KIM CHỈ NAM THÌ VỚI HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, VIETCOMBANK LUÔN LẤY CHỮ “TÂM” LÀM GÓC, LUÔN NỖ LỰC ĐỂ ĐEM LẠI NHỮNG GIÁ TRỊ THIẾT THỰ’ LỢI ÍCH PHÁT TRIỂN, CHĂM SÓC CỘNG ĐỒNG NHẦM GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜÌ SỐNG DÂN NGHÈO. ĐÓ CHÍNH LÀ THÔNG ĐIỆP VÀ CŨNG LÀ CAM KẾT “CHUNG NIỀM TIN VỮNG TƯƠNG LAI” MÀ VIETCOMBANK MUỐN GỬI GẮM TỚI TẤT CẢ KHÁCH HÀNG CÙNG MỌI NGƯỜI DÂN VIỆT.



BẢNG SỐ LIỆU AN SINH XÃ HỘI

Tổng số liệu ASXH

STT	NỘI DUNG	NĂM (ĐVT: triệu đồng)	
		2017	2013 – 2017
1	Tổng số tiề Việtcombank	132.499	971.567

Khu vực

STT	KHU VỰC	NĂM 2017 (ĐVT: triệu đồng)
1	Khu vự	31.805
2	Khu vực Tây Nguyên	3.541
3	Khu vực Tây Nam Bộ	23.227
4	Các tỉnh/thành phố khác	73.926

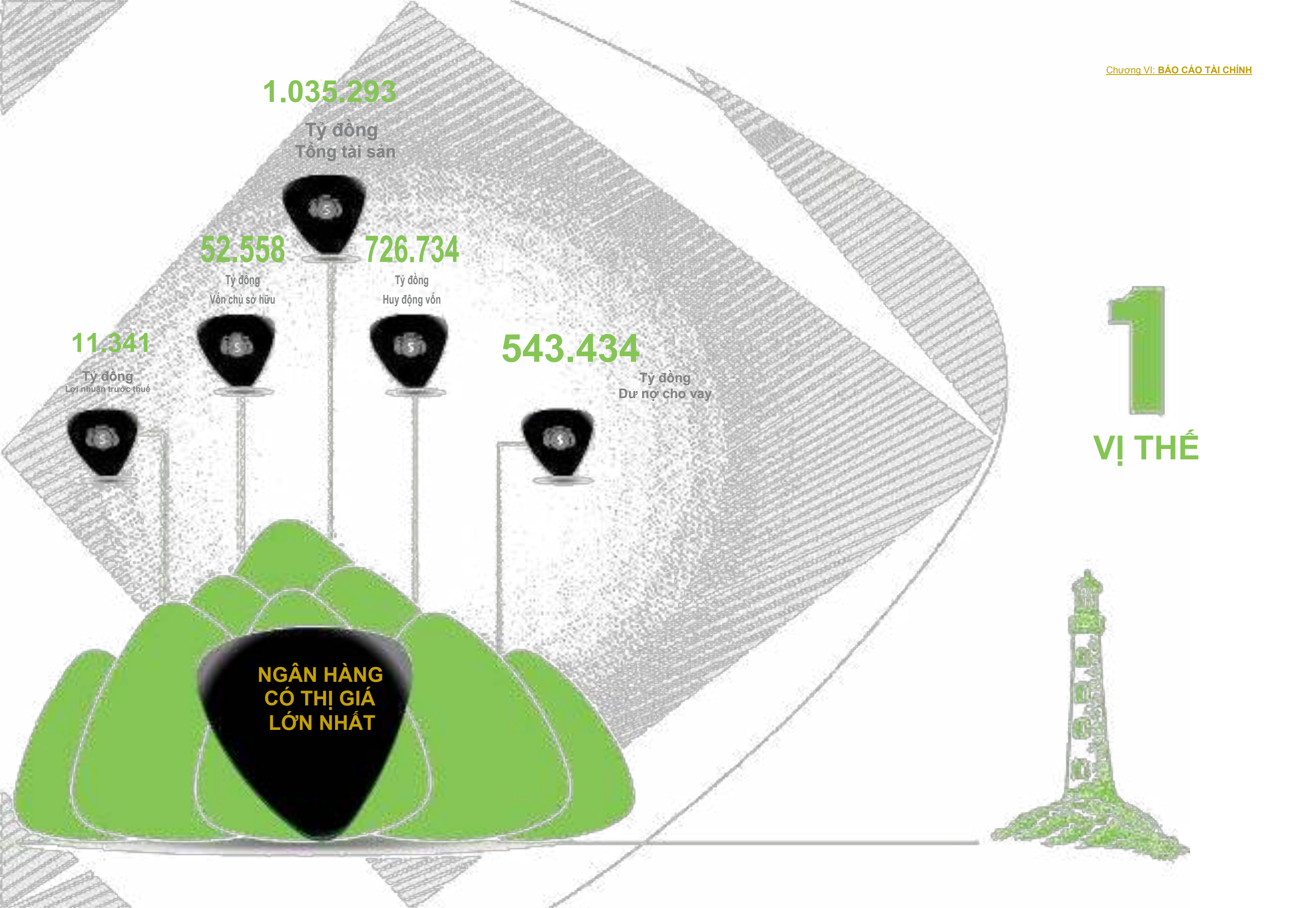
Các lĩnh vực

STT	MỤC ĐÍCH TÀI TRỢ	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN NĂM 2017 (ĐVT: triệu đồng)
1		53.436
2	Y tế	8.971
3	Xây dựng nhà cho người nghèo/nhà đại đoàn kết	33.351
4	ả thiên tai	9.021
5	Lĩnh vực khác	27.720

Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2017

1	ờng Mầm non Lạng Khê, Con Cuông, tỉnh Nghệ An	ồng
2	Xây dựng nhà cho người có công tại tỉnh Thái Bình	ồng
3	Xây dựng Trường Mả, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	ồng
4	Xây dựng Trường Tiểu học Xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	ồng
5	Xây nhà cho người nghèo tại tỉnh Trà Vinh	ồng





**1**  
**VỊ THẾ**

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### MỤC LỤC

	Trang
Thông tin về Ngân hàng	1 – 2
Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độ	4 – 5
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt độ tài	9 – 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tài	11 – 12
Thuyết minh tài	13 – 80

## THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

### GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2011, do Tổng cục Quản lý thị trường Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017 và Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**GIẤY CHỨNG NHẬN KÝ KINH DOANH** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0103024468, cấp đổi lần thứ 12 vào ngày 16 tháng 12 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Eiji Sasaki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 11 năm 2017
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 7 năm 2017
Ông Yutaka Abe	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

### BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Đào Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 8 năm 2015
Bà Trương Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Kéo dài thời gian giữ chức từ ngày 1 tháng 12 năm 2017
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Eiji Sasaki	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Danh Lương	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 11 năm 2017
Ông Phạm Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Thôi giữ chức từ ngày 21 tháng 8 năm 2017
Ông Yutaka Abe	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bà Trương Lệ	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013

<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>	Ông Lê Hoàng Tùng
	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2017
	Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
	Thời giữ chức từ ngày 15 tháng 12 năm 2017

<b>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</b>	Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014
	Ông Nghiêm Xuân Thành
	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

<b>NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ</b>	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2018
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
(theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ-VCB	Chức danh: Phó Tổng Giám đốc
-CSTCKT ngày 8 tháng 1 năm 2018)	

<b>TRỤ SỞ CHÍNH</b>	198 Trần Quang Khải
	Hà Nội, Việt Nam

<b>ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	----------------------------

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng  
á  
ế  
31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo  
ất, kết quả hoạt độ  
ất này phản ánh trung thự  
ất và tình hình lưu chuyển tiền tệ  
ất này, Ban

- Điều hành Ngân hàng cần phải:
- » Lựa chọn các chính sách kế  
ột cách nhất quán;
  - » Thực hiện các đánh giá và ước tính một cá  
ong;
  - » Nêu rõ các chuẩn mực kế  
tất cả những sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mự  
ất; và
  - » ất trên cơ sở  
ràng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiế  
ạt độ  
ừ trườ  
ể cho

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế  
ữ để phản  
, với mức độ  
, tại bất kỳ thời điểm nào và  
. Ban Điều hành Ngân hàng  
ải thực hiện  
ững vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kế  
nhất kèm theo. ững yêu cầu nêu trên trong việ

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Theo ý kiế  
ề  
ất kèm theo đã phản ánh trung thự  
ại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt  
độ  
ất và tình hình lưu chuyển tiền tệ  
ất cho năm kế  
ới các  
Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việ  
ổ chứ  
nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việ

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:



Bà Phùng Nguyễn Hải Yến  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi, Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại  
thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế  
thống tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động tài chính và báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
liên quan cho năm kế hoạch 2018, được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt  
phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 80.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính này  
theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc  
hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc  
chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc  
lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là kiểm tra báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm  
tra hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn  
mực này yêu cầu Kiểm toán viên phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, kế hoạch và  
thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được mức độ tin cậy về việc liệu báo cáo tài chính có  
trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán về các số  
liệu và các thuyết minh tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính, bao gồm  
báo cáo tài chính trung gian, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng  
bày báo cáo tài chính trung gian, kiểm toán viên xem xét hiệu quả của việc kiểm soát nội bộ.  
Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán  
trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi, Ban Điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính này  
cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của Kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, trên các khía cạnh trọng  
yếu, tình hình tài chính, kết quả hoạt động tài chính và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng  
cho năm kế hoạch 2018, tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc  
nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc.

VẤN ĐỀ KHÁC

Chúng tôi, Ban Điều hành Ngân hàng, đã trình bày báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm  
tra hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn  
mực này yêu cầu Kiểm toán viên phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, kế hoạch và  
thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được mức độ tin cậy về việc liệu báo cáo tài chính có  
trọng yếu hay không.

CÔNG TY TNHH KPMG

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 16-02-571/4



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chữ  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Giấy Chữ  
Kiểm toán số 0339-2018-007-1



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
A	TÀI SẢN			
I	Hiện vật, vàng bạc, đá quý	4	10.102.861	9.692.053
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	93.615.618	17.382.418
III	Tiền gửi ở các tổ chức tín dụng khác	6	232.973.403	151.845.570
1	Tiền gửi tại các tổ chức		159.043.345	103.236.053
2	Cho vay các tổ chức		73.930.058	48.609.517
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	9.669.033	4.233.529
1	Chứng khoán kinh doanh		9.750.244	4.271.362
2	Dự phòng chứng khoán kinh doanh		(81.211)	(37.833)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	832.354	230.658
VI	Cho vay khách hàng		535.321.404	452.721.687
1	Cho vay khách hàng	9	543.434.460	460.808.440
2	Dự phòng cho vay khách hàng	10	(8.113.056)	(8.086.753)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	129.952.272	131.771.107
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		34.688.298	51.931.950
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		95.404.021	80.019.284
3	Dự phòng chứng khoán đầu tư		(140.047)	(180.127)
IX	Góp vốn liên doanh		3.552.828	3.627.814
2	Vốn góp liên doanh	12(a)	861.567	803.098
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12(b)	10.434	9.645
4	Đầu tư dài hạn khác	12(c)	2.705.966	2.829.418
5	Dự phòng đầu tư dài hạn		(25.139)	(14.347)
X	Tài sản cố định		6.162.361	5.729.637
1	Tài sản cố định hữu hình	13	4.198.053	3.726.000
a	Nguyên giá tài sản cố định		9.701.927	8.632.207
b	Giá trị còn lại của tài sản cố định		(5.503.874)	(4.906.207)
3	Tài sản cố định vô hình	14	1.964.308	2.003.637
a	Nguyên giá tài sản cố định		2.606.775	2.603.156
b	Giá trị còn lại của tài sản cố định		(642.467)	(599.519)
XII	Tài sản Có khác		13.111.149	10.700.615
1	Các khoản phải thu	15(a)	4.505.735	2.958.093
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15(b)	6.025.653	5.791.137
3	Tài sản thuế hoãn lại		5.548	1.943
4	Tài sản Có khác	15(c)	2.576.228	1.950.379
5	Các khoản dự phòng tài sản có nội bảng khác		(2.015)	(937)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		1.035.293.283	787.935.088

át này

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	16	171.385.068	54.151.413
II	Nợ ở các tổ chức tín dụng khác	17	66.942.203	72.238.405
1	Tiền gửi ở các tổ chức		55.803.878	53.282.230
2	Vay các tổ chức		11.138.325	18.956.175
III	Nợ của khách hàng	18	708.519.717	590.451.344
V	Vốn tài trợ, vốn nhận từ các tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	23.153	-
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	18.214.504	10.286.376
VII	Các khoản nợ khác		17.650.679	12.661.994
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	8.467.337	6.454.174
2	Thuế hoãn lại phải trả		20.052	18.461
3	Các khoản phải trả khác	21(b)	9.163.290	6.189.359
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		982.735.324	739.789.532
VIII	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn điều lệ		36.321.931	36.022.846
a	Vốn điều lệ		35.977.686	35.977.686
g	Vốn khác		344.245	45.160
2	Quỹ		7.253.682	5.936.667
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		94.485	84.245
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		83.285	83.285
5	Chênh lệch phân phối lợi nhuận		8.715.252	5.874.992
a	Chênh lệch phân phối lợi nhuận năm trước		2.476.000	1.204.902
b	Chênh lệch phân phối lợi nhuận năm nay		6.239.252	4.670.090
6	Chênh lệch không kiểm soát		89.324	143.521
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22(a)	52.557.959	48.145.556
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.035.293.283	787.935.088

Các thuyết minh đính kèm là bộ

át này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn		265.179	222.549
2	Cam kết giao dịch hối đoái		74.729.089	24.605.699
	Cam kết mua ngoại tệ		8.223.247	9.019.812
	Cam kết bán ngoại tệ		66.505.842	15.585.887
4	Cam kết trong nghiệp		45.239.213	43.914.997
5	Bảo lãnh khác		51.953.402	36.670.024
6	Các cam kết khác		284.135	63.624

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người : Bà Nguyễn Thị Thu Hương  
Ông Lê Hoàng Tùng  
Người duyệt: Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Tổ Kế toán Kế toán Trưởng Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm kể 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B03/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
1	à ự	24	46.158.768	37.718.211
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(24.221.222)	(19.185.461)
I	Thu nhậ		21.937.546	18.532.750
3	ừ hoạt động dị		5.378.176	4.326.483
4	Chi phí hoạt động dị		(2.839.967)	(2.219.778)
II	ừ hoạt động dịch vụ	26	2.538.209	2.106.705
III	ừ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	2.042.417	1.850.118
IV	ừ	28	476.400	495.768
V	Lỗ ừ	29	(19.742)	(89.416)
5	ừ hoạt động khác		2.355.831	2.294.727
6	Chi phí hoạt động khác		(256.301)	(376.349)
VI	ừ hoạt động khác	30	2.099.530	1.918.378
VII	Thu nhập từ góp vố n	31	331.761	71.556
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		29.406.121	24.885.859
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(11.866.345)	(9.939.012)
IX	Lợi nhuậ ừ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		17.539.776	14.946.847
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(6.198.415)	(6.368.707)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TRANG SAU)		11.341.361	8.578.140
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (MANG SANG TỪ TRANG TRƯỚC)		11.341.361	8.578.140



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm kế 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
7	Chi phí thuế ếp hiện hành	34	(2.234.378)	(1.683.093)
8	ế ếp hoãn lại		3.605	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.230.773)	(1.683.093)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		9.110.588	6.895.047
XIV	Lợi ích củ		(19.518)	(19.276)
XVI	Lợi nhuậ ủ		9.091.070	6.875.771
XV	Lãi cơ bả ế ếu)	35	2.103	1.517

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người :

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Tổ ế độ Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm kế 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	ả ự		45.928.055	36.779.872
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(22.219.679)	(17.717.796)
03	ần từ hoạt động dị		2.538.209	2.106.705
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		2.502.513	2.488.711
05	Chi phí khác đã trả		(90.716)	(209.799)
06	Tiền thu từ các khoả ử ăng nguồ		2.185.100	2.121.544
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quả		(10.478.516)	(9.305.422)
08	Tiền thuế ực nộp trong năm		(2.082.461)	(1.739.934)
	ừ hoạt động kinh doanh trước nhữ ần và nợ hoạt động (Tăng)/giả ần hoạt động		18.282.505	14.523.881
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chứ		(11.802.549)	(12.195.279)
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.619.967)	(31.805.807)
11	ần tài chính khác		(601.696)	(230.030)
12	Các khoản cho vay khách hàng		(82.626.020)	(73.085.531)
13	Giảm nguồn dự ể ổn thất các khoản		(6.212.835)	(7.403.039)
14	Tài sản hoạt động khác		(2.109.501)	(203.801)
	Tăng/(giả ợ hoạt động			
15	Các khoả		117.233.655	12.671.860
16	Tiền gửi và vay các tổ chứ		(5.296.202)	103.024
17	Tiền gửi		118.068.373	89.288.794
18	Phát hành giấy tờ có giá		7.928.128	7.807.306
19	Các khoản vố y thác đầu tư, cho vay tổ chức tín ị		23.153	-
21	ạt động khác		1.480.116	(1.231.890)
22	Chi từ các quỹ ổ chứ		(1.141.469)	(1.199.774)
I	ừ hoạt động kinh doanh		151.605.691	(2.960.286)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kể 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	ản cố định		(1.139.976)	(1.272.248)
02	Tiền thu từ ản cố định		7.542	7.206
03	Tiề ản cố định		(2.396)	(1.762)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		265.688	12.540
09	Tiền thu cổ tứ ừ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		129.685	24.549
10	Tiền thu từ cổ tức đã có quyết định trả cổ tức năm trước		-	7.123
II	ừ hoạt độ		(739.457)	(1.222.592)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG tài chính				
04	Cổ tức đã trả cho cổ		(2.896.942)	(2.665.020)
III	ừ hoạt động tài chính		(2.896.942)	(2.665.020)
IV			147.969.292	(6.847.898)
V	à tại thờ	36	157.564.955	164.412.853
VII	à tại thờ ổi năm	36	305.534.247	157.564.955

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người : Bà Nguyễn Thị Thu Hương Ông Lê Hoàng Tùng Người duyệt: Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Tổ ế độ Kế toán Kế toán Trưởng Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kể 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ à ọc kèm vớ ất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng ền đổi từ một ngân hàng thương mại nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việ ở ệt, và các quy định có liên quan k Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp Giá ạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy chứ kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệ ập đổi lần thứ 12 vào ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Các hoạt độ ết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017 và Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 sửa đổi, bổ sung Giá ạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt độ ồm huy động và n tiền gửi , trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cá ỏ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vố ; thực hiện các nghiệ ỹ và các dị ép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy đị ; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy đị ; hoạt độ ; kinh doanh, cung ứng dị ại hồi trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

(b) Vố ệ

Theo Giá ạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứ ỏ 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy chứ ới mã số doanh nghiệ ập đổi lần thứ 12 vào ngày 16 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ 35.977.685.750.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

		31/12/2017		31/12/2016	
		Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phà	Nhà nước	2.774.353.387	77,10%	2.774.353.387	77,10%
Số cổ phà	ổ đông chiế ớc ản)	539.668.502	15,00%	539.668.502	15,00%
Số cổ phà	ở hữu khác	283.746.686	7,90%	283.746.686	7,90%
		3.597.768.575	100%	3.597.768.575	100%



## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (c) Hệ thống chi nhánh

ở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Trung tâm Đào tạo, một (1) Trung tâm xử lý tiền mặt và một trăm linh một (101) chi nhánh trên toàn quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) đại diện đặt tại Singapore và một (1) đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Trung tâm Đào tạo, và một trăm linh một (101) chi nhánh trên toàn quốc, ba (3) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) đại diện đặt tại Singapore và một (1) đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh).

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “Vietcombank”.

### (d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

#### Công ty con

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPĐKD ngày 24 tháng 12 năm 2005; sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 12 năm 2005; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”)	Chứng khoán	100%
Công ty TNHH Tài chính Việt Nam	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 7 tháng 3 năm 1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 3 tháng 11 năm 1992 và bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19 tháng 9 năm 1995	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiều hối	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và số 1578/GPĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 4 năm 2006	Cho thuê	70%
Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314633162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 09 năm 2017	Chuyển tiền kiều hối	100%

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và hai Giấy phép điều chỉnh số 2458/GCNĐC1/41/1 ngày 26 tháng 10 năm 2011 và số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005; sửa đổi lần gần đây nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2015	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif	Giấy phép đầu tư số 55/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008	Bảo hiểm nhân thọ	45%

### Công ty liên kết

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991; sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 2 tháng 10 năm 2000	Cho thuê	16%

### (e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Vietcombank có 16.227 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 15.615 nhân viên).





**2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu.

**(a) Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (“Báo cáo tài chính riêng”) phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2018.

**(b) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) đơn vị tính là hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các quy định pháp luật về kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập theo cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo cơ sở dồn tích.

**(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Các giao dịch ngoại tệ**

Theo hệ thống kế toán, tất cả các nghiệp vụ tài chính được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản vay bằng ngoại tệ có gốc tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ được ghi nhận vào chi phí hoặc lợi nhuận tài chính ngay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để đảm bảo tính nhất quán, báo cáo tài chính cho các công ty con và theo phương pháp vốn hóa được lập cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc chuyển đổi được ghi nhận vào chi phí hoặc lợi nhuận tài chính ngay tại ngày lập báo cáo tài chính.

**(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính****(i) Công ty con**

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch nội bộ giữa các công ty con và các chính sách kế toán được loại bỏ khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán.

Đầu tư không kiểm soát là một phần của tài sản thuần. Đầu tư này được ghi nhận tại tài sản thuần do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

**(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh**

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động kinh doanh.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát và ảnh hưởng đáng kể đến sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh. Ngân hàng hưởng lợi từ các công ty liên kết và liên doanh từ ngày đầu tư cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng giảm xuống dưới 50% và không phải là đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán được áp dụng để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh.

**(f) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một khoản tiền nhất định, không có nghĩa vụ thay đổi giá trị và không có cam kết hạn hơn là để đầu tư.

## (g) Tiền gửi và các khoản vay khác

Tiền gửi tại các tổ chức, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức ngân và chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa ba tháng.

Cho vay các tổ chức là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai

tháng. Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức ở nước ngoài.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức ở nước ngoài trừ dự phòng.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức độ rủi ro và phân loại các khoản cho vay có kỳ hạn và cho vay các tổ chức ở nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”) để cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức ở nước ngoài tại Thuyết minh 2(h).

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải dự phòng cho vay các tổ chức ở nước ngoài đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức ở nước ngoài.

## (h) Cho vay khách hàng

## (i) Dự nợ cho vay khách hàng

Đánh giá cân đối kế toán và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo.

## (ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo.

Kể từ ngày 01/01/2017, Ngân hàng thực hiện phân loại tài sản có dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Ngân hàng phải thực hiện phân loại tài sản có theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 02. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản tài sản có theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 02 khác nhau thì khoản tài sản có sẽ được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Đầu tiên từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Ngân hàng phải sử dụng kết quả phân loại tài sản có để điều chỉnh kết quả tự phân loại, cam kết ngoại bảng. Trường hợp kết quả phân loại tài sản có thay đổi, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại, cam kết ngoại bảng.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo.

	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 – Tài sản có an toàn	0%
Nhóm 2 – Tài sản có an toàn	5%
Nhóm 3 – Tài sản có an toàn	20%
Nhóm 4 – Tài sản có an toàn	50%
Nhóm 5 – Tài sản có an toàn	100%

Đầu tiên từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Ngân hàng phải sử dụng kết quả phân loại tài sản có để điều chỉnh kết quả tự phân loại, cam kết ngoại bảng. Trường hợp kết quả phân loại tài sản có thay đổi, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại, cam kết ngoại bảng.

## (iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo. Riêng đối với quý cuối cùng, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo.

## (iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng phương pháp định tính để xử lý nợ xấu:

- » Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- » Các khoản nợ vào Nhóm 5.

## (i) Các khoản

## (i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán được mua và bán trong thời hạn ngắn, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác.

Chứng khoán kinh doanh được mua và bán theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được mua và bán theo giá thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được trình bày và trình bày một số khoản nợ theo số dư tại ngày báo cáo.

## (ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được mua và bán theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/ NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với chứng khoán đầu tư, Vietcombank phải phân loại chứng khoán đầu tư lại tối đa một lần sau khi mua.



Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chủ , chứng khoán vốn hoặc chủ  
 ữ trong thời gian không ấn định trước và có thể . Đối với các chứng khoán  
 vốn, đơn vị đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kế  
 Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ ặc là đối tác chiế , hoặc có khả  
 năng chi phối nhất đị , quyết định các chính sách tài chính và hoạt độ  
 đầu tư thông qua văn bản thảo ữ nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ban điều hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chủ yếu ý hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định. Vietcombank có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu áp hơn giữa giá gốc trên sổ sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị lợi và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu vào báo cáo kết quả hoạt động tài chính theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết

(iii) *Góp vốn, đầu tư dài hạn khác*

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình quản lý, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động nghiệp vụ đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận; hoặc sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn ≤ 1 năm, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn      ớc trừ đi dự      ảm giá các khoản đầu tư.

Dự ảm giá các khoản đầu tư bị lỗ (trừ trừ) theo kế hoạch kinh doanh trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức chênh lệch giữa vốn góp thực tế tại TCKT và vốn ở hữu thực có nhân (x) với vốn đầu tư tổng vốn góp thực tế bên tại TCKT. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị ảm đầu định mô, việc thực hiện dựa trên giá thị trường cổ phiếu.

(j) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chú ồng thờ ết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫ ất. Khoản tiề ở ột khoản đi vay trên bảng cân đối kế ất và phần chênh lệch giữ ở theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất ồng vào báo cáo kết quả hoạt độ ất trong suốt thời gian hiệu lự ồng.

Những chú c mua đồng thờ ết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất đị  
 ất. Khoản tiền thanh toán theo thỏ  
 ột khoản cho vay trên bảng cân đối kế ất và phần chênh lệch giữ  
 ỏ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất ồng vào báo  
 cáo kết quả hoạt độ ất trong suốt thời gian hiệu lự ồng.

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi các khoản giảm giá tài sản cố định hữu hình, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng để vận hành tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy đị ố 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

» ể trong tương lai từ việc sử ản đó;

» Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;

» Nguyên giá tài sản phải tính thuế và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tài chính. Trường hợp chứng minh một tài sản cố định hữu hình không còn phù hợp với định nghĩa tài sản cố định hữu hình trong tương lai dự kiến thì việc sử dụng tài sản cố định hữu hình chuyển sang dự kiến hoạt động tiêu chuẩn kế toán được coi là một khoản giảm giá trị tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khả                                      ờng thẳng dựa trên thời gian hữ                                      ở                                      ản  
cố định hữu hình. Thời gian hữ                                      ớc tính như sau:

» Nhà củ ế 25 năm

» Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
---------------------	-----------

» Phương tiện tải, truyền dẫn	6 năm
-------------------------------	-------

» Tài sản cố định hữu hình khác 4 năm

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (l) Tài sản cố định vô hình

#### (i) Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất của Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất không thời hạn;
- » Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực pháp luật năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã hết hạn.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, bao gồm các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của tài sản cố định vô hình bao gồm:

- » Quyền sử dụng đất của Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực pháp luật năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đất) thì tiền thuê đất được dồn vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất;
- » Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời hạn thuê đất.

#### (ii) Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được tính theo nguyên giá trừ đi giá trị giảm giá. Các tài sản cố định vô hình khác được tính theo nguyên giá trừ đi giá trị giảm giá theo phương pháp đường thẳng.

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (m) Tài sản Có khác

Đối với các tài sản có khác là tài sản có khác đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện xử lý theo Thông tư số 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Theo đó, các tài sản có khác là tài sản có khác đã quá hạn thanh toán nhưng TCKT lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản có khác là tài sản có khác, Vietcombank thực hiện phân loại theo mức trích dự phòng theo quy định tại Thuyết minh 2(h).

### (n) Tài sản Có khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng.

### (o) Tài sản Có khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng.

### (p) Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá là phát hành các khoản phân bổ lợi nhuận hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

### (q) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên (“người lao động”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì người lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương cơ sở trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc. Trước năm 2012, dự kiến trợ cấp thôi việc sẽ được tính dựa trên mức lương hiện tại của người lao động làm việc cho Vietcombank.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về trợ cấp thôi việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng, kể từ năm 2012, nếu nguồn quỹ dự trữ trợ cấp thôi việc của doanh nghiệp không đủ để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động thì doanh nghiệp phải trích lập quỹ trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này đã được áp dụng từ năm 2012.



## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (r) **Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Quý khen thưởng từ n sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Quý khen thưởng từ n sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. 7 tháng 8 năm 2017 ("Nghị định 93"). Mức ỹ - ại Thuyết minh 22.

### (s) **VỐ**

#### (i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ ại là vốn ở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ ột khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn ở hữu.

#### (ii) **Thặng dư vốn cổ phần**

ốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá ỗ phiế thặng dư vốn cổ phần trong vốn ở hữu.

#### (iii) **Cổ phiếu quỹ**

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ ảm vào vốn ở hữu. Cổ phiếu mua lại ỗ phiếu quỹ ột khoản giảm trừ trong vốn ở hữu.

#### (iv) **Các quỹ dự trữ**

Các quỹ dự trữ ừ ể ừ ể Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank ("VCBL") dự ệ quy định theo trình tự sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ể, tổ ốn điều lệ Ngân hàng/VCBL.
- » Quỹ dự ể. Theo Nghị định số - ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 ("Nghị định 57"), mức tổ ỹ dự chính là 25% vốn điều lệ /VCBL. Theo Nghị định 93 thay thế Nghị định 57, thì không có quy định về mức tối đa này.
- » Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ ết đị ại hội đồng Cổ ới các quy đị .

Phả ại sau khi trừ các khoản ỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ ố .

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS") ỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ể, tổ 10% vốn điều lệ .
- » Quỹ dự ể, tổ 10% vốn điều lệ .

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (v) **Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Các khoản chênh lệch ối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cá ằng ngoại tệ ở nước ngoài sang Đồng Việt ất báo cáo tài chính.

### (t) **Doanh thu và chi phí**

#### (i) **Thu nhập lãi và chi phí lãi**

Nhóm 1 – ự thu đối với ại vào ại Thuyết minh 2(h). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản ại từ Nhóm 2 để ết quả hoạt độ nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

ự chi.

#### (ii) **Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức**

Các khoản ừ hoạt động dị ạch toán theo phương pháp dự thu. Cổ tức bằng tiền mặt từ hoạt động đầ áo kết quả hoạt độ ất khi quyề ỗ từ .

#### (iii) **Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu**

Theo Thông tư 200, các khoản ằng cổ phiếu từ ể chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn ở hữ ỗ phả ể chia ố ố phiế kết quả hoạt độ ất mà chỉ ố ố phiế ừ.

#### (iv) **Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được**

Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 1 năm 2013, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạ ến kỳ hạ Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đố ản này, Vietcombank sẽ hạ ạt động kinh doanh.

(u) Thuê tài sản

(i) *Đi thuê*

Các khoản thanh toán thuê hoạt độ n vào báo cáo kết quả hoạt độ nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạ ồng thuê.

(ii) Cho thuê

Tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên bảng cân đối kế toán được ghi nhận bằng giá trị đầu tư thu về trong tương lai từ việc cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được phân loại là cho thuê tài chính nếu các khoản cho thuê tài chính này đáp ứng các tiêu chí sau:

(a) Việc chuyển giao quyền sở hữu về tài sản cho thuê tài chính được chuyển giao cho người thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại cho thuê tài chính phải được thực hiện theo phương pháp kế toán quy định tại Điều 02.

Thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê và thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản

(v) Thuế

[illegible]

Thuế ện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dự ụ thuế trong năm, sử ớc thuế suất có hiệu lực tại ngày kế ỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế a ảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ i sử ể a phải trả. Giá trị ể a ựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ a a trả sử ớc thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết ỳ kế toán năm.

Tài sản thuế ại chỉ ặ ể trong  
tương lai để tài sản thuế ể sử . Tài sản thuế ặ ảm  
trong pha ề thuế liên quan này sẽ sử .

## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(w) Các bên liên quan

» ồm các trườ :

» Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát công ty mẹ hoặc TCTD mẹ ;

» Người quản lý, thành viên Ban Kiể ;

» Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát;

» , chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố ), mẹ chồng (mẹ ), con dâu (con rể), bố , mẹ kế (mẹ kế khác chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể ời quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở ;

» Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Vietcombank;

» ền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Vietcombank.

ệt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là chủ thể duy nhất được cấp quyền phát hành tiền pháp định của Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận nào đó có thể xác định riêng biệt các sản phẩm hoặc dịch vụ (bộ phận động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ một môi trường kinh tế để (bộ phận địa lý), mỗi bộ phận kết hợp với các bộ phận khác.

(y) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết                      ông ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng  
chuyển, điều chỉnh hoặc giả                      ro hối đoái hoá                      i trường khác, đồng thời

ồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại mộ ể  
 ịnh trong tương lai theo mộ ịnh trước và sẽ ăng tiề  
 đồng kỳ hạ ị danh nghĩa tại ngày giao dị ịnh kỳ đánh giá lại, chênh  
 lệch từ việc đánh giá lạ ả “Chênh lệ ổi đoái” trên vố ở hữ  
 kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt độ ất tại ngày ké ỳ kế toán năm.

Đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá trị ghi sổ tính trước, được điều chỉnh theo số tiền gốc đồng hoán đổi. Các khoản này được ghi nhận vào tài sản hoặc nợ nếu có lợi hoặc bất lợi về giá trị đánh giá lại vào khoảng thời gian "Chênh lệch hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



## (ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định đối với khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hoán đổi lãi suất sinh từ các lãi suất hoán đổi ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích.

## (iii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết cho hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh cho khách hàng. Nhiều khoản cam kết tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấ toán và các cam kết dựa vào điều kiện và có thời điểm thực hiện vào 5 nhóm, tương tự các khoản bảo lãnh (Thuyết minh 2(h)).

## (z) Cẩn trừ

Tài sản phải trừ và thể hiện giá trị ảnh hưởng đến cân đối kế toán chỉ khi Vietcombank có quyền thực hiện việc cần trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản phải trừ theo giá trị thực tế của tài sản phải trừ xảy ra đồng thời.

## (aa) Lãi cơ bản

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông cho số cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc thực hiện quyền ưu đãi) cho số I gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

## 3 TRÌNH BÀY CÔNG CỤ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các công cụ tài chính hoán đổi để làm phát sinh các tài sản và nợ phải trả tài chính hoán đổi.

Các tài sản và nợ phải trả bao gồm:

- » Tiền;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- » Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng;
- » Cho vay khách hàng;
- » Chứng khoán kinh doanh;
- » Chứng khoán đầu tư;
- » Đầu tư dài hạn;
- » Các tài sản phái sinh; và
- » Các tài sản tài chính khác.

Các khoản phải trả bao gồm:

- » Các khoản phải trả cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- » Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng;
- » Tiền gửi;
- » Phát hành giấy tờ có giá;
- » Các khoản phải trả phái sinh; và
- » Các khoản phải trả tài chính khác.

## (a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ để phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, Vietcombank đã phân loại các tài sản và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210").

Đối với tài sản tài chính, phân loại thành:

- » Tài sản tài chính kinh doanh;
- » Các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn;
- » Các khoản cho vay và phải thu; và
- » Tài sản sẵn sàng để bán.

Đối với nợ phải trả tài chính, phân loại thành:

- » Các khoản phải trả tài chính kinh doanh; và
- » Các khoản phải trả tài chính khác tính theo giá trị phân bổ.

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (b) Ghi nhận

Tài sản của Vietcombank tham gia vào quan hệ đối tác trên bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Vietcombank nhận được quyền về việc cung cấp dịch vụ tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản của hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

### (c) Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền sở hữu tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho người khác hoặc hết hạn.

### (d) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 43(b).

Việc đo lường giá trị hợp lý dựa trên các quy định của Thuyết minh 43(b) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc đo lường giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính. Việc đo lường giá trị hợp lý dựa trên các quy định của Thuyết minh 43(b) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc đo lường giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể thu được hoặc một khoản nợ phải trả có thể thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả dựa trên giá niêm yết trên thị trường hoạt động. Một thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không có thị trường hoạt động, Vietcombank sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý dựa trên các quy định của Thuyết minh 43(b) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc đo lường giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính.

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 4. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	8.185.268	7.550.927
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.917.103	2.140.681
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	490	445
	10.102.861	9.692.053

### 5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền gửi bằng VND	77.675.012	11.205.807
Tiền gửi bằng USD	15.940.606	6.176.611
	93.615.618	17.382.418

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản thanh toán.

Số dư bình quân tài khoản dự trữ bắt buộc tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong tháng. Dự trữ bắt buộc cho tháng duy trì dự trữ bắt buộc bằng cách lấy số dư bình quân các loại tiền gửi huy động phải dự trữ bắt buộc nhân với hệ số dự trữ bắt buộc quy định cho Ngân hàng và cho từng loại tiền gửi tương ứng.

Hệ số DTBB thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2017	31/12/2016
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất thực tế áp dụng cho tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2017	31/12/2016
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	1,2%/năm	1,2%/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%/năm	0%/năm
Dự trữ bắt buộc bằng VND	0%/năm	0%/năm
Dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%/năm	0,05%/năm



## THUYẾT M

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Ủi tặ ụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	136.596	35.746
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	44.995.386	32.965.428
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	58.303.507	48.491.747
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	55.607.856	21.743.132
	159.043.345	103.236.053
ụng khác		
Cho vay bằng VND	71.438.839	47.986.807
Cho vay bằng ngoại tệ	2.491.219	622.710
	73.930.058	48.609.517
	232.973.403	151.845.570
Phân tích chấ ền gửi và cho vay các tổ chứ :		
	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
ấn	187.841.421	118.844.396

## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
ợ		
Trái phiế	6.753.281	3.198.613
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	2.267.809	453.522
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	283.298	64.500
ồn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	2.962	3
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	442.894	554.724
	9.750.244	4.271.362
Dự ứng khoán kinh doanh	(81.211)	(37.833)
	9.669.033	4.233.529

Thuyết minh về tình trạng niêm yết ứng khoán kinh doanh:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
ợ		
Đã niêm yết	9.021.090	3.652.135
Chưa niêm yết	283.298	64.500
ồn		
Đã niêm yết	344.264	444.856
Chưa niêm yết	101.592	109.871
	9.750.244	4.271.362

Biến động dự ứng khoán kinh doanh như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	37.833	16.343
ự (Thuyết minh 28)	43.378	21.490
Số dư cuối năm	81.211	37.833

## 8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh				
đồng hoán đổi tiền tệ	59.934.601	785.882	21.388.496	207.249
đồng kỳ hạn	6.863.062	46.472	2.314.850	23.409
	66.797.663	832.354	23.703.346	230.658

## 9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	536.742.491	455.371.521
Cho vay chiết khấu      ể      ầy tờ có giá	3.109.627	2.569.000
Cho thuê tài chính	3.576.815	2.854.489
Các khoản trả thay khách hàng	432	277
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	5.095	13.153
	543.434.460	460.808.440

á :

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
ản	532.442.513	446.465.882
à	4.783.258	7.420.187
ới tiêu chuẩn	684.223	1.359.507
ờ	3.584.263	1.347.185
ả năng mất vốn	1.940.203	4.215.679
	543.434.460	460.808.440

ời hạn cho vay như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
ạn	303.366.942	260.095.582
ạn	56.529.525	53.767.184
ạn	183.537.993	146.945.674
	543.434.460	460.808.440

ại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Doanh nghiệp nhà nước	83.310.960	91.143.102
Công ty trách nhiệm hữu hạn	109.118.330	96.800.842
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	38.357.370	30.651.691
tác xã và công ty tư nhân	5.250.845	7.459.542
Cá nhân	177.778.008	116.463.229
Khác	129.618.947	118.290.034
	543.434.460	460.808.440

:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Sản xuất và gia công chế biến	147.736.460	140.793.745
Thương mại, dịch vụ	118.528.188	117.623.973
Xây dựng	32.115.297	25.148.575
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	26.547.170	28.619.537
Khai khoáng	16.311.491	18.477.439
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	11.296.702	12.740.155
ài kho bãi và thông tin liên lạc	23.016.953	26.914.695
Nhà hàng, khách sạn	9.441.003	8.471.154
Các ngành khác	158.441.196	82.019.167
	543.434.460	460.808.440



## THUYẾT MINH BÁO CÁO

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Dự	4.116.920	3.374.674
Dự	3.996.136	4.712.079
	8.113.056	8.086.753

Biến động dự ản cho vay khách hàng như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Số dư đầu năm	3.374.674	2.706.385
ự (Thuyết minh 33)	742.246	668.287
Chênh lệch	-	2
Số dư cuối năm	4.116.920	3.374.674

Biến động dự ể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Số dư đầu năm	4.712.079	5.903.493
ự (Thuyết minh 33)	5.496.249	2.980.900
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự	(6.212.835)	(4.174.822)
Chênh lệch	643	2.508
Số dư cuối năm	3.996.136	4.712.079

## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	34.671.798	51.914.700
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	95.280.474	79.856.407
	129.952.272	131.771.107

(a) ể

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
ể bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu	25.153.866	39.127.435
Tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN	2.000.000	-
Chứ ớc phát hành	7.426.242	12.496.325
Chứ ớc phát hành	100.000	300.000
<i>Chứng khoán vốn</i>		
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	8.190	8.190
	34.688.298	51.931.950
Dự ứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(16.500)	(17.250)
tư sẵn	34.671.798	51.914.700

(i) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Dự ếu doanh nghiệp chưa niêm yết	16.500	17.250

Biến động dự ếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	17.250	18.150
ự (Thuyết minh 33)	(750)	(900)
Số dư cuối năm	16.500	17.250

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(b) ử đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
ử đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu	73.423.370	62.660.834
Chức ợc phát hành	7.647.900	2.400.099
Chức ợc phát hành	14.332.751	14.958.351
	95.404.021	80.019.284
Dự ứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(123.547)	(162.877)
ử đến ngày đáo hạn	95.280.474	79.856.407

(iii) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Dự ếu doanh nghiệp chưa niêm yết	123.547	113.536
Dự ể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	49.341
	123.547	162.877

Biến động dự ếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	113.536	74.466
ự (Thuyết minh 33)	10.011	39.070
Số dư cuối năm	123.547	113.536

Biến động dự ể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	49.341	-
ự	(49.341)	49.341
Số dư cuối năm	-	49.341

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(iii) Phân tích chất lượng chứng khoán chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
iêu chuẩn	22.432.752	18.548.351
à	-	1.010.000
	22.432.752	19.558.351

## 12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

(a) Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

kinh doanh	Ngành	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành (i)	Cho thuê	52%	410.365	452.854
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	136.665
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	272.048
				815.515 861.567

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

kinh doanh	Ngành	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành (i)	Cho thuê	52%	410.365	397.244
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	132.307
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif (ii)	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	273.547
				815.515 803.098



THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(i) Ngân hàng sở hữu 52% vốn của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành và 51% vốn của Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank. Điều lệ công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của Ban chấp hành đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động kinh doanh. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn của công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do đó, các khoản đầu tư vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty con”.

(ii) Ngân hàng sở hữu 45% vốn của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank – Cardif. Điều lệ công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của Ban chấp hành liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động kinh doanh. Khoản đầu tư vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết”.

(b) Bảng kết quả kinh doanh Tại

ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	Cho thuê	16%	11.110	10.434

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	Cho thuê	16%	11.110	9.645

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Quản trị nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động kinh doanh, khoản đầu tư vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác”.

THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(c) Bảng phân bổ khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	6,97%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	3,97%	144.802
Quỹ bảo lãnh	Bảo lãnh	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ địa chất Dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Điện lực Việt Nam (PCB)	Điện	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,83%	499.602
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thanh toán	-	2.936
			2.705.966
Dự trữ giảm giá đầu tư dài hạn khác			(25.139)
			2.680.827

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(c) ạn khác (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: (tiếp theo)

		Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc (%) Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất –	ầu Việ	Ngân hàng	8,19%	582.065
		Ngân hàng	4,30%	123.452
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	Ngân hàng	7,04%	1.242.989
TMCP Phương Đông	Ngân hàng	Ngân hàng	4,72%	144.802
Quỹ bảo	ệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh	0,80%	1.864
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dị	ầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Thông	ệt Nam (PCB)	Dị	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng		Dị tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam		Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt		Dị ẻ	1,83%	4.400
Nam Tổng Công ty Hàng không Việt Nam		Hàng không	1,83%	499.602
SWIFT, MASTER và VISA		Dị ẻ, thanh toán	-	2.936
				2.829.418
Dự	ảm giá đầu tư dài hạn khác			(14.347)
				2.815.071

Biến động dự ảm giá đầu tư dài hạn khác như sau:

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Số dư đầu năm	14.347	35.789
) dự (Thuyết minh 32)	10.792	(21.442)
Số dư cuối năm	25.139	14.347

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn Triệu VND	Tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	3.524.303	3.479.396	742.238	886.270	8.632.207
Tăng trong năm	343.270	354.524	105.648	335.938	1.139.380
- Mua trong năm	326.034	354.496	105.648	265.799	1.051.977
- Tăng khác	17.236	28	-	70.139	87.403
Giảm trong năm	(3.473)	(31.449)	(18.203)	(16.535)	(69.660)
-	(2.582)	(31.246)	(18.088)	(14.191)	(66.107)
- Giảm khác	(891)	(203)	(115)	(2.344)	(3.553)
Số dư cuối năm	3.864.100	3.802.471	829.683	1.205.673	9.701.927
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	768.935	3.082.135	482.161	572.976	4.906.207
Tăng trong năm	167.687	250.804	79.459	168.694	666.644
- Khấu hao trong năm	166.989	250.804	79.459	168.196	665.448
- Tăng khác	698	-	-	498	1.196
Giảm trong năm	(2.894)	(31.431)	(18.203)	(16.449)	(68.977)
-	(1.636)	(31.228)	(18.088)	(14.037)	(64.989)
- Giảm khác	(1.258)	(203)	(115)	(2.412)	(3.988)
Số dư cuối năm	933.728	3.301.508	543.417	725.221	5.503.874
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	2.755.368	397.261	260.077	313.294	3.726.000
Số dư cuối năm	2.930.372	500.963	286.266	480.452	4.198.053

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn ử 3.609.533 triệu VND.



## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Bản quyền và bằng sáng chế Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	1.964.288	541.970	96.898	2.603.156
Mua trong năm	35.802	48.492	3.705	87.999
Giảm khác trong năm	(84.380)	-	-	(84.380)
Số dư cuối năm	1.915.710	590.462	100.603	2.606.775
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	50.145	477.060	72.314	599.519
Khấu hao trong năm	9.055	29.122	7.849	46.026
Giảm khác trong năm	(3.078)	-	-	(3.078)
Số dư cuối năm	56.122	506.182	80.163	642.467
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	1.914.143	64.910	24.584	2.003.637
Số dư cuối năm	1.859.588	84.280	20.440	1.964.308

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn giá trị sử dụng là 539.560 triệu VND.

## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Các khoản phải thu nội bộ	942.915	862.386
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	3.562.820	2.095.707
	4.505.735	2.958.093

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Tạm ứng	436.817	109.277
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hồ sơ đăng ký quyền sở hữu đất đai	252.797	195.883
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	134	67
Thuế giá trị gia tăng trừ	18.425	2.129
Tạm ứng thuế khác	2	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	428.340	404.096
Các khoản phải thu khác	2.426.305	1.384.253
	3.562.820	2.095.707

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	428.340	404.096
Trong đó, những dự án lớn:	353.210	290.262
Dự ở Chi nhánh Nam Định	133.500	-
Dự ở Chi nhánh Ninh Bình	60.000	-
Dự ở Chi nhánh Hưng Yên	-	128.871
Dự ở	58.321	45.323
Dự ở	57.643	37.623
Dự ở Chi nhánh Trà Vinh	22.906	12.014
Dự ở Chi nhánh Kon Tum	20.785	1.327
Dự ở Chi nhánh Vũng Tàu	55	30.112
Dự ở Chi nhánh Bình Dương	-	14.170
Dự ở	-	11.072
Dự ở Chi nhánh Thái Bình	-	9.750

### (b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Từ cho vay khách hàng	2.343.515	1.839.006
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	458.793	417.424
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	3.205.653	3.509.975
Từ các giao dịch phái sinh	15.969	20.286
Phí phải thu	1.723	4.446
	6.025.653	5.791.137

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### (c) Tài sản Có khác

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	698.732	829.789
ệu	107.908	94.973
Tạm ứng thanh toán thẻ	954.952	461.401
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	383.423	252.750
Tài sản Có khác	431.213	311.466
	2.576.228	1.950.379
Các khoản dự ản Có nội bảng khác	(2.015)	(937)
	2.574.213	1.949.442

### 16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNNVN

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.158.664	4.630.802
Vay theo hồ	3.400.693	3.903.811
Vay khác	757.971	726.991
ửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước	165.081.565	42.752.358
Tiền gửi bằng VND	155.836.670	28.492.101
Tiền gửi bằng ngoại tệ	9.244.895	14.260.257
ửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.144.839	6.768.253
	171.385.068	54.151.413



## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Ủi củ ụng khác	55.803.878	53.282.230
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	12.085.649	3.246.953
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	39.883.554	38.323.368
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	-	6.150.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.834.675	5.561.909
ụng khác	11.138.325	18.956.175
Vay bằng VND	3.401.700	4.109.645
Vay bằng ngoại tệ	7.736.625	14.846.530
	66.942.203	72.238.405

### 18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Ủi không kỳ hạn	201.004.132	159.627.676
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	149.797.322	120.425.822
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	51.206.810	39.201.854
Ủi có kỳ hạn	495.438.508	422.812.904
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	417.756.992	352.762.147
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	77.681.516	70.050.757
Ủi vốn chuyên dùng	10.951.390	6.227.201
Ủ	1.125.687	1.783.563
	708.519.717	590.451.344

## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Tiền gửi ở , loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	316.488.540	263.487.641
Cá nhân	392.031.177	326.963.703
	708.519.717	590.451.344

### 19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Vố y thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	23.153	-

### 20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Ủ ửi		
ạn bằng ngoại tệ	170	168
Trung hạn bằng VND	325	324
Trung hạn bằng ngoại tệ	2.298	4.931
Kỳ phiếu, trái phiếu		
ạn bằng VND	47	47
ạn bằng ngoại tệ	30	103
Trung hạn bằng VND	7.211.622	4.280.791
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
Dài hạn bằng VND	11.000.000	6.000.000
	18.214.504	10.286.376

**21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC****(a) Các khoản lãi, phí phải trả**

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Lãi tiền gửi	7.851.033	6.064.335
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	307.489	272.919
Lãi phải trả phát hành giấy có giá	268.081	49.768
Lãi phải trả giao dịch phái sinh	34.403	64.016
c đầu tư	6.331	3.136
	8.467.337	6.454.174

**(b) Các khoản phải trả và công nợ khác**

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Các khoản phải trả nội bộ (i)	2.811.953	2.004.130
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	4.500.523	2.945.862
Quỹ khen thưởng	1.850.814	1.239.367
	9.163.290	6.189.359

**(i) Các khoản phải trả nội bộ**

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
		(trình bày lại)
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	2.447.077	1.770.722
Các khoản phải trả khác	364.876	233.408
	2.811.953	2.004.130

**(ii) Các khoản phải trả bên ngoài**

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Thuế phải trả	484.827	249.781
Thuế                      ếp phải trả	276.569	124.533
Thuế giá trị gia tăng chờ nộp ngân sách	37.539	36.749
Các thuế khác phải trả	170.719	88.499
ớc chờ phân bổ	36.021	32.966
Phải trả xây dựng                      ản cố định	357.244	128.468
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	161.561	161.071
Các khoản khác phải trả khách hàng	532.487	525.297
Các khoản chờ thanh toán khác	355.780	346.219
Lãi hỏ                      ất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vay Bộ Tài chính	702.162	651.693
Phải trả khác	1.805.913	785.839
	4.500.523	2.945.862



## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a)

ổn chủ sở hữu

Triệu VND

	Vốn điều lệ	Vốn khác	Quỹ của tổ chức tín dụng		Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
			Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính							
Số dư tại ngày 1/1/2017 (trình bày lại)	35.977.686	45.160	1.952.746	3.913.260	70.661	5.936.667	84.245	83.285	5.874.992	143.521	48.145.556
n thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	9.091.070	19.518	9.110.588
Tạm trích các quỹ dự trữ buộc trong năm 2017	-	-	442.458	884.916	-	1.327.374	-	-	(1.327.374)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, 2017	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.501.302)	-	(1.501.302)
Điều chỉnh trích các quỹ năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	-	-	2	4	-	6	-	-	(224.072)	-	(224.066)
Trích các quỹ công ty con	-	-	8.452	11.888	-	20.340	-	-	(42.596)	(449)	(22.705)
Sử	-	-	-	(8.803)	-	(8.803)	-	-	-	-	(8.803)
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn ở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	(583)	-	(583)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.878.215)	(18.727)	(2.896.942)
Giảm vốn công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(54.708)	(54.708)
Tăng vốn công ty con (*)	-	299.085	(21.884)	-	-	(21.884)	-	-	(277.201)	-	-
Chênh lệch	-	-	-	-	-	-	10.240	-	-	185	10.425
Biến động khác	-	-	-	(18)	-	(18)	-	-	533	(16)	499
Số dư tại ngày 31/12/2017	35.977.686	344.245	2.381.774	4.801.247	70.661	7.253.682	94.485	83.285	8.715.252	89.324	52.557.959

(\*) Trong năm 2017, Ngân hàng đã thực hiện sử dụng tài khoản Vietcombank (“VCBS”) để tăng vốn điều lệ và các quỹ thuộc vốn đồng Quản trị.

**THUYẾT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(b) Cơ cấu của Ngân hàng

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
ế		
Nhà nước	27.743.534	27.743.534
Cổ đông chiế ở ản)	5.396.685	5.396.685
Các cổ đông khác	2.837.467	2.837.467
	35.977.686	35.977.686

Vốn cổ phầ ệ :

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vố ầy phép	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686
ếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686
ếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	3.597.768.575	35.977.686

Mệnh giá cổ phiếu phổ hàng là 10.000 VND.

**23. CỔ TỨC**

Theo Nghị quyết số 10/TN2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ Ngân hàng đã quyết định mức chia cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt là 8% mệnh giá, tương đương với số tiền là 2.878.215 triệu VND. Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cổ tức năm 2016 cho các cổ đông vào ngày 16 tháng 10 năm 2017 theo Nghị quyết số - -  
ội đồng Quản trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

**24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ**

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
ừ cho vay khách hàng	36.165.352	29.024.053
ừ lãi tiền gửi	1.974.911	1.521.011
ừ kinh doanh, đầu tư chứ :	7.197.869	6.563.613
từ chứng khoán đầu tư	6.936.567	6.446.456
từ chứng khoán kinh doanh	261.302	117.157
	253.228	216.949
Thu phí từ nghiệ ào lãnh	390.347	313.407
ừ nghiệ	-	66.752
Thu khác từ hoạt độ	177.061	12.426
	46.158.768	37.718.211

**25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ**

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	22.348.284	17.938.402
Chi phí lãi tiền vay	773.985	840.751
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.067.368	349.491
Chi phí khác cho hoạt độ	31.585	56.817
	24.221.222	19.185.461



**THUYẾT MINH BẢ**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

**26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dị	3.451.048	2.765.256
Thu từ dị ỹ	243.295	215.643
Thu từ nghiệ ại lý	30.477	21.722
Thu khác	1.653.356	1.323.862
	5.378.176	4.326.483
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		
Chi về dị	(2.190.939)	(1.694.872)
Chi về dị ỹ	(59.688)	(58.074)
Chi về dị ến thông	(94.812)	(88.295)
Chi về nghiệ ại lý	(7.093)	(4.852)
Chi khác	(487.435)	(373.685)
	(2.839.967)	(2.219.778)
	2.538.209	2.106.705

**27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI**

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ ki nh doanh ngoại tệ giao ngay	3.033.367	2.657.525
Thu từ ền tệ	333.649	304.878
Lãi chênh lệ ại tệ kinh doanh	921	2.687
Lãi đánh giá lạ ồng phái sinh	86.975	4.929
	3.454.912	2.970.019
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(681.035)	(444.741)
Chi về ền tệ	(573.197)	(457.342)
Lỗ chênh lệ ại tệ kinh doanh	(37.520)	(198.781)
Lỗ đánh giá lạ ồng phái sinh	(120.743)	(19.037)
	(1.412.495)	(1.119.901)
	2.042.417	1.850.118

**THUYẾ**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

**28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
ừ mua bán chứng khoán kinh doanh	598.033	595.413
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(78.255)	(78.155)
Chi phí dự ứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(43.378)	(21.490)
	476.400	495.768

**29. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
ừ mua bán chứng khoán đầu tư	338	52.590
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(20.080)	(142.006)
	(19.742)	(89.416)

**30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập từ hoạt động khác		
ừ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự	2.185.100	2.122.701
Thu về nghiệ	-	57.110
	170.731	114.916
	2.355.831	2.294.727
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệ ồi lãi suất	(85.028)	(132.417)
Chi về nghiệ	-	(2.026)
Chi công tác xã hội	(106.832)	(216.968)
Chi phí khác	(64.441)	(24.938)
	(256.301)	(376.349)
	2.099.530	1.918.378

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 34)	129.685	24.549
Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần	116.966	16.641
Cổ tức từ chứng khoán vốn	12.719	7.908
Ủi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	142.236	-
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn ở hữu ản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 34)	59.840	47.007
	331.761	71.556

### 32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	229.392	214.059
Chi phí cho nhân viên	6.733.373	5.357.363
Trong đó:		
ấp (Thuyết minh 37)	6.289.709	4.959.636
Các khoản chi đóng góp theo lương	308.610	278.035
ấp	3.539	1.952
Chi về tài sản	2.051.907	1.976.666
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	711.474	712.406
Chi cho hoạt động quả	2.358.518	2.030.266
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi	444.889	355.746
) dự ảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(c))	10.792	(21.442)
Chi phí hoạt động khác	37.474	26.354
	11.866.345	9.939.012

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 33. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
ự g (Thuyết minh 10)	742.246	668.287
Dự phòng cụ		
ự (Thuyết minh 10)	5.496.249	2.980.900
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
ự (Thuyết minh 11)	9.261	38.170
Dự phòng cụ ếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
ự	(49.341)	2.681.350
	6.198.415	6.368.707

### 34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

#### (a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	11.341.361	8.578.140
Điều chỉnh cho các khoản:		
ế	(302.354)	(220.863)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	(129.685)	(24.549)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn ở hữu c khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 31)	(59.840)	(47.007)
Các khoản điều chỉnh ất không chịu thuế	(7.935)	(106.648)
Chi phí từ các hoạt động không chịu thuế TNDN	19.081	1.325
Thu nhập chịu thuế	10.860.628	8.180.398
Thuế suất thuế ệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ướ (thuế suất: 20%)	(2.172.126)	(1.636.079)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ướ (thuế suất: 20%)	(60.201)	(45.474)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ướ (thuế suất: 16,5%)	(2.051)	(1.540)
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	(2.234.378)	(1.683.093)



THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(b) Thuế suất áp dụng

nộp cho Nhà nước thuế à tính  
thuế, ngoài trừ Công ty TNHH Tài chính Việ ộp thuế theo thuế suất 16%. Việc tính  
toán thuế ệ ộc vào sự kiểm tra và chấ ế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lợi nhuận à ếu

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND (trình bày lại)
ần	9.091.070	6.875.771
ỹ khen thưởng (*)	(1.523.558)	(1.417.855)
Lợi nhuận ở hữ ế	7.567.512	5.457.916

(\*) Quỹ khen thưởng ời điểm cuố ần dùng để tính lãi  
trên cổ phiếu cho năm kế ều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen  
thưởng ứng.

(b) Số ủ ế

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	3.597.768.575	2.665.020.334
Ảnh hưởng ó cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm (*)	-	932.748.241
Số ủ ế	3.597.768.575	3.597.768.575

(\*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30, nếu số ỗ phiếu phổ thông đang lưu hành  
tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Ngân hàng  
điều chỉnh hồi tố “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho tất cả các kỳ báo cáo (Thuyết minh 2(aa)).

(c) Lãi cơ bản ếu

	2017	2016 (trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.103	1.517

THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	10.102.861	9.692.053
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	93.615.618	17.382.418
Tiền gửi tại các tổ chức ời kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	199.815.768	130.490.484
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	2.000.000	-
	305.534.247	157.564.955

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2017	2016 (trình bày lại)
ố cán bộ, công nhân viên (người)	16.227	15.615
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ áp (Triệu VND) (Thuyết minh 32)	6.289.709	4.959.636
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	32,30	26,47



THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư tại ngày		Phát sinh trong năm		Số dư tại ngày 31/12/2017	
	1/1/2017(TriệuVND)	(trình bày lại)	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải trả	Tổng cộng
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	62034.		252364.	758(379).	53937.	11419.
Thuế TNDN hiện hành	124.466		2.	(2.234.430082.461)	276.569	276.435
Trong đó:						
Thuế	533124.		234.378	082.342(2.	569276.	
Điều chỉnh thuế các năm trước	(11)		52	(119)	(78)	(78)
ế	(56)		.	.	(56)	(56)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	18.461		1.	-591	20.052	20.052
Các loại thuế khác	88.497		881.	(799.887667)	170.719	170.717
	266.044		3.482.160	(3.261.886)	504.879	486.318

THUYẾT MINH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

39. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU Tài

sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp ố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Tiền gửi	68.674.401	53.666.664
Giấy tờ có giá	108.914.574	71.392.260
Bất động sản	453.798.437	339.931.848
Tài sản bảo đảm khác	208.494.777	389.638.755
	839.882.189	854.629.527

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiệ ến các  
khoả ảng cân đối kế á ếu bao gồm các cam kết  
bả ạo ra như  
ội bằng.

ại bả ịnh nghĩa là khả năng mang đế  
cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đế tài chính đó không thực hiện các điều  
khoả ồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với  
một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiệ  
đồng và bảo lãnh dự thả ến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giố  
vay khách hàng.

Giao dị ại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấ  
, thông thường ngườ ả ờng là  
người bán/nhà xuất khẩu ả ngay thường thấ ả  
ể thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dị ả ế ồ ực hiệ  
ở ả ả  
Vietcombank phả ợng và thực hiệ ệc bảo  
lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bả  
để ần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kế ắp, tùy thuộc  
vào mức độ .





41. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

			2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
Mối liên hệ			Thu nhập/(chi phí)	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diệ	ở hữu		
ừ lãi tiền gửi			134.601	124.475
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay			(173.156)	(160.765)
Bộ Tài chính		ở hữu		
Chi phí lãi tiền gửi			(565.023)	(204.319)
Chi phí lãi tiền vay			(28.991)	(26.959)

năm kế      ội đồng Quản trị và Ban Kiể      thuế cho  
                 31 tháng 12 năm 2017 theo Nghị quyết số 10/TN2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày  
                 ại hội đồng Cổ đông.  
  
                 ều hành đã chi theo Quy chế Tiền lương trong hệ thống Vietcombank.

(b) Số dư với các bên liên quan

			31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Mối liên hệ			Phải thu/(phải trả)	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diệ	ở hữu		
Tiền gửi                      ại NHNNVN			93.615.296	17.382.418
Tiền gửi và tiề                      ại Vietcombank			(6.303.503)	(11.399.055)
Bộ Tài chính		ở hữu		
Tiền gửi tại Ngân hàng			(165.081.565)	42.752.358
Vay Bộ Tài chính			(702.162)	(651.693)
Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản		Cổ đông chiế		
Tiền gửi                      ại Mizuho Bank Ltd.,			5.994.987	625.946
Tiền gửi                      ., tại Ngân hàng			(3.190.241)	(2.287.708)
Cho vay Mizuho Bank Ltd.,				448.500 -

## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

## THUYẾ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

### 42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:			Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	ả	ự	65.206.586	11.444.290	31.275.800	37.660	(61.805.568)	46.158.768
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(55.727.008)	(8.274.306)	(22.018.642)	(12.604)	61.811.338	(24.221.222)
I	Thu nhậ		9.479.578	3.169.984	9.257.158	25.056	5.770	21.937.546
3	từ hoạt động dị		3.022.788	491.677	1.950.460	27.650	(114.399)	5.378.176
4	Chi phí hoạt động dị		(2.758.199)	(21.157)	(77.496)	(10.323)	27.208	(2.839.967)
II	ừ hoạt động dịch vụ		264.589	470.520	1.872.964	17.327	(87.191)	2.538.209
III	L	ừ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.542.001	74.641	424.565	1.210	-	2.042.417
IV	ừ		482.170	-	-	-	(5.770)	476.400
V	Lỗ	ừ	(19.742)	-	-	-	-	(19.742)
5	ừ hoạt động khác		925.959	304.469	1.135.143	605	(10.345)	2.355.831
6	Chi phí hoạt động khác		(200.279)	(24.889)	(31.133)	-	-	(256.301)
VI	ừ hoạt động khác		725.680	279.580	1.104.010	605	(10.345)	2.099.530
VII	Thu nhập từ góp vố		331.761	-	-	-	-	331.761
	ập hoạt động		12.806.037	3.994.725	12.658.697	44.198	(97.536)	29.406.121
VIII	Chi phí hoạt động		(7.865.647)	(1.091.651)	(2.963.507)	(43.076)	97.536	(11.866.345)
IX	Lợi nhuậ từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		4.940.390	2.903.074	9.695.190	1.122	-	17.539.776
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(1.558.949)	(760.192)	(3.879.355)	81	-	(6.198.415)
XI	ợi nhuận trước thuế		3.381.441	2.142.882	5.815.835	1.203	-	11.341.361
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(640.489)	(428.576)	(1.163.261)	(2.052)	-	(2.234.378)
8	ế TNDN hoãn lại		3.605	-	-	-	-	3.605
XII	Chi phí thuế TNDN		(636.884)	(428.576)	(1.163.261)	(2.052)	-	(2.230.773)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		2.744.557	1.714.306	4.652.574	(849)	-	9.110.588



**THUYẾT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

**THUYẾT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

**42 BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:			Dịch vụ tài chính ngân hàng Triệu VND	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng Triệu VND	Chứng khoán Triệu VND	Khác Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	ãi	ự	107.386.440	300.838	184.080	29.752	(61.742.342)	46.158.768
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(85.768.709)	(117.769)	(82.856)	-	61.748.112	(24.221.222)
I	Thu nhậ		21.617.731	183.069	101.224	29.752	5.770	21.937.546
3	ừ hoạt động dị		5.113.031	7.411	232.642	137.987	(112.895)	5.378.176
4	Chi phí hoạt động dị		(2.760.506)	(852)	(43.397)	(60.916)	25.704	(2.839.967)
II	ừ hoạt động dịch vụ		2.352.525	6.559	189.245	77.071	(87.191)	2.538.209
III	ừ hoạt động kinh doanh ngoại hối		2.040.601	1.816	-	-	-	2.042.417
IV	ừ		471.229	-	10.941	-	(5.770)	476.400
V	Lỗ	ừ	(19.742)	-	-	-	-	(19.742)
5	ừ hoạt động khác		2.347.077	18.430	88	581	(10.345)	2.355.831
6	Chi phí hoạt động khác		(256.298)	-	(3)	-	-	(256.301)
VI	ừ hoạt động khác		2.090.779	18.430	85	581	(10.345)	2.099.530
VII	Thu nhập từ góp vố		319.043	-	12.718	-	-	331.761
	ập hoạt động		28.872.166	209.874	314.213	107.404	(97.536)	29.406.121
VIII	Chi phí hoạt động		(11.639.315)	(100.889)	(191.986)	(31.691)	97.536	(11.866.345)
IX	Lợi nhậ từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		17.232.851	108.985	122.227	75.713	-	17.539.776
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(6.187.511)	(10.904)	-	-	-	(6.198.415)
XI	ợi nhuận trước thuế		11.045.340	98.081	122.227	75.713	-	11.341.361
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(2.172.125)	(19.233)	(25.507)	(17.513)	-	(2.234.378)
8	ế TNDN hoãn lại		-	-	3.605	-	-	3.605
XII	Chi phí thuế TNDN		(2.172.125)	(19.233)	(21.902)	(17.513)	-	(2.230.773)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		8.873.215	78.848	100.325	58.200	-	9.110.588

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Thuyết minh bảo đảm  
bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp tài sản bảo đảm đặc biệt tài sản đó đi sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả .

(b) Thuyết minh hợp lý  
Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị tài sản để ghi sổ. ề giá trị  
Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị tài sản  
tài ngày 31 tháng 12 năm 2017:

		Giá trị ghi sổ – gộp						Giá trị hợp lý Triệu VND
		Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	
Tài sản tài chính								
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	10.102.861	-	-	10.102.861	10.102.861
II	Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	93.615.618	-	-	93.615.618	93.615.618
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức	-	-	232.973.403	-	-	232.973.403	(*)
IV	Chứng khoán kinh doanh	9.750.244	-	-	-	-	9.750.244	(*)
V	Cho vay khách hàng	832.354	-	-	-	-	832.354	(*)
VI	Chứng khoán đầu tư	-	95.404.021	-	34.688.298	-	130.092.319	(*)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	2.705.966	-	2.705.966	(*)
IX	Tài sản tài chính khác	-	-	10.389.978	-	-	10.389.978	(*)
		10.582.598	95.404.021	890.516.320	37.394.264	-	1.033.897.203	(*)
Nợ phải trả tài chính								
I	Các khoản vay và vay các TCTD khác	-	-	-	-	238.327.271	238.327.271	(*)
II	Tiền gửi khách hàng	-	-	-	-	708.519.717	708.519.717	(*)
IV	Vốn thặng dư đầu tư, cho vay mà TCTD chi	-	-	-	-	23.153	23.153	(*)
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	18.214.504	18.214.504	(*)
VI	Các khoản phải trả tài chính khác	-	-	-	-	9.581.693	9.581.693	(*)
		-	-	-	-	974.666.338	974.666.338	(*)

(\*) Tài chính không có thị trường hoạt động này không ước định giá, giá trị tài chính không có thị trường hoạt động này không ước định.



**43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính**

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro trong từng thời kỳ, bảo đảm hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự liên quan.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ Vietcombank và Nghị quyết của Hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị ra quyết định phân bổ trách nhiệm quản lý rủi ro cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro hoạt động của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản - Tài sản Có ("ALCO") là bộ phận do Tổng Giám đốc chỉ đạo và điều hành, chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ quản lý tổng thể các hạn mức tín dụng và tài sản có, cân đối nguồn vốn và tài sản, đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động kinh doanh; quản lý và điều hành lãi suất.

Trong phạm vi phân cấp, Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

**(i) Rủi ro tín dụng**

Vietcombank luôn phải đứng trước nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể thực hiện đúng các nghĩa vụ trong nghiệp vụ kinh doanh, dưới hình thức các khoản vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán, ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng của Ủy ban Quản lý rủi ro.

Vietcombank tiến hành phân loại rủi ro với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức khác, cam kết ngoại bảng, các khoản đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 09 (Thuyết minh 2(h)), qua đó thực hiện các biện pháp quản lý và đề xuất biện pháp xử lý.

Để quản lý rủi ro tín dụng, Vietcombank xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro; xây dựng hệ thống xếp hạng rủi ro; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động quản lý rủi ro.

**43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)****(i) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro bằng tổng tài sản bảo đảm hay hồ sơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, không tính đến tài sản bảo đảm hay hồ sơ:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Ước tính tại NHNNVN	93.615.618	-	-	93.615.618
Ước tính khác – gộp	232.973.403	-	-	232.973.403
Tiền gửi tại các tổ chức	159.043.345	-	-	159.043.345
Cho vay các tổ chức	73.930.058	-	-	73.930.058
	9.304.388	-	-	9.304.388
Cho vay khách hàng – gộp	530.523.725	1.918.788	10.991.947	543.434.460
– gộp	130.084.129	-	-	130.084.129
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	34.680.108	-	-	34.680.108
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.404.021	-	-	95.404.021
Tài sản Có khác	10.389.978	-	-	10.389.978
	1.006.891.241	1.918.788	10.991.947	1.019.801.976

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm được trình bày tại Thuyết minh 39.

**43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)****(ii) Rủi ro lãi suất**

á òng tiề tài chính diễn biến bất thường do những biến độ suất thị trường.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn á tính từ ngày kế ý kế toán năm cho tới kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất á ảng cân đối kế á .

Các giả định và điều kiện g để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế á tài sản ả trả trên bảng cân đối kế á :

- » Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản ếp vào nhóm các khoản ụ lãi;
- » Chữ ếp vào khoản ến 1 tháng;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế ứng khoán đầ thuộc vào quy định về lãi suất ỏ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế ản tiền gửi, vố y thác đầu tư, cho vay tổ chức chỉ ỏ chức , cho vay khách hàng, các khoản Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức , tiền gửi khách hàng, vố y thác đầu tư, cho vay mà TCTD chỉ ả định như sau:
  - Các khoản có lãi suất cố định trong suốt thờ òng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kế ý kế toán năm;
  - Các khoản ất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kế ý kế toán năm.
- » Kỳ định lại lãi suất thực tế áy tờ ịnh dựa trên thời gian đáo hạn thực tế ừng loại giấy tờ ộc vào quy định về lãi suất ối với từ phát hành.

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất á ả trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:



THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)
- (ii) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn Triệu VND	Không chịu lãi Triệu VND	Dưới 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng Triệu VND	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản									
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	10.102.861	-	-	-	-	-	-	10.102.861
II Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	93.615.618	-	-	-	-	-	93.615.618
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức t khác – gộp	-	342.551	194.099.786	24.221.210	3.455.884	1.166.465	9.687.507	-	232.973.403
IV Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	445.856	9.304.388	-	-	-	-	-	9.750.244
V chính khác ản tài	-	-	-	832.354	-	-	-	-	832.354
VI Cho vay khách hàng – gộp	4.585.850	-	136.312.274	190.400.868	134.793.655	50.901.816	25.880.118	559.879	543.434.460
VII Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	2.865.431	3.754.383	7.481.502	7.361.237	76.189.267	32.440.499	130.092.319
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	3.577.967	-	-	-	-	-	-	3.577.967
IX Tài sản cố định	-	6.162.361	-	-	-	-	-	-	6.162.361
X Tài sản Có khác – gộp	-	13.113.164	-	-	-	-	-	-	13.113.164
ản	4.585.850	33.744.760	436.197.497	219.208.815	145.731.041	59.429.518	111.756.892	33.000.378	1.043.654.751
Nợ phải trả									
I Các khoả ền gửi và vay các TCTD khác	-	-	223.572.873	8.805.484	4.650.151	1.298.763	-	-	238.327.271
II Tiền gửi a khách hàng	-	22.799	392.353.563	116.798.766	104.491.082	90.564.536	4.282.108	6.863	708.519.717
IV Vố y thác đầu tư, cho vay mà TCTD chị	-	-	-	153	-	-	1.640	21.360	23.153
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.017	-	-	3.220.387	14.252.100	740.000	18.214.504
VI Các khoả ải trả khác	-	17.650.679	-	-	-	-	-	-	17.650.679
ợ phải trả	-	17.673.478	615.928.453	125.604.403	109.141.233	95.083.686	18.535.848	768.223	982.735.324
ạy cầm với lãi suất nội bằng	4.585.850	16.071.282	(179.730.956)	93.604.412	36.589.808	(35.654.168)	93.221.044	32.232.155	60.919.427

3 (c) (ii) j) THEO) (TIẾP CHỈNH HTÀI CỤ CÔNG MINH THUYẾT theo) (tiếp chỉnh tài cụ công để quan liên ror uly quản sách Chính tề tiền ro Rủi

sau: như cáo báo ngày tậ		ổ gi	ừ ng là đây Sau
		ngày tậ tại do aỉ hỏ gi a Tỷ	
	31/12/2017	31/12/2016	
USD/VND	425.22	159.22	
EUR/VND	696.26	573.23	

2017 năm 12 tháng 31 ngày tại VND sang đở ệ tiền vớ do n cá cả ng rậ p h ả ả n tậ cá cả y t rí n đ ầy dư vớ b ằ ng

43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)
- (iii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

	VND Triệu VND	USD Triệu VND	EUR Triệu VND	Tiền tệ khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản					
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.185.268	1.345.517	281.095	290.981	10.102.861
II Tiền gửi tại NHNNVN	77.675.012	15.940.606	-	-	93.615.618
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín – gộp	129.878.942	75.960.809	21.827.430	5.306.222	232.973.403
IV Chứng khoán kinh doanh – gộp	9.750.244	-	-	-	9.750.244
tài sản tài chính khác	61.595.944	(60.522.893)	(171.207)	(69.490)	832.354
VI Cho vay khách hàng – gộp	457.398.574	84.734.916	141.579	1.159.391	543.434.460
VII Chứng khoán đầu tư – gộp	74.029.819	56.062.500	-	-	130.092.319
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	3.577.967	-	-	-	3.577.967
IX Tài sản cố định	6.162.361	-	-	-	6.162.361
X Tài sản Có khác – gộp	11.240.963	1.781.388	50.640	40.173	13.113.164
ản	839.495.094	175.302.843	22.129.537	6.727.277	1.043.654.751
Nợ phải trả					
I Các khoản và tiền gửi và vay các TCTD khác	175.475.376	40.611.363	17.597.016	4.643.516	238.327.271
II Tiền gửi	572.968.721	128.587.593	4.382.048	2.581.355	708.519.717
IV Vố y thác đầu tư, cho vay mà TCTD chỉ i ro	23.153	-	-	-	23.153
V Phát hành giấy tờ có giá	18.211.995	2.509	-	-	18.214.504
VI Các khoản ải trả khác	15.577.170	2.021.213	26.742	25.554	17.650.679
ợ phải trả	782.256.415	171.222.678	22.005.806	7.250.425	982.735.324
Trạ ệ nội bảng	57.238.679	4.080.165	123.731	(523.148)	60.919.427



### 43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) *Rủi ro thanh khoản*

ri ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã tho  
đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy độ ổn hoặc không thanh khoả ăn.

Thời gian đáo hạn                      ả                      ải trả thể hiện thời                      ả                      ải trả tính từ  
thời điểm                      ắt đến kỳ thanh toán theo quy định                      ồng hoặc trong  
điều khoản phát hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Các giả định và điều kiện trả trên bảng cân đối kế : ời gian đến hạn ả ải

» Tiền gửi trả tiền gửi thanh toán, bao gồm cả tiền gửi dự trữ; ộc;

» Thời gian đáo hạn ước 1 tháng do các chủ sở hữu nhận tiền mặt; chênh lệch giá;

» Thời gian đáo hạn                      ứng khoản đầu tư đ                      ựa trên ngày đáo hạn                      ừng loại chứng  
khoản theo như quy đị                      ị phát hành;

» Thời gian đáo hạn của khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng dựa trên ngày đến hạn của khoản quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các yếu tố khác nhau.

» Thời gian đến hạn trả lãi đầu tư góp vốn, mua cổ phần 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời hạn đáo hạn xác định; và

» Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức, tiền gửi này được sử dụng để thực hiện các giao dịch tài chính dựa vào tính chất của khoản vay, tiền gửi và giấy tờ có giá này hoặc thời gian đáo hạn của khoản vay, tiền gửi khác tại Vietcombank và tiền gửi tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch theo loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn dựa trên ngày đến hạn theo quy định. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể kéo dài hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn của các khoản phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2017:

**43 THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) *Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

		Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng Triệu VND
		Trên 3 tháng Triệu VND	Đến 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	
Tài sản									
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	10.102.861	-	-	-	-	10.102.861
II	Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	93.615.618	-	-	-	-	93.615.618
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức	-	-	194.131.417	24.164.184	2.680.525	11.997.277	-	232.973.403
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	9.750.244	-	-	-	-	9.750.244
V	C			-	832.354	-	-	-	832.354
VI	Cho vay khách hàng – gộp	2.691.053	1.894.798	45.327.702	119.756.136	165.406.550	110.207.307	98.150.914	543.434.460
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	2.573.430	988.383	8.875.820	81.269.187	36.385.499	130.092.319
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	3.577.967	3.577.967
IX	Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	6.162.361	6.162.361
X	Tài sản Có khác – gộp	-	-	-	13.113.164	-	-	-	13.113.164
	ản	2.691.053	1.894.798	355.501.272	158.854.221	176.962.895	203.473.771	144.276.741	1.043.654.751
Nợ phải trả									
I	Các khoản								
	TCTD khác	-	-	222.504.598	8.751.684	4.031.038	1.953.730	1.086.221	238.327.271
II	Tiền gửi	-	-	204.482.711	124.412.793	210.522.090	33.359.982	135.742.141	708.519.717
IV	Vố	-	-	153	-	-	1.640	21.360	23.153
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.017	-	-	7.352.100	10.860.387	18.214.504
VI	Các khoản	-	-	-	17.650.679	-	-	-	17.650.679
	ợ phải trả	-	-	426.989.479	150.815.156	214.553.128	42.667.452	147.710.109	982.735.324
	ản ròng	2.691.053	1.894.798	(71.488.207)	8.039.065	(37.590.233)	160.806.319	(3.433.368)	60.919.427



## 44. SỐ LIỆU SO SÁNH

(a) ảnh của                      ớc

Số liệu đầu kỳ tại bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày như sau:

(i) Ảnh hưởng đối với tổng tài sản

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Cho vay khách hàng	452.721.687	452.684.316	37.371
Cho vay khách hàng	460.808.440	460.808.468	(28)
Dự	(8.086.753)	(8.124.152)	37.399
Tài sản cố định	5.729.637	5.639.382	90.255
Tài sản cố định hữu hình	3.726.000	3.717.046	8.954
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>	<i>8.632.207</i>	<i>8.621.996</i>	<i>10.211</i>
<i>ản cố định</i>	<i>(4.906.207)</i>	<i>(4.904.950)</i>	<i>(1.257)</i>
Tài sản cố định vô hình	2.003.637	1.922.336	81.301
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>	<i>2.603.156</i>	<i>2.518.777</i>	<i>84.379</i>
<i>ản cố định</i>	<i>(599.519)</i>	<i>(596.441)</i>	<i>(3.078)</i>
Tài sản Có khác	10.700.615	10.800.045	(99.430)
Các khoản phải thu	2.958.093	2.950.677	7.416
Các khoản lãi, phí phải thu	5.791.137	5.786.098	5.039
Tài sản thuế                      ếp hoãn lại	1.943	1.943	-
Tài sản Có khác	1.950.379	2.062.264	(111.885)
Các khoản dự                      ản Có nội bảng khác	(937)	(937)	-
ảnh hưởng			28.196

(ii) Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Các khoản nợ khác	12.661.994	12.677.844	(15.850)
Các khoản lãi, phí phải trả	6.454.174	6.454.174	-
Thuế                      ệp hoãn lại phải trả	18.461	18.461	-
Các khoản phải trả                      hác	6.189.359	6.205.209	(15.850)
Lợi nhuận chưa phân phối	5.874.992	5.830.946	44.046
<i>ể lại năm trước</i>	<i>1.204.902</i>	<i>1.204.902</i>	<i>-</i>
	<i>4.670.090</i>	<i>4.626.044</i>	<i>44.046</i>
ổn chủ sở hữu	48.145.556	48.101.510	44.046
ảnh hưởng			28.196

(iii) Ảnh hưởng đối với các cam kết ngoại bảng:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Cam kết trong nghị	43.914.997	44.755.947	(840.950)
Bảo lãnh khác	36.670.024	36.683.048	(13.024)

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

(iv) Ảnh hưởng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
à ự	37.718.211	37.713.172	5.039
Thu nhập	18.532.750	18.527.711	5.039
Thu từ hoạt động khác	2.294.727	2.293.539	1.188
ừ hoạt động khác	1.918.378	1.917.190	1.188
Chi phí hoạt động	(9.939.012)	(9.950.443)	11.431
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.946.847	14.929.189	17.658
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.368.707)	(6.406.106)	37.399
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	8.578.140	8.523.083	55.057
Chi phí thuế ệp hiện hành	(1.683.093)	(1.672.082)	(11.011)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.683.093)	(1.672.082)	(11.011)
Lợi nhuận sau thuế	6.895.047	6.851.001	44.046
Lợi nhuận	6.875.771	6.831.725	44.046

(b) ỉnh số liệu ỳ cũ ệ hợp nhất

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về Chế độ báo cáo tài chính với TCTD, Ngân hàng đã trình bày lại số liệu các khoản ỳ hạn gốc trên 3 tháng nhưng có kỳ hạ ại dưới 3 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 và loại ra khỏi sổ dư tiền và các khoản tương đương tiền tạ ại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ất. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trướ ại như sau:

	31/12/2016 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2016 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức	(12.195.279)	331.414	(12.526.693)
Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(31.805.807)	(22.008.457)	(9.797.350)
Lưu từ hoạt động kinh doanh	(2.960.286)	19.363.757	(22.324.043)
	(6.847.898)	15.476.145	(22.324.043)
à ại thờ ối năm	157.564.955	179.888.998	(22.324.043)

## THUYẾT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

45. THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

ể	ể	31 tháng 12 năm 2017 so với năm kế
ớc thuế	ả	ể
chính sau:		(tương đương 32,21%) do các khoản
Ảnh hưởng		
	Số tiền Tỷ VND	Tỷ lệ trên lợi nhuận trước thuế %
Khoản mục có biến động chủ yếu		
ừ hoạt động dị	1.052	12,26%
ừ thanh lý các kho ản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	142	1,66%
ừ lãi tiền gửi	454	5,29%
p lãi từ kinh doanh, đầu tư chứ	634	7,39%
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	181	2,11%
Giảm chi phí dự	170	1,98%
	2.633	30,69%

46. CÁC SỰ KIỆN XẢY RA SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ất này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể ảnh hưởng trọng yếu đế ầ cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết ất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kế .

47. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

á ề hành Ngân hàng phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

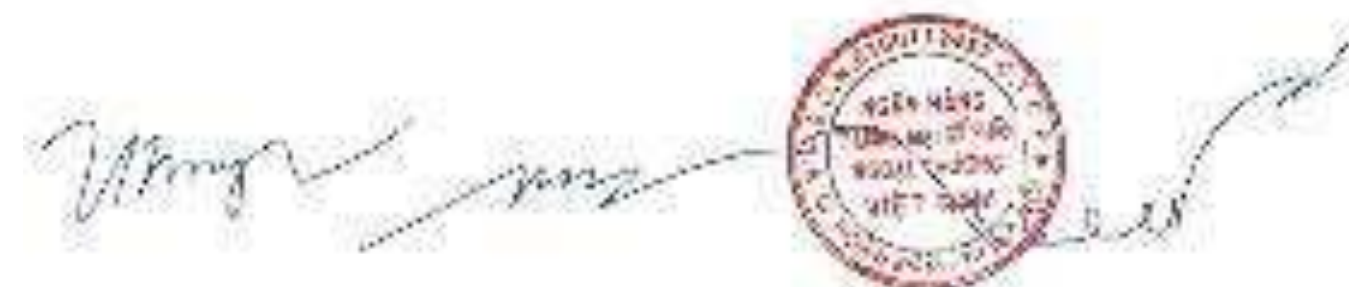
Người :

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Hoàng Tùng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến



Tổ

ế độ Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc





**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 24 3934 3137 Fax: (+84) 24 3826 9067

Swift: BFTV VNVX Website: [WWW.VIETCOMBANK.COM.VN](http://WWW.VIETCOMBANK.COM.VN)